

**LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM  
HỘI NGÔN NGỮ HỌC VIỆT NAM**

**NÓI TẮT VÀ VIẾT TẮT TỪ NGỮ  
TRONG VĂN BẢN TIẾNG VIỆT**

**(ĐỀ TÀI KHOA HỌC CẤP BỘ NÓI TẮT VÀ VIẾT TẮT TRONG  
TIẾNG VIỆT: HIỆN TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP)**

**HÀ NỘI 2002**

4508-24  
8/7/03

## MỤC LỤC

1, <i>Nói tắt và viết tắt từ ngữ trong tiếng Việt</i> (GS.TSKH Nguyễn Quang Hồng).....	Tr 1
2, <i>Tắt tố trong tiếng Việt</i> (GS.TSKH Trần Ngọc Thêm).....	Tr 15
3, <i>Về khái niệm tắt tố và các kiểu định danh tắt trong tiếng Việt</i> (TS Mai Xuân Huy).....	Tr 36
4, <i>Về cách viết, cách đọc định danh tắt và một số gợi ý về cách đặt tên tắt</i> (TS Mai Xuân Huy).....	Tr 47
5, <i>Sử dụng dạng tắt trên báo chí hiện nay</i> (PGS.TS Nguyễn Ngọc Trâm).....	Tr 57
6, <i>Tắt tự ghép thương hiệu Việt Nam</i> (TS Dương Kỳ Đức).....	Tr 68
7, <i>Về cách xử lý "chữ viết tắt" trên sóng phát thanh truyền hình hiện nay</i> (Đặng Thanh Hoà).....	Tr 73
8, <i>Nói tắt bằng phương thức rút gọn định danh</i> (TS Phạm Văn Tình – Kim Dung).....	Tr 78

## PHỤ LỤC

1, <i>Hiện trạng nói tắt, viết tắt trong giao tiếp</i> (TS Huỳnh Công Tín).....	Tr 84
2, <i>Một số kiểu nói rút gọn xét ở cấp độ từ ngữ</i> (Hồ Xuân Tuyên).....	Tr 90
3, <i>Viết tắt tiếng Việt: tình trạng và giải pháp</i> (Lê Hoài Thao).....	Tr 94
4, <i>Nói tắt nhu cầu và hệ quả</i> (Lê Xuân Mậu).....	Tr 98
5, <i>Đối chiếu một số cách viết tắt trong tiếng Nga và tiếng Việt - đôi điều suy nghĩ</i> (Phạm Thuận Thành).....	Tr 101

# NÓI TẮT VÀ VIẾT TẮT TỪ NGỮ TRONG TIẾNG VIỆT

NGUYỄN QUANG HỒNG

(GS.TSKH, Hội NNH Việt Nam)

Để thực hiện việc giao tiếp bằng ngôn ngữ và chữ viết một cách hiệu quả, người ta cần phải nói và viết sao cho đủ lời đủ chữ, nhưng lắm khi lại phải biết kiệm chữ kiệm lời. Kiệm chữ kiệm lời trong khi nói và viết diễn ra trên nhiều cấp độ. Có thể là cần phải lược bỏ bớt cả một đoạn văn, một câu nói hoặc một cụm từ ngữ trong câu nào đó. Và cũng có thể là rút gọn lại một từ ngữ, một tên gọi các đối tượng đã được nhắc đến. Trong trường hợp cuối cùng, chúng ta động chạm đến những hiện tượng gọi là *nói tắt từ ngữ* và *viết tắt từ ngữ*. Kết quả của những hiện tượng này sẽ cho ta những dạng thức tồn tại mới của từ ngữ đã có. Có thể quy ước gọi đó là những *từ ngữ nói tắt* và *từ ngữ viết tắt*, và cả hai loại này có thể gọi chung là *từ ngữ tắt*.(1)

Nói (gọi) tắt từ ngữ và viết tắt từ ngữ cùng chịu sự chi phối của một nguyên lí chung là nguyên lí tiết kiệm trong sử dụng từ ngữ. Do đó giữa hai hiện tượng này phải có những điểm tương đồng nhất định. Tuy nhiên, nói tắt trước hết và chủ yếu là hiện tượng thuộc về ngôn ngữ (và hoạt động nói năng), còn viết tắt thì trước hết và chủ yếu là hiện tượng thuộc về chữ viết (và hoạt động viết chữ). Mặc dù chữ viết và ngôn ngữ là liên quan với nhau, song không phải là một. Bởi vậy nói tắt từ ngữ và viết tắt từ ngữ tuy có chỗ giống nhau và ít nhiều liên quan nhau, song không thể đồng nhất hai hiện tượng này làm một được.

## 1. Quá khứ và hiện tại

Nói tắt và viết tắt từ ngữ trong tiếng Việt hiện nay xuất hiện khá phổ biến, gây nên sự chú ý của nhiều người, kể cả các nhà nghiên cứu ngôn ngữ. Ai cũng nhận thấy rằng hàng loạt những từ ngữ gọi tắt và đặc biệt là từ ngữ viết tắt dường như chỉ gần đây mới xuất hiện. Chẳng hạn, nói tắt như: *phối kết hợp* < (*phối hợp* và *kết hợp*), *thanh kiểm tra* < (*thanh tra* và *kiểm tra*), *thanh quyết toán* < (*thanh toán* và *quyết toán*), *kích cầu* < (*kích thích nhu cầu*) ... Viết tắt như: *VTV* < (*Vietnam Television - Đài Truyền hình Việt Nam*), *VAC* < (*Vườn - Ao - Chuồng*), *WTO* < (*World Trade Organization - Tổ chức Mậu dịch Thế giới*) v.v. Quả thực trong các văn bản và ngôn từ kinh

tế, hành chính, báo chí, khoa học ngày nay do nhu cầu phản ánh kịp thời nhiều hiện tượng và khái niệm mới nảy sinh, do tăng cường giao lưu tiếp xúc với thế giới, do sự tiến bộ của kĩ thuật truyền thông hiện đại,... hiện tượng nói tắt và viết tắt từ ngữ có xu hướng phát triển mạnh.

Tuy nhiên, nói tắt và viết tắt từ ngữ không phải là cái gì hoàn toàn mới lạ trong tiếng Việt và chữ Việt. Chỉ cần nhìn lại trước đây dăm chục năm, ta sẽ thấy những kiểu nói tắt và viết tắt như trên đã xuất hiện không ít. Chẳng hạn, nói tắt như: *thương bệnh binh* < (*thương binh và bệnh binh*), *công thương* < (*công nghiệp và thương nghiệp*), *rèn cán chỉnh cơ* < (*rèn luyện cán bộ, chỉnh đốn cơ quan*). .. Viết tắt như: *SKZ* < (*súng không giật*), *ATK* < (*an toàn khu*), *KC* < (*kháng chiến*), v.v. Từ đầu thế kỉ XX và cả trước đó rất lâu nữa, người Việt Nam đã nói: *Cụ Bàng Đôn* (thay vì *Cụ Bàng nhân Lê Quý Đôn*). *Ông Mạnh, ông Lư* (thay vì *Ông Mạnh Đức Tư Cửu, ông Lư Thoa* - tức Montesquieu và Rousseau). Còn viết tắt thì có thể nói là từ khi nước ta có chữ Quốc ngữ thì cũng là lúc trong các văn bản tiếng Việt có mặt các từ ngữ viết tắt. Nhiều văn bản viết tay chữ Quốc ngữ ở thế kỉ 17 - 18 lưu hành trong giới công giáo đã sử dụng nhiều hình thức viết tắt, trong đó thường gặp là *Đ.C.B.* < (*Đức Chúa Bời*), *Đ.C.J* < (*Đức Chúa Jêsu*). Trong chữ Nôm cũng có hiện tượng viết tắt, nhưng đây là một lĩnh vực thuộc loại hình văn tự ô vuông biểu âm biểu ý, cần được xem xét riêng. (2)

Vậy có gì khác nhau giữa xưa và nay trong hiện tượng nói tắt và viết tắt từ ngữ? Trước hết, do sự phát triển của ngôn ngữ viết hiện đại trong điều kiện của những tiến bộ khoa học kĩ thuật nói chung và công nghệ truyền thông tin học nói riêng, hiện tượng viết tắt đặc biệt trở nên phổ biến và được chấp nhận rộng rãi hơn xưa trong nhiều phong cách chức năng khác nhau, có sự phát triển mạnh về lượng và cả về chất trong hình thức viết tắt. Trong khi đó, hiện tượng nói tắt ngày nay về cơ bản vẫn giữ nguyên những ấn tượng đã từng có từ ngày xưa, mặc dù có bổ sung thêm không ít những từ ngữ nói tắt mới. Tiếp theo, do quan hệ quốc tế mở rộng, sự giao lưu thông tin được tăng cường, nên hiện tượng ngoại nhập các hình thức từ ngữ tắt (đặc biệt là viết tắt) ngày càng gia tăng. Cuối cùng, liên quan với cả hai điều trên đây, là hiện tượng xô bồ, lộn xộn, trùng lặp, thiếu sáng sủa trong khi sử dụng các lối nói tắt và đặc biệt là viết tắt thường xảy ra, và do đó nhu cầu chuẩn hoá trong việc tạo lập và sử dụng các hiện tượng này trở nên bức thiết.

## 2. Nội sinh và ngoại nhập

Xét về xuất phát điểm của các từ ngữ đã được *tắt hoá*, trên đại thể ta cần phân biệt từ ngữ tắt *nội sinh* do chính người Việt ta thực hiện và những từ ngữ tắt *ngoại nhập* từ các ngôn ngữ khác trên thế giới.

2.1. Từ ngữ tắt *nội sinh* bao gồm những hình thức nói tắt hoặc viết tắt từ ngữ do chính người Việt tạo ra, không phụ thuộc vào nguyên dạng của từ ngữ ấy là từ ngữ thuần Việt hay ngoại lai.

(A) Từ ngữ nói tắt nội sinh như: *Thanh* < (*Thanh Hoá*), *Việt Minh* < (*Việt Nam Độc lập Đông Minh*), *hai tốt* < (*dạy tốt, học tốt*), *ba sôi hai lạnh* < (*ba phần nước sôi, hai phần nước lạnh*), *y bác sĩ* < (*y sĩ và bác sĩ*), *cụ Xít* < (*cụ Xít-ta-lin* < *сталин*), v.v. Cần lưu ý là có nhiều từ ngữ đa tiết vốn du nhập từ ngoại ngữ, nhưng được đơn tiết hoá khá triệt để, đặc biệt là trong khẩu ngữ, như: *cóp* < (*cóp-py* < *copy*), *ốt* < (*ki-ốt* < *kiosk*), v.v. Những hình thức "rút gọn" này sở dĩ có được là do chịu sự chi phối không những từ nguyên tắc tiết kiệm trong phát âm (nhất là trong khẩu ngữ), mà còn từ áp lực của cơ cấu đơn tiết trong nội bộ tiếng Việt.

(B) Từ ngữ viết tắt nội sinh như: *KC* < (*kháng chiến*), *VAC* < (*vườn - ao - chuồng*), *VTV* < (*Vietnam Television*), *HTX* < (*hợp tác xã*), *FAFIM* < (*Phát hành phim* < *Quốc doanh Phát hành phim và Chiếu bóng*), *Cogido* < (*Công ty Giấy Đông Nai*), *Tocontap* (*Tổng công ty Tạp phẩm*), *Sunhasaba* < (*xuất nhập sách báo*), *Diahavina* < (*Đĩa hát Việt Nam*), v.v. Đây chính là bộ phận từ ngữ tắt đang được thịnh hành và sinh sôi mạnh mẽ trong thời kì phát triển kinh tế và văn hoá xã hội ở nước ta hiện nay.

2.2. Từ ngữ tắt ngoại nhập bao gồm tất cả những dạng thức và đơn vị từ ngữ đã được tắt hoá từ ngoại ngữ du nhập vào tiếng Việt và chữ Việt.

(A) Từ ngữ nói tắt ngoại nhập có mặt trong tiếng Việt chủ yếu là do du nhập từ tiếng Hán, là ngôn ngữ có quan hệ tiếp xúc chặt chẽ, lại cùng thuộc loại hình đơn lập - âm tiết tính với tiếng Việt. Thí dụ: *Nga* < (*Nga* 俄 < *Nga-la-tư* 俄羅斯, *Âu - Mĩ* (*Âu Mĩ* 歐美 < *Âu châu hoà Mĩ châu* 歐洲和美洲), *Ngoại trưởng* < (*Ngoại trưởng* 外長 < *Ngoại giao bộ Bộ trưởng* 外交部長), *tham chiến* < (*tham chiến* 參戰 < *tham gia tác chiến* 參加作戰), v.v. Có thể nhận thấy rằng khi du nhập các từ ngữ tắt như trên, người Việt đã đọc với âm Hán Việt, mà các ngữ tố Hán Việt này đã được Việt hoá ở mức độ khá cao, cho nên thông thường không mấy ai thấy có sự khác nhau gì giữa những từ ngữ tắt ngoại nhập này với các từ ngữ tắt Hán Việt nội sinh. Sở dĩ có thể cho đây là những từ ngữ tắt ngoại nhập chẳng qua là về lí mà nói, chúng đã xuất hiện từ trước trong văn bản tiếng Hán rồi, và lại có dựa vào hình thức đầy đủ trong nguyên ngữ thì mới hiểu được chính xác các từ ngữ tắt đó. Tuy nhiên, vẫn có thể coi những từ ngữ tắt này là nội sinh nếu cho rằng người Việt đã trực tiếp tạo nên chúng từ các ngữ tố Hán Việt sẵn có.

Với các ngoại ngữ khác, có thể cũng tìm thấy một vài trường hợp du nhập từ ngữ nói tắt vào tiếng Việt, nhưng chỉ là lẻ tẻ, không đáng kể so với du nhập từ tiếng Hán.

(B) Từ ngữ viết tắt ngoại nhập là những hình thức từ ngữ đã được viết tắt từ trước trong các ngoại ngữ rồi mới du nhập vào tiếng Việt, trước hết là trong ngôn từ thành văn. Đối với từ ngữ viết tắt ngoại nhập thì quan hệ gần gũi về loại hình ngôn ngữ không có ý nghĩa gì, mà ngược lại, sự tương đồng về loại hình chữ viết mới thực sự là quan trọng. Tiếng Việt hiện dùng chữ viết theo tự mẫu La-tinh, nên lẽ đương nhiên là sẽ dễ dàng du nhập các từ ngữ

viết tắt từ các văn bản tiếng Anh, tiếng Pháp, ... Đặc biệt ngày nay tiếng Anh đang có vai trò rất hiển nhiên trong giao lưu quốc tế, nên từ ngữ viết tắt trong tiếng Anh có mặt khá phổ biến không những trong văn bản tiếng Việt, mà cả ở nhiều ngôn ngữ khác, kể cả Hán, Nhật, Hàn v.v. là những nước không dùng chữ viết theo tự mẫu La-tinh. Sau đây là một vài thí dụ trong văn bản tiếng Việt: *g* < (*grame* - gam), *km* < (*kilometre*), *AFP* < (*Agence France-Press* - Hãng Thông tấn Pháp), *GDP* < (*Gross Domestic Product* - Tổng giá trị tăng sản quốc nội), *HIV* < (*Human Immunodeficiency Virus* - Độc tố gây bệnh thủ tiêu khả năng miễn dịch ở cơ thể người), *FAO* < (- Tổ chức Lương thực Nông sản Quốc tế), *Tel.* < (*Telephone* - điện thoại), *VIP* < (*Very Important Person* - nhân vật quan trọng, khách quý), *AIDS* < (*Acquired Immune Deficiency Syndrome* - mắc chứng giới tính tổng hợp thiếu năng miễn dịch), v.v. Có thể nói đây là bộ phận từ ngữ viết tắt phong phú nhất và đa dạng nhất trong văn bản tiếng Việt cũng như nhiều ngôn ngữ khác trong khu vực và trên thế giới hiện nay.

### 3. Lâm thời và ổn định

Nếu như có sự phân biệt tính chất lâm thời và tính chất ổn định của một sự tồn tại nào đó, thì nói tắt và viết tắt từ ngữ chính là những hiện tượng cần được phân biệt như vậy. Sự phân biệt này không hẳn là diễn ra giữa ngôn từ của thiểu số với đa số thành viên trong một cộng đồng ngôn ngữ - chữ viết, mà trước hết là trong ngôn từ của mỗi cá thể thành viên khi thực hiện hành ngôn (và "hành văn") trong những bối cảnh nhất định.

3.1. Nói tắt và viết tắt lâm thời là những hiện tượng thực hiện "tắt hoá" hình thức vốn có của từ ngữ trong khi nói hoặc trong khi viết một cách lâm thời và việc nghe hiểu hoặc đọc hiểu các hình thức tắt đó là có điều kiện cụ thể cho từng bối cảnh.

(A) Có thể kể vào dạng nói tắt lâm thời những trường hợp như sau. Chẳng hạn, trong giới trẻ tuổi khi chuyện vãn với nhau thường nói: *xí* < (*xấu xí*), *đú* < (*đú đờn*), *bôn* 'ngghiêm chỉnh quá mức' < (*Bôn-sê-vich* < *Boshevich*), *khốt* 'già, cổ-lổ' < (*Khốt-ta-bit* < *Khotabit*). Những trường hợp như: *hợp* < (*hợp tác xã*), *đào bồi* < (*đào tạo và bồi dưỡng*), *Cao - Xà - Lá* < (*Cao su - Xà phòng - Thuốc lá*), v.v. cũng có thể coi là nói tắt lâm thời.

(B) Viết tắt lâm thời xảy ra trước hết trong các giấy tờ ghi chép của cá nhân. Chẳng hạn, trong vở ghi bài của học sinh sinh viên và thậm chí trên bảng đen của thầy giáo có thể bắt gặp khá phổ biến các chữ viết tắt như: *ng/c* < (*ngiên cứu*), *vđ* < (*vấn đề*), *kté* < (*kinh tế*), *KL* < (*kết luận*), *t<sup>2</sup>* < (*tư tưởng*), v.v. Một vài chữ tắt như vậy đôi khi cũng có khả năng trở nên ổn định và đi vào các văn bản chính thức của cộng đồng (có thể v.v. < (*vân vân*), *Td* < (*thí dụ*), *Vd* < (*ví dụ*), là những trường hợp như vậy). Có thể coi là viết tắt lâm thời ngay cả những trường hợp viết tắt theo quy ước đối với một số từ ngữ xuất hiện nhiều lần trong một văn bản cụ thể (trong bài báo thời sự, trong luận văn khoa học, trong công văn hành chính, v.v.).

3.2. Nói tắt và viết tắt ổn định là những hình thức "tắt hoá" đã trở nên phổ biến, nói chung có thể nghe hiểu và đọc hiểu được mà không cần phải gắn với một ngôn từ (văn bản) cụ thể.

(A) Các hình thức nói tắt từ ngữ được coi là ổn định có thể là những trường hợp như: Nga < (Nga-la-tô), kí < (kí-lô < ki-lô-gam < kilograme), Việt Minh < (Việt Nam Độc lập Đông minh), khoa giáo < (khoa học và giáo dục), công thương < (công nghiệp và thương nghiệp), thương bệnh binh < (thương binh và bệnh binh), y bác sĩ < (y sĩ và bác sĩ), v.v. Mức độ ổn định có thể thấp, có thể cao. Trong trường hợp ổn định cao, hình thức tắt có thể thay thế hoàn toàn hình thức từ ngữ gốc, đầy đặn đầy đủ vào quên lãng hoặc không cần biết đến. Nga, Anh, Pháp, Đức, ông Nghi, ông Tú ... là những trường hợp như vậy.

(B) Từ ngữ viết tắt cũng có khả năng được ổn định theo những mức độ khác nhau. Có thể coi là ổn định ở mức độ thấp như: CM < (cách mạng), CP < (Chính phủ), GS < (giáo sư), TTg < (Thủ tướng), BTV < (biên tập viên), HTX < (hợp tác xã), UBND < (Ủy ban Nhân dân), v.v. Cũng có không ít những từ ngữ viết tắt được ổn định tương đối cao, như: v.v. < (vân vân), Vd < (ví dụ), VN (Việt Nam), USA < (United States of America - Hợp chúng quốc Hoa Kỳ), VCD < (Video Compact Disc - đĩa quang hiển thị cao tần), VIP < (Very Important Person - nhân vật quan trọng, khách quý), ... Thậm chí ổn định cao đến mức có khi không cần (và không nên) viết theo nguyên dạng đầy đủ của từ ngữ gốc nữa. Thí dụ: km < (kilometre), VTV < (Vietnam Television), SOS < (Save Our Souls - Tín hiệu cấp cứu quốc tế), v.v.

Các nhà biên soạn từ điển có thể tùy theo mức độ ổn định của từ ngữ tắt (nói và viết) và tùy theo dung lượng của từ điển mà thu nạp các từ ngữ tắt đó vào từ điển của mình.

#### 4. Dạng tắt và dạng gốc.

##### Lược tố và lưu tố. Thế tố và hợp tố.

Khi nói đến "tắt", tức là có ý khẳng định một quá trình lược bỏ bớt những bộ phận nào đó (xin gọi là lược tố) trong nguyên dạng từ ngữ gốc (dạng gốc), chỉ lưu giữ lại một số thành tố làm đại diện (xin gọi là lưu tố) và kết quả là ta có được một hình thức rút gọn (dạng tắt) của từ ngữ đã cho. Theo đó, muốn khẳng định một dạng thức nào đó là từ ngữ tắt, phải xác định đúng đâu là nguyên dạng đầy đủ của từ ngữ đó, và người ta đã thực hiện lược bỏ những gì và để lại những gì từ trong dạng gốc đã cho.

Chẳng hạn, VAC là dạng viết tắt của dạng từ ngữ gốc là vườn - ao - chuồng sau khi lược bỏ các chữ cái cuối của mỗi âm tiết đã cho, chỉ giữ lại ba chữ cái đầu là V-, A- C- làm lưu tố để tạo nên dạng viết tắt đang xét. Còn như khi nói tắt từ ngữ văn hoá - xã hội (dạng gốc) thành văn xã (dạng tắt) tức là ta đã lược bỏ bớt hai âm tiết hoá và hội (lược tố), chỉ giữ lại hai âm tiết văn và xã (lưu tố). Ngược lại, không thể nói rằng Nga là dạng nói tắt của một

dạng gốc là *Cộng hoà Liên bang Nga* được, vì từ lâu trước khi có tên gọi mới này cho nước Nga, người Việt đã quen với tên gọi *Nga* (mà nguyên dạng phải là *Nga-la-tư* từ trong Hán ngữ). Lưu tổ ở đây là âm tiết *Nga*, và lược tổ là hai âm tiết *la* và *tư*.

Ta cũng không thể coi các dạng viết từ ngữ như: *hăm chữ A*, *tam giác ABC*, *lớp 10B*, *nhóm máu O*, *vitamin E*, *đội hình chữ V*... là có chứa chữ viết tắt trong đó. Thực ra đây chỉ là cách đặt tên đối tượng theo chữ cái, bản thân các tên gọi này là thể và không hề có chuyện viết tắt ở đây. Chúng ta nên gọi những trường hợp như thế là *từ ngữ chữ cái* thì thoả đáng hơn, chứ không nên đưa chúng vào phạm vi của từ ngữ nói tắt và viết tắt. (3) Cũng có không ít danh xưng các cửa hiệu, nhà hàng như: *V&M* (hiệu giày), *LiOA* (hãng đồ điện), v.v. dường như là được tạo ra bằng cách viết tắt (từ tên riêng của chủ nhân các cửa hiệu, nhà hàng ấy). Nếu sự thực là thế, thì đó là sự thực trong chỗ riêng tư của các nhà hàng, cửa hiệu ấy, còn đối với xã hội thì mọi người tiếp nhận những tên hiệu chữ cái đó một cách "vô tư", không cần biết trong đó có những thành tố gì, mang ý nghĩa gì. Nghĩa là trong thao tác tạo lập thì đây là những từ ngữ tắt, rút gọn từ những thành tố có trước, song trong sự tiếp nhận của xã hội thì chúng là một nguyên khối mà không cần biết và phân tích dạng gốc.

Những trường hợp như *trao đổi ý kiến* hay *tranh thủ thời gian* / *cơ hội* đôi khi được nói (và cả viết) gọn lại là *trao đổi* hay *tranh thủ* cũng là sự "tắt hoá", song có nên thừa nhận đó là nói tắt hay viết tắt những từ ngữ hay không, có lẽ cần cân nhắc thêm. Dấu sao thì đây cũng chỉ là nói tắt lâm thời những ngữ cú tự do trong phát ngôn, và có phần tùy tiện, thiếu sáng sủa. Lại có những trường hợp xem ra có vẻ giống như từ ngữ tắt, như: *hăm* < (*hai mươi lăm*), *băm* < (*ba mươi lăm*), *lộ bêm* (*lộ bê-em* < *lộ B.M.*). Tuy nhiên, những hiện tượng gộp âm (còn gọi là "nuốt âm", "rúu tiếng") này trước hết đã diễn ra trong lời nói nhanh của khẩu ngữ, rồi sau mới ổn định dần thành một từ mới bên cạnh dạng gốc là một cụm từ tự do. Có lẽ cần có cách nhìn khác và cần xem xét riêng đối với những hiện tượng rúu tiếng như thế. (4)

Ngoài ra, ở một số trường hợp, trong khi tạo lập dạng tắt cho từ ngữ gốc, có một số lược tổ nào đó được thay thế bằng một yếu tố chung (xin gọi là *thế tổ*) không có mặt trong dạng gốc của từ ngữ. Td: *Hai tốt* < (*dạy tốt học tốt*). Trong thí dụ này *dạy* và *học* là hai lược tổ khác nhau nhưng đồng chức (cùng có vai trò ngữ nghĩa như nhau trong dạng từ ngữ gốc), được thay bằng một thế tổ là *hai*. Đồng thời với sự xuất hiện của thế tổ, là sự gộp làm một các lưu tổ trùng hợp nhau: hai lưu tổ *tốt* đã được gộp lại làm một trong dạng từ ngữ tắt. Nếu muốn, ta có thể gọi kiểu lưu tổ này là *hợp tổ*, để phân biệt với các lưu tổ khác. Có khá nhiều các từ ngữ nói tắt trong tiếng Việt (và nhất là trong tiếng Hán) được tạo lập với thế tổ là ngữ tố chỉ số (*hai*, *ba*, *bốn*...). Thế tổ đôi khi cũng xuất hiện cả trong từ ngữ viết tắt, nhưng chủ yếu là trong lối viết tắt lâm thời. Chẳng hạn, trong vở ghi chép của sinh viên có thể bắt gặp cách viết tắt như: *Ng<sup>2</sup>* < (*ngôn ngữ*), *T<sup>1</sup>* < (*thành tố trực tiếp*), *t<sup>2</sup>* < (*tư tưởng*) v.v.



Cũng có thể coi dấu "&" trong dạng viết tắt, chẳng hạn: *GD&TĐ* < (*Giáo dục và Thời đại*) là thế tổ cho lưu tố và. Trường hợp dùng dấu "/" trong các tổ hợp như ngày 2/9/1945 (ngày 2 tháng 9 năm 1945) hay lương 800đ/tháng (lương 800đ mỗi tháng / lương mỗi tháng 800đ / lương tháng 800đ) có nên coi là thế tổ cho các lưu tố khác nhau hay không, có lẽ cũng cần được cân nhắc thêm. Lưu tố không chỉ là những gì đã được tắt hoá, mà kể cả những gì còn lại trong dạng tắt như nó vốn có, chẳng hạn: *VINAMILK* < (*Vietnam Milk*).

### 5. Thuộc đo theo âm và thuộc đo theo chữ

Do chỗ các từ ngữ nói tắt và viết tắt ngoại nhập không do người Việt ta tạo ra, nên ở đây, để cho thiết thực, chúng ta chỉ xem xét các hình thức tạo lập từ ngữ nói tắt và viết tắt nội sinh trong tiếng Việt.

5.1. Lưu tố trong quá trình nói tắt từ ngữ là các đơn vị ngữ âm với những kích thước khác nhau. Tiếng Việt (cũng như tiếng Hán) là một ngôn ngữ có cơ chế đơn tiết cả về ngữ âm lẫn hình thái, cho nên tiếng Việt hầu như chỉ lấy đơn vị *âm tiết* làm lưu tố trong khi nói tắt từ ngữ. Những trường hợp đặc biệt như: (*gramme* > *gờ-ram*) > *gam*, (*creme* > *cờ-rem*) > *kem* nếu coi là có hiện tượng tắt hoá từ ngữ, thì ở đây dường như có mặt các lưu tố nhỏ hơn âm tiết: âm đầu của *gờ* và vần cái của *ram* là hai lưu tố tạo thành dạng tắt là *gam*; tương tự như vậy, âm đầu của *cờ* và vần cái của *rem* tạo thành dạng tắt là *kem*. Thế nhưng cũng có thể xem đây là hiện tượng riu tiếng như đã nói ở trên, chủ yếu chịu sự chi phối của áp lực đơn tiết hoá (đồng thời là Việt hoá) và do quy luật gộp âm trong khẩu ngữ mà thành.

Từ ngữ nói tắt trong tiếng Việt có kích thước ngữ âm từ 1 âm tiết đến tối đa là 4 âm tiết, thông thường là 2 âm tiết và 3 âm tiết. Dạng tắt nếu chỉ gồm một âm tiết thì bản thân nó không có cấu trúc nội bộ xét về mặt từ ngữ. Còn dạng tắt có từ hai âm tiết trở lên thì bao giờ cũng có thể phân tích cấu trúc của nó theo các mối quan hệ giữa các thành tố trong đó.

(a) Dạng nói tắt từ ngữ là đơn tiết. Nói cách khác, đây là dạng rút gọn đến tối đa một từ ngữ đa tiết, chỉ giữ lại một âm tiết là lưu tố duy nhất làm đại diện. Thí dụ: *Bảng* < (*Bảng nhãn*), *Nghi* < (*Nghi viên*), *hợp* < (*hợp tác xã*), *xí* < (*xấu xí*)... Có thể kể vào đây cả những trường hợp như: *cóp* < (*cóp-py*), *bôn* < (*bôn-sê-vich*), *ốt* < (*ki-ốt*)...

(b) Dạng nói tắt từ ngữ là song tiết. Thí dụ: *Khoa giáo* < (*khoa học và giáo dục*): gồm hai lưu tố có cấu trúc đẳng lập như từ ngữ gốc. *Việt Minh* < (*Việt Nam Độc lập Đồng minh*): gồm hai lưu tố có cấu trúc chính phụ như từ ngữ gốc. *Hai tốt* < (*dạy tốt, học tốt*): gồm một thế tổ (*hai*) và một lưu tố là hợp tố (*tốt*), có cấu trúc chính phụ, khác với dạng gốc mang cấu trúc đẳng lập.

(c) Dạng tắt từ ngữ là ba âm tiết. Thí dụ: *Thanh Nghệ Tĩnh* < (*Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh*): gồm ba lưu tố có cấu trúc đẳng lập như từ ngữ gốc. *Thương bệnh binh* < (*thương binh và bệnh binh*): gồm ba lưu tố có cấu trúc chính phụ (hai lưu tố chính và một lưu tố phụ là hợp tố), khác với dạng gốc có

cấu trúc đẳng lập. *Ba đảm đang* < (*đảm đang chiến đấu, đảm đang sản xuất, đảm đang việc nhà*): gồm một lưu tố song tiết (*đảm đang*) và một thể tố đơn tiết (*ba*), có cấu trúc chính phụ, khác từ ngữ gốc mang cấu trúc đẳng lập.

(d) Dạng tắt từ ngữ gồm bốn âm tiết. Thí dụ: *Rèn cán chỉnh cơ* < (*rèn luyện cán bộ, chỉnh đốn cơ quan*): gồm bốn lưu tố có cấu trúc đẳng lập lưỡng phân nhu từ ngữ gốc. *Ba sôi hai lạnh* < (*ba phần nước sôi, hai phần nước lạnh*): gồm hai lưu tố và hai thể tố (*ba, hai*), có cấu trúc đẳng lập lưỡng phân nhu từ ngữ gốc.

5.2. Lưu tố trong hoạt động viết tắt dĩ nhiên phải là các đơn vị chữ viết với những kích thước khác nhau. Thông thường đơn vị chữ viết lấy làm lưu tố là các chữ cái, hoặc các cụm chữ cái đại diện cho những thành phần tạo nên dạng gốc của từ ngữ. Khác với nói tắt, hiện tượng viết tắt tỏ ra đa dạng hơn nhiều. Bởi vậy, một cách đại quan, ta nên phân biệt ba dạng từ ngữ viết tắt căn cứ vào lưu tố là chữ cái hay cụm chữ cái.

(a) Lưu tố trong dạng viết tắt là các chữ cái. Dạng tắt của từ ngữ có thể chỉ gồm một chữ cái, như: *V* < (*Việt Nam*), hoặc gồm một chữ cái lưu tố và một thể tố là chữ số, như: *T<sup>2</sup>* < (*tập thể*). Nhưng phần lớn là từ hai chữ cái trở lên. Độ dài của dạng tắt gồm bao nhiêu chữ cái chủ yếu phụ thuộc vào độ dài của dạng gốc gồm bao nhiêu âm tiết hoặc bao nhiêu thành tố cấu thành dạng từ ngữ gốc. Chẳng hạn: *Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam* (gồm 8 âm tiết) có thể viết tắt thành *CHXHCNVN* (gồm 8 chữ cái), hoặc *Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam* (10 âm tiết) có thể viết thành *MTDTGPMNVN* (10 chữ cái). Nhưng cái kích thước trên 7 chữ cái là quá cỡ so với mức chuẩn trong khả năng tiếp nhận tín hiệu chữ viết của người đọc bình thường (trong chữ Quốc ngữ mỗi âm tiết được viết rời thành một chuỗi chữ cái, tối đa là 7 chữ cái, như: *nghiêng*). Cho nên, để khắc phục điều này, chúng ta có thể viết tách từng cụm chữ cái theo các thành tố cấu thành từ ngữ gốc, như: *CH XHCN VN* và *MT DTGP MNVN*. Tuy nhiên, khi không thật sự cần thiết, thì để đỡ rối mắt, có lẽ chỉ nên viết tắt một vài bộ phận trong những từ ngữ có độ dài quá cỡ như thế. Chẳng hạn: *Cộng hoà XHCN Việt Nam, Mặt trận DTGP MNVN*.

(b) Lưu tố trong dạng từ ngữ viết tắt là các cụm chữ cái. Dạng tắt có thể chỉ gồm một cụm chữ cái, như: *khg* < (*không*), hoặc gồm một cụm chữ cái là lưu tố cùng với một thể tố là chữ số, như: *thg<sup>2</sup>* < (*thường thường*). Nhưng phần lớn là gồm từ hai cụm chữ cái trở lên. Chẳng hạn: ba cụm chữ cái như trong *TOCONTAP* < (*Tổng Công ty Tap phẩm*), hay như trong *VINAMILK* < (*Vietnam Milk*); bốn cụm chữ cái như trong *XUNHASABA* < (*Xuất nhập Sách báo*), v.v. Sẽ rất thích hợp và thuận tiện cho việc đọc, nếu khi lập các dạng viết tắt, cố gắng sử dụng các lưu tố là những cụm chữ cái có thể đọc liền thành tiếng (âm tiết) như các từ ngữ viết tắt vừa dẫn (như: *XUNHASABA* đọc theo các lưu tố là *xu-nha-sa-ba*).

(c) Lưu tổ trong dạng từ ngữ viết tắt có thể vừa là chữ cái vừa là cụm chữ cái. Chẳng hạn: *TTg* < (*Thủ tướng*), *Cty* < (*Công ty*), *ThS* (*thạc sĩ*), v.v.

## 6. Chữ viết và âm đọc

Với các dạng nói tắt từ ngữ thì giữa viết và đọc là thống nhất, hầu như không có vấn đề gì cần phải đặt ra ở đây. Bởi vậy mục này chỉ sẽ dành cho việc xem xét các mối tương quan giữa viết và đọc đối với các dạng từ ngữ viết tắt, kể cả nội sinh và ngoại nhập.

6.1. *Chữ hoa và chữ thường*. Thông thường khi viết tắt người ta quen viết hoa các chữ cái làm thành lưu tổ của dạng viết tắt, kể cả các lưu tổ là cụm chữ cái. Thế nhưng trong không ít trường hợp, có sự tự do lựa chọn giữa hình thức viết thường và viết hoa, và cũng có những trường hợp viết thế này hay thế kia là một sự lựa chọn có ý nghĩa, thậm chí có khi là bắt buộc phải theo. Đương nhiên, sẽ không kể đến ở đây những trường hợp một từ ngữ viết tắt khá ổn định (như *TOCONTAP*) vẫn có thể xuất hiện theo kiểu chữ thường (*tocontap*) do nhu cầu của của trình bày mỹ thuật.

(a) Có thể tùy ý viết hoa hay viết thường xảy ra nhiều nhất là trong hoạt động viết tắt lâm thời, đặc biệt là trong vở ghi chép, trong bản phác thảo viết tay, v.v. Nhưng viết tắt lâm thời các thuật ngữ hoặc danh xưng trong luận văn khoa học, trong các văn bản in ấn thì thường nghiêng về cách viết hoa theo từng chữ cái.

(b) Những trường hợp chỉ viết thường, không viết hoa, như: v.v. < (*vân vân*), *ki* < (*ki-lô* < *ki-lô-gam*), *cóp* < (*cóp-py*), *đ* < (*đồng*), *km* < (*ki-lô-mét*), v.v.

(c) Những trường hợp chỉ viết hoa, không viết thường, thì trước hết là các tên riêng được viết tắt, như: *VN* < (*Việt Nam*), *đường NTMK* < (*Nguyễn Thị Minh Khai*), *báo GD & TĐ* < (*Giáo dục và Thời đại*). Có thể thấy rõ là khi viết tắt, các lưu tổ đại diện cho các chữ vốn không viết hoa ở dạng gốc, cũng sẵn sàng được đồng loạt viết hoa. Cũng không viết thường mà chỉ viết hoa ngay cả những trường hợp đối với những từ ngữ ở dạng gốc không nhất thiết phải (thậm chí không hề) viết hoa, như: *HTX* < (*hợp tác xã*), *PCCC* < (*phòng cháy chữa cháy*), *VAC* (*vườn - ao - chuồng*).

(d) Có cả viết hoa lẫn viết thường trong dạng tắt của từ ngữ. Đó là những trường hợp như: *TTg* < (*Thủ tướng*), *Cty* < (*Công ty*), *ThS* < (*Thạc sĩ*), v.v. Cách xử lí này nhiều khi là rất cần thiết để nhận diện dạng tắt đang xét, bảo đảm được sự phân biệt giữa chúng với các từ ngữ viết tắt khác. Chẳng hạn: *ThS* sẽ không nhầm với *TS* < (*Tiến sĩ*), *TTg* sẽ không nhầm với *TT* < (*thông tư* hoặc *Tổng thống*), v.v.

6.2. *Vấn đề đọc các từ ngữ viết tắt*. Có mấy khía cạnh cần được phân biệt như sau đây.

(a) Trong tiếng Việt, do cơ chế đơn tiết nên phần lớn các dạng từ ngữ viết tắt chỉ tồn tại trên chữ viết chứ không tạo thành một dạng tắt tương ứng về

mặt ngữ âm. Khi đọc, chúng ta lập tức khôi phục dạng gốc một cách trọn vẹn. Chẳng hạn, v.v. < (vân vân), VN < (Việt Nam), UBND < (Ủy ban Nhân dân),... dứt khoát phải đọc là *vân vân*, *Việt Nam*, *Ủy ban Nhân dân*,... chứ không theo cách nào khác.

(b) Tuy nhiên, cũng có những trường hợp do tính tín hiệu chữ viết đậm hơn tính tín hiệu ngôn ngữ, nên một số dạng tắt của từ ngữ nguyên gốc đã hoạt động có phần độc lập mà không cần phải dựa vào âm thanh của dạng gốc. Trong những trường hợp này, người ta nghiêng về phía đọc các dạng tắt theo tên của các chữ cái có mặt trong các lưu tố. Chẳng hạn, trong công văn hành chính, khi gặp dạng tắt *TTg* chúng ta thường hay đọc là "*tê-tê-giê*" thay vì "*thủ tướng*", hoặc *CP* thì đọc là "*xê-pê*" thay vì "*chính phủ*". Ngay cả *VAC* ta cũng thường đọc là "*vê-a-xê*" thay vì "*vườn - ao - chuồng*", v.v. Hầu hết các từ ngữ viết tắt ngoại lai đi vào văn bản tiếng Việt về nguyên tắc cũng thuộc loại này, ta có thể dùng tên chữ cái tiếng Việt và chữ cái La-tinh được Việt hoá (bổ sung thêm 4 chữ *J - "jì"*, *F - "ep-fơ"*, *W - "vê kếp"*, *Z - "zét"*, chuyển đọc *D - "đê"*, *O - "ô"*) để đọc chúng. Thí dụ: *SOS - "esơ-ô-esơ"*, *thuốc DDT - thuốc "đê-đê-tê"*, *WTO - "vê kếp - tê - ô"*, v.v.(5)

6.3. *Bản ngữ hoá và quốc tế hoá.* Trong khi viết và khi đọc các từ ngữ viết tắt nội sinh, ta ít nhiều chịu ảnh hưởng của ngoại ngữ, nên đôi khi có xu hướng quốc tế hoá một số dạng tắt đó. Ngược lại, khi tiếp thu các từ ngữ viết tắt từ ngoại ngữ vào tiếng Việt, ta lại có xu hướng bản ngữ hoá chúng (chủ yếu là về cách đọc), đồng thời cũng bảo lưu ít nhiều tính quốc tế của chúng.

(a) Cái từ ngữ viết tắt có xuất xứ thuần túy Việt Nam là *VAC* vừa nhắc tới ở trên, lẽ ra phải đọc nó một cách thuần túy bản ngữ là "*vườn - ao - chuồng*", hoặc là "*vê-a-xê*", nhưng lắm khi ta vẫn nghe đọc là "*vac*". Cách đọc này rõ ràng là mô phỏng theo cách thức đọc các từ ngữ tắt ở tiếng nước ngoài (Anh, Pháp v.v.), và nó thích hợp với giao tiếp trong môi trường quốc tế. Hay như đối với dạng tắt *DIHAVINA* < (*Đĩa hát Việt Nam*), ta sẽ không đọc theo từng chữ cái hay theo dạng gốc, mà đọc theo các âm tiết do cụm chữ cái trong các lưu tố tạo nên: "*đi-ha-vi-na*". Cũng tương tự như vậy đối với *TOCONTAP* (*tô-côn-tap*), *XUNHASABA* (*xu-nha-sa-ba*), *COGIDO* (*cô-gi-đô*) v.v. Cách viết (không đánh dấu phụ) và cách đọc (trung hoà thanh điệu, O đọc "ô", D đọc "đ") rõ ràng không phải là thuộc tính của tiếng Việt và chữ Việt, mà là những gì tiếp thu được từ ngoại ngữ (Anh, Pháp, Nhật, v.v.). Cách xử lý này có lí do của nó, vì đây là tên hiệu của các hãng kinh doanh, có nhu cầu quốc tế hoá trong doanh nghiệp của mình. Xu hướng quốc tế hoá không chỉ dừng lại ở đó, mà ngay cả trong cách người Việt tạo lập các tên tắt mang đậm tính kí hiệu mặt chữ mà thành tố gốc lấy từ tiếng Anh, như *VTV* < (*Vietnam Television*) mặc dù không đọc là "*vi-ti-vi*" (thực quốc tế hoá) mà đọc theo cách Việt hoá ít nhiều là "*vê-tê-vê*".

(b) Phải nói rằng, nếu như từ ngữ viết tắt nội sinh cũng có xu hướng quốc tế hoá, thì từ ngữ viết tắt ngoại nhập khi vào tiếng Việt vẫn có thể bảo lưu ở chừng mực nhất định tính quốc tế của chúng trong cả cách viết và cách

đọc. Bởi vậy, khi ta tiếp nhận từ văn bản tiếng Nga một từ ngữ viết tắt như МГУ < (московский государственный университет - Đại học Tổng hợp Moskva) vào chữ Việt, ta thực hiện chuyển tự thành MGU và đọc là "em-gu", thì cũng tức là ta bảo lưu tính quốc tế của nó (theo tự mẫu La-tinh). Đối với các từ ngữ viết tắt nguyên gốc vốn được viết bằng chữ cái La-tinh như BBC, FIFA, WTO, v.v. thì khi đi vào chữ Việt chúng hầu như đều được giữ lại nguyên vẹn cách viết đó (mặc dù có thể đọc theo tên chữ cái đã được Việt hoá ít nhiều: "bê-bê-xê", "fi-fa", "vê kép - tê ô"). Đây không đơn giản chỉ là sự tôn trọng "bản lai diện mục" của chúng, mà cái chính là cách viết đó đã được chấp nhận rộng rãi trong môi trường quốc tế, nên đã được quốc tế hoá, ta không nên lấy cớ trong bảng chữ cái Quốc ngữ hiện hành không có mặt chữ F, chữ W, v.v. để tìm cách "Việt hoá" chúng làm gì. Không chỉ là viết, mà cả đọc nữa, một đôi khi cách đọc quốc tế hoá đã thành thói quen phổ biến mà người Việt ta cũng không "cưỡng" lại được. Chẳng hạn, đó là trường hợp của TV < (television), mọi người đều quen đọc là "ti-vi", mà không ai đọc theo tên chữ cái Quốc ngữ là "tê-vê" cả. Hiện đang ở tình trạng tranh chấp giữa hai cách đọc này có thể là VCD ("vi-xi-đi" / "vê-xê-đê"), BBC ("bi-bi-xi" / "bê-bê-xê"), v.v.

Như vậy, có thể thấy rằng, trừ những trường hợp nêu ở mục 6.2.a. mang đậm tính bản ngữ, còn lại phần lớn các từ ngữ viết tắt nội sinh và ngoại nhập đều mang tính quốc tế ở những mức độ khác nhau. Bên cạnh tính bản ngữ, thì tính quốc tế chính là một đặc điểm quan trọng của từ ngữ viết tắt (và cả từ ngữ chữ cái) trong văn bản các ngôn ngữ hiện đại.

## 7. Sắc thái ngữ nghĩa và phạm vi sử dụng

Dạng tắt và dạng gốc của từ ngữ đương nhiên phải là đồng nghĩa về mặt từ vựng. Bởi vậy, trên đại thể thì khi có nhu cầu "tiết kiệm", người ta có thể dùng dạng tắt thay cho dạng gốc. Tuy nhiên, giữa dạng tắt và dạng gốc nhiều khi cũng có sự khác biệt về sắc thái ngữ nghĩa và phạm vi sử dụng. Tình hình này thực ra cũng đã được phản ánh phần nào qua những mục đã trình bày ở trên. Tiếp theo đây chỉ xin nêu đôi nét đại lược mà thôi.

7.1. Có trường hợp dạng tắt liên quan với dạng gốc chủ yếu theo quan hệ từ nguyên, còn nội dung ngữ nghĩa và phạm vi sử dụng thì khác biệt rất lớn. Chẳng hạn: Từ ngữ nói tắt *bôn* tuy do tắt hoá *bôn-sê-vich* mà có, nhưng nó có nghĩa mới "nghiêm túc về chính trị" và chỉ thường xuất hiện trong khẩu ngữ của giới trẻ. Cũng vậy với từ nói tắt *khốt* có nghĩa là "cổ lỗ, lạc hậu", tạo ra từ tên gọi nhân vật cổ xưa trong phim *Ông già Khốt-ta-bit* của điện ảnh Liên Xô trước đây. Cách nói *đủ* thay vì *đủ đôn*, *xí* thay vì *xấu xí* tuy vẫn giữ nghĩa gốc, song đã "mới hoá" hình thức của từ nhằm gây ấn tượng mạnh, và cũng xuất hiện trước hết trong khẩu ngữ của giới trẻ.

Trong lĩnh vực từ ngữ viết tắt ít xảy ra những trường hợp tương tự như trên. Có chăng là những trường hợp sau khi có dạng viết tắt ổn định rồi, thì dạng gốc trở nên không còn cần thiết cho lắm, nếu như không muốn "chiết tự" và tìm hiểu nghĩa của từng lưu tố trong dạng tắt. Đó là những từ ngữ viết tắt

mang đậm tính tín hiệu chữ viết hơn là tính tín hiệu ngôn ngữ (như: VTV, SOS, HIV, TOCONTAP, VINATABA, ...).

7.2. Có trường hợp dạng tắt gọi nhớ đến không chỉ một mà có thể là hai hoặc nhiều hơn nữa những dạng gốc có trước. Chẳng hạn, từ ngữ nói tắt *tham chiến* có thể là kết quả tắt hoá từ ngữ *tham gia chiến tranh* hoặc là *tham gia chiến đấu*. Hoặc như *ba không* có thể là dạng tắt lâm thời của nhiều dạng gốc khác nhau như: "*không nghe, không thấy, không biết*", "*không uống nước lã, không ăn quả xanh, không bêu trời nắng*", "*không làm việc cho giặc, không đi lính cho giặc, không cấp lương cho giặc*". Đây là hiện tượng ngẫu nhiên đồng hình giữa các dạng tắt từ ngữ được tạo ra và sử dụng trong các bối cảnh khác nhau. Xác định dạng gốc và ngữ nghĩa cụ thể cho chúng là tùy theo ngữ cảnh cụ thể. So sánh, thí dụ: *Cuộc chiến có quy mô toàn khu vực này đã lôi cuốn nhiều nước tham chiến* (< *tham gia chiến tranh*) / *Trận đánh địch thắng lợi của sư đoàn ta năm ấy có nhiều đơn vị bạn tham chiến* (< *tham gia chiến đấu*).

Trong lĩnh vực viết tắt thì hiện tượng đồng hình giữa các dạng tắt xảy ra phổ biến hơn. Chẳng hạn, dạng tắt VN nếu như không dựa và ngữ cảnh thì khó có thể nói chắc dạng gốc của nó là *Việt Nam* hay là *văn nghệ, Việt ngữ, vị ngữ*? Hoặc giả TT có thể là *tổng thống, thủ tướng, trung tướng, thiếu tướng*, và cả *thượng toạ*. Sẽ không đến nỗi nhầm lẫn, nếu khi viết người ta đặt chúng vào những ngữ cảnh xác định, thậm chí có thể chú rõ dạng gốc một lần đầu tiên khi viết tắt. Vd: TT (*Thiếu tướng*).

7.3. Trên đại thể, dường như các dạng nói tắt từ ngữ thường xuất hiện trước hết trong khẩu ngữ, trong lời ăn tiếng nói hàng ngày. Ngược lại, các dạng viết tắt thì cố nhiên là phải xuất hiện trước hết trong ngôn ngữ viết, trong giấy tờ sách vở. Về nguyên tắc, mọi dạng thức nói tắt từ ngữ đều có thể được viết lại, in lại và nhờ đó mà có được dạng tắt tương ứng trên mặt giấy. Song không phải mọi dạng thức viết tắt đều tìm thấy âm thanh tương ứng của các chữ cái trong khi đọc chúng, tức là chỉ có dạng viết tắt mà không có dạng nói tắt. Đó là trường hợp, chẳng hạn như viết là VN nhưng đọc theo dạng gốc của nó là *Việt Nam* (hoặc *Văn nghệ, v.v.*), mà không đọc là "*vé-en*" (như đã trình bày ở trên: 6.2.a). Và điều này có lẽ là một điểm đặc thù đối với tiếng Việt, một ngôn ngữ có cơ chế đơn tiết mà văn tự hiện hành thì dựa theo chữ cái La-tinh.

Như có thể thấy, mục đích của bài này là nhằm phác vạch những nét đại quan về hiện tượng nói tắt và viết tắt từ ngữ trong tiếng Việt, cố gắng cung cấp một cách nhìn, cách tiếp cận, cách phân tích và những nhận xét bước đầu về cấu trúc và chức năng của hiện tượng như nó vốn đang tồn tại. Trong phạm vi bài này tác giả chưa trực tiếp bàn đến vấn đề xác lập quy tắc cấu tạo và sử dụng các dạng thức nói tắt và viết tắt từ ngữ. Song hi vọng rằng tất cả những gì đã trình bày trên đây cũng có thể góp phần vào công việc chuẩn hoá hiện tượng đang xét trong quá trình tạo lập và sử dụng các dạng thức nói tắt và viết tắt trong tiếng Việt hiện thời.

## Ghi chú

(1) Tương ứng với thuật ngữ *từ ngữ tắt* (bao gồm *từ ngữ nói tắt* và *từ ngữ viết tắt*) của tôi, Trần Ngọc Thêm đã dùng thuật ngữ *tắt tố* (bao gồm *từ tắt* và *chữ tắt*). (*Trần Ngọc Thêm. Tìm hiểu các quy tắc cấu tạo các tắt tố trong tiếng Việt.* - "Những vấn đề ngôn ngữ học", Đại học Tổng hợp Hà Nội, 1981). Trước hết, cần thấy rằng đối tượng được "tắt hoá" không chỉ là "từ", mà cả "ngữ" cố định (dù hiểu theo định nghĩa nào cũng được, miễn chúng là những đơn vị từ vựng định danh). Thứ nữa, không phải chỉ nói tắt mới là "từ", mà viết tắt cũng thành "từ", vì nó đại diện cho một đơn vị từ vựng. Cuối cùng, "tố" trong "tắt tố" không cho ấn tượng về một đơn vị chính thể, mà gợi nghĩ đến thành tố trong cái chính thể đang được nói đến.

(2) Không thể nói rằng chỉ có văn tự dùng chữ cái ghi âm theo trật tự hình tuyến mới thực hiện được việc viết tắt. Sự thực là chữ Hán, chữ Nôm được viết theo ô vuông vẫn có chuyện viết tắt. Chẳng hạn, chữ *đất* vốn được viết là (gồm bộ 土 "thổ" (nghĩa) + 旦 "đát" (âm)), sau người ta viết tắt thành 旦 (bỏ bớt một phần trong chữ "đát").

(3) Thuật ngữ *từ ngữ chữ cái* được gợi ý từ thuật ngữ "tự mẫu từ" ở các nhà ngôn ngữ học Trung Quốc. Tuy nhiên, khái niệm "tự mẫu từ" ở Trung Quốc có phân rộng hơn: trong văn bản, tất cả những gì viết bằng chữ cái (kể cả từ ngữ viết tắt lẫn từ ngữ chữ cái thực thụ) đều gọi chung là "tự mẫu từ". Còn những gì tương ứng với từ ngữ nói tắt của ta thì ở tiếng Hán thường được gọi là "túc lược ngữ", đều được viết bằng chữ Hán. (Xem: *Thẩm Mạnh Anh* (chủ biên). *Thực dụng tự mẫu từ từ điển*. Hán ngữ đại từ điển xuất bản xã. Thượng Hải, 2002. *Viên Huân, Nguyễn Hiến Trung* (chủ biên). *Hiện đại Hán ngữ túc lược ngữ từ điển*. Ngữ văn xuất bản xã. Bắc Kinh, 2002).

(4) Về hiện tượng gọi là "tiếng riu", xin xem: *Nguyễn Quang Hồng. Riu tiếng và tiếng riu trong Việt ngữ*. "Ngôn ngữ", 2000, N.3.

(5) Về tên gọi các chữ cái, bảng chữ cái và công dụng của chúng, xin xem: *Nguyễn Quang Hồng. (a) Bàn về tên gọi các chữ cái*. "Ngôn ngữ & Đời sống", 1999, N.3 (41); *(b) Bàn về một vài công dụng của bảng chữ cái*. "Ngôn ngữ & Đời sống", 1999, N.4 (42). Xin lưu ý là dù có muốn Việt hoá đến đâu đi nữa thì cũng không thể gạt bỏ hẳn tính quốc tế trong tên gọi các chữ cái La-tinh được mượn dùng làm chữ Quốc ngữ (như người ta đã đề nghị đọc ABC là "a" "bờ" "cờ" thay vì "a" "bê" "xê"!).

## TÓM TẮT

0.

*Nói tắt từ ngữ - Từ ngữ nói tắt*

*Viết tắt từ ngữ - Từ ngữ viết tắt*

**Từ ngữ tắt**

1.

**TngT quá khứ - TngT hiện thời**

2.

**TngT nội sinh - TngT ngoại nhập**

3.

**TngT lâm thời - TngT cố định**

4.

**Tng dạng gốc - Tng dạng tắt**

**Lược tố - Lưu tố**

**Thế tố - Hợp tố**

**(Từ ngữ chữ cái)**

**(Tiếng riu)**

5.

**Kích thước theo âm - Kích thước theo chữ**

**Dạng tắt đơn tiết - Dạng tắt đa tiết**

**Dạng viết tắt đơn chữ cái - Dạng viết tắt cụm chữ cái**

**Dạng viết tắt hỗn hợp**

6.

**TngT viết hoa - TngT viết thường**

**TngT viết hỗn hợp**

**Đọc theo dạng gốc - Đọc theo chữ cái**

**Đọc theo từng chữ cái - Đọc theo cụm chữ cái**

**Bản ngữ hoá - Quốc tế hoá**

7.

**Chuyển nghĩa - Nguyên nghĩa**

**Đồng dạng (trùng hình) khác nghĩa**

**Ngữ cảnh**

**Tính tin hiệu ngôn ngữ - Tính tin hiệu chữ viết**



# TẮT TỔ TRONG TIẾNG VIỆT

TRẦN NGỌC THÊM<sup>(1)</sup>

(PGS.TSKH, Trường ĐHKHXH & NV - ĐHQG Tp HCM)

Trong ngôn ngữ học Việt Nam, hiện tượng viết tắt, nói tắt ít được chú ý. Nếu không kể đến những ý kiến rải rác thì cho đến đầu những năm 1981 cũng mới chỉ có một bài báo viết riêng về vấn đề này (Nguyễn Kim Thân 1968). Ngay cả về mặt thuật ngữ, trong tiếng Việt cũng chưa có một từ nào dùng để gọi chung tất cả các kiểu viết tắt nói tắt. Thoạt nhìn, tưởng có thể dùng "từ tắt" làm thuật ngữ, nhưng trên thực tế có những đơn vị tắt lại không phải là từ (như chữ viết tắt). Vì vậy từ năm 1981, chúng tôi đã đề xuất dùng thuật ngữ *tắt tổ* (Trần Ngọc Thêm 1981).

## I- NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN XUẤT HIỆN CÁC TẮT TỔ

Nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước khi nói đến tắt tổ thường coi nguyên lý tiết kiệm là nguyên nhân và điều kiện xuất hiện chúng (Zipf 1949 và rất nhiều người khác). Một số khác thì nêu ra những nguyên nhân ngoài ngôn ngữ như ảnh hưởng của các cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật và các cuộc cách mạng xã hội (Slovoobrazovanie 1968; Borisov 1972, tr. 3, 6, 25-27). Có người lại coi độ dư của thông tin là nguyên nhân dẫn đến sự xuất hiện tắt tổ (L.A.Selyakhovskaya trong: Borisov 1972, tr. 34). Tất cả những quan điểm kể trên đều không tránh khỏi phiến diện và thậm chí còn có sự nhầm lẫn giữa nguyên nhân và điều kiện xuất hiện các tắt tổ. Các điều kiện cho sự ra đời của các tắt tổ thực ra đã có từ lâu trong hệ thống ngôn ngữ. Đó là:

1. *Tính hình tuyến của lời nói và của văn tự.* Trong ngữ lưu, tất cả các yếu tố được sắp xếp theo một trật tự nhất định kế tiếp nhau tạo thành một chuỗi tuyến tính. Chính nhờ tính hình tuyến mà việc rút gọn mới có thể thực hiện được. Ngược lại, việc rút gọn chỉ có thể tiến hành được ở chỗ nào có tính hình tuyến.

<sup>1</sup> Bài này được viết trên cơ sở tổng hợp các bài đã được tác giả công bố những năm trước đây (Trần Ngọc Thêm 1978, 1979, 1981a, 1981b), có sửa chữa ở một số chỗ.

Do vậy, những văn tự ghi hình mà các âm tiết không được ghi theo hình tuyến (như tiếng Hán chẳng hạn) thì hiển nhiên là không thể có khả năng rút gọn ở mức các chữ cái.

Tính hình tuyến vừa là điều kiện vừa là nguyên nhân của hiện tượng rút gọn. Do chỗ các bộ phận phát tin (nói và viết) và nhận tin (nghe và đọc) phải làm việc với các tín hiệu ngôn ngữ lần lượt theo trật tự tuyến tính, mà tốc độ phát và nhận tin lại có hạn (tốc độ nói và viết của chúng ta không quá 10 ký hiệu (= âm vị hoặc chữ cái)/giây; tốc độ nghe hoặc đọc không quá 25 ký hiệu/giây (Piotrovskij 1975, tr. 15) cho nên muốn tăng hiệu suất thông báo thì chỉ còn cách là giảm độ dài các tín hiệu ngôn ngữ.

2. Điều kiện thứ hai là *độ dư của lời nói*. Ngôn ngữ và lời nói có độ dư rất lớn. Dựa trên cơ sở thực nghiệm, người ta kết luận rằng độ dư của ngôn ngữ tự nhiên đạt tới 70 – 80% (Piotrovskij 1968, tr. 59-62). Điều đó có nghĩa là nếu giảm độ dài các tín hiệu ngôn ngữ tới 70 – 80% thì vẫn có thể khôi phục được nội dung của văn bản. Tuy nhiên, đó chỉ là khả năng lý thuyết. Trên thực tế, phần nhiều lượng dư ấy là công cụ bảo vệ cho thông báo khỏi bị xuyên tạc (chống nhiễu). Như vậy, việc tạo tắt tở không có nghĩa là loại trừ hoàn toàn độ dư mà chỉ là giảm bớt độ dư tới một giới hạn cho phép.

3. Nhưng nếu độ dư của thông báo phân bố một cách đều đặn trên tất cả những tín hiệu ngôn ngữ thì khó có thể lược bỏ được một tín hiệu nào. Trên thực tế thì *lượng thông tin (và độ dư) được phân bố không đồng đều* trên các đơn vị của ngữ lưu. Đó chính là điều kiện thứ ba cho phép rút gọn những tín hiệu ngôn ngữ nào có lượng thông tin thấp (lượng dư cao). Trong chuỗi tín hiệu ngôn ngữ, lượng thông tin chủ yếu nằm ở phần đầu (chữ cái đầu, âm tiết đầu, từ đầu), sau đó đến phần cuối; phần giữa mang lượng thông tin ít nhất. Kết luận này đã được rút ra từ thực nghiệm (Piotrovskij 1968, tr. 73, 103). Đáng chú ý là, cũng bằng phương pháp thực nghiệm, các nhà tâm lý học đã chứng minh rằng khi tiếp thu hình ảnh bằng thị giác thì lượng thông tin chủ yếu nằm ở các đường viền chữ không phải ở diện tích: chỉ cần nhìn thấy các đường viền là đã đủ nhận biết các hình thể (Glezer - Txukerman 1961, tr. 112). Đối với các đơn vị ngôn ngữ thì đường viền chính là phần đầu và cuối của từ (cụm từ). Chính vì vậy mà khi rút gọn theo các chữ cái người ta chỉ cần giữ lại những chữ cái đầu; biết được văn cảnh và chữ cái đầu, ta có thể đoán được phần giữa và cuối. Trong trường hợp phần đầu không đủ để nhận dạng thì dùng thêm phần cuối (ví dụ: SL<sub>1</sub> ← *sắc luật* để phân biệt với SL ← *sắc lệnh*). Tương tự như vậy, khi rút gọn các từ theo âm tiết, người ta cũng thường chỉ giữ lại âm tiết đầu, ví dụ: *Hunggary* → *Hung*, *hệ thống* → *hệ*, v.v.

Ba yếu tố trên là những điều kiện tối thiểu cần thiết cho sự hoạt động của quy luật tiết kiệm. Xưa nay, mỗi khi nói đến quy luật tiết kiệm, nhiều người lại gắn nó với tên tuổi của A. Martinet. Thực ra vấn đề tiết kiệm ngôn ngữ học đã được bàn đến trước đó nhiều, điển hình là G. Paul năm 1880 (Paul 1960) và E.D. Polivanov năm 1931 (Polivanov 1931). Ngoài ra, cũng cần nói thêm rằng A. Martinet đã hiểu khái niệm “tiết kiệm” quá rộng, thậm chí đã gán cho nó cả những cái mà nó không thể có khi ông viết: “Thuật ngữ tiết kiệm bao gồm tất cả: giảm bớt những sự phân biệt vô ích, xuất hiện những sự phân biệt mới, giữ nguyên trạng thái cũ. Tiết kiệm ngôn ngữ học – đó là sự tổng hợp của các lực lượng tồn tại” (Martinet 1955). Không có cơ sở nào để cho rằng việc xuất hiện những sự phân biệt mới (gia tăng chứ không phải là giảm đi!) lại thuộc về phạm trù “tiết kiệm” cả, cũng như khó có thể chấp nhận được rằng “tiết kiệm bao gồm tất cả”. Giải thích ý trên của A. Martinet, Nguyễn Kim Thản viết: “*Économie* theo ý của người đề xướng ra thuật ngữ này (đâu phải Martinet đề xướng?) là “sự tổ chức”, “sự điều tiết”, chứ không phải chỉ là “tiết kiệm” (Nguyễn Kim Thản 1968, tr. 79) và kết luận: “Sự thực trong các ngôn ngữ chứng minh rằng ý kiến của Martinet là xác đáng”, “nhiều người vẫn dịch *économie* thành *tiết kiệm* là sai” (Nguyễn Kim Thản 1968, tr. 79). Thật là khó hiểu! Nếu như A. Martinet muốn nói đến một cái gì khác chứ không phải là tiết kiệm thì thiết nghĩ tiếng Pháp đâu có nghèo đến nỗi tác giả không tìm được một từ nào thích hợp mà phải dùng từ tiết kiệm để chỉ khái niệm *sự tổ chức, sự điều tiết?* (x. thêm Budagov 1972).

Đối với chúng tôi, quy luật tiết kiệm trong ngôn ngữ chỉ đơn giản là sự giảm bớt về số lượng các đơn vị ngôn ngữ ở các cấp độ. Và quy luật tiết kiệm có tác dụng nhiều ít là còn tùy thuộc vào rất nhiều quy luật, nhiều yếu tố trong và ngoài ngôn ngữ khác. Chính vì vậy mà, mặc dù ba điều kiện kể trên đã có sẵn, chỉ từ cuối thế kỷ XIX trở lại đây, các tất tố mới bắt đầu xuất hiện một cách ồ ạt trong nhiều ngôn ngữ khác nhau trên thế giới. Vậy nguyên nhân nào đã dẫn đến hiện tượng này?

Nếu nhìn vào từ những sự kiện ngoài ngôn ngữ thì ta thấy rằng từ cuối thế kỷ XIX trở lại đây trong cuộc sống của nhân loại có những biến động lớn do ảnh hưởng của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật và của cuộc cách mạng xã hội. Nhưng đó chỉ là những nguyên nhân gián tiếp; những nguyên nhân trực tiếp phải nằm ngay trong bản thân hệ thống ngôn ngữ. Vậy chúng là gì?

Ngôn ngữ, cũng như mọi hiện tượng xã hội khác, biến động không ngừng. V.I. Lênin từng nói: “Điều kiện để nhận thức tất cả các quá trình của thế giới trong sự “tự chuyển động” của chúng (...) là việc nhận thức chúng như một thể

thống nhất của những thể đối lập” (Lênin 1963). Sự ra đời của các tắt tố cũng là kết quả giải quyết mâu thuẫn của thể đối lập giữa quy luật thặng dư và quy luật tiết kiệm. Quá trình đó diễn ra như sau:

Những biến đổi trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và xã hội tạo ra vô số những sự vật và khái niệm mới. Chúng cần có những tên gọi mới. Sự khám phá thế giới của con người thì vô cùng mà kho dự trữ từ vựng của ngôn ngữ thì có hạn, vì vậy ngôn ngữ rất hạn chế việc gọi tên mỗi khái niệm mới bằng một từ mới. Do đó, để gọi tên những sự vật, khái niệm mới, người ta thường phải dùng đến những tổ hợp nhiều từ để miêu tả, mỗi từ nêu lên một đặc tính của sự vật: *Đại sứ đặc mệnh toàn quyền, Tổng công ty Xuất nhập khẩu Tạp phẩm, Liên bang Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Xô-viết*, v.v. Những tên gọi khái niệm (sự vật) như thế có xu hướng đồng nhất với định nghĩa về khái niệm (sự vật) ấy. Do vậy, một mặt chúng cung cấp cho ta một sự hiểu biết khá chi tiết về sự vật nhưng, mặt khác, chính sự dư thừa này làm cản trở sự giao tiếp. Quy luật thặng dư đã trở nên mâu thuẫn gay gắt với quy luật tiết kiệm trong một thể đối lập. Chính vào lúc này, ta chứng kiến sự “ra tay” của quy luật tiết kiệm nhằm tạo nên thế cân bằng, kết quả là các tắt tố xuất hiện và chúng lại có hình thức thông thường của một từ (*Liên-xô, TOCOTAP*, v.v.)<sup>2</sup>.

Trong sự ra đời hàng loạt của tắt tố, ngoài nguyên nhân chính kể trên, còn phải kể đến hình thức truyền thống và hình thức mới của tên gọi như một nguyên nhân phụ. Theo truyền thống thì tên gọi phải là một từ, tên gọi không nhất thiết phải nêu lên đặc tính của sự vật mà chỉ cần là “một thứ phù hiệu dùng để phân biệt sự vật” (Lênin 1963). Trái lại, tên gọi của những sự vật, khái niệm mới xuất hiện gần đây lại là tổ hợp nhiều từ. Sự ra đời của các tắt tố đã đồng thời giải quyết mâu thuẫn này: nó cho phép tạo ra những từ hoàn chỉnh.

Dưới áp lực của sự xuất hiện hàng loạt các tắt tố rút gọn từ các cụm từ, kiểu tắt tố rút gọn từ các từ ghép vốn có từ trước (*rằm* ← *mười rằm*, *cử* ← *cử nhân*, *tràng* ← *tràng nguyên*, v.v.) cũng bắt đầu phát triển mạnh: *Bun* ← *Bungari*, *hệ* ← *hệ thống*, *cận* ← *cận thị*, *li* ← *milimét*, *kilô*, *lô*, *ký* ← *kilôgam*, v.v... Nhiều khi, ngoài lý do tiết kiệm, ở đây còn có một nguyên nhân thứ hai nữa là nhu cầu tạo các từ với những sắc thái ngữ nghĩa và ngữ pháp mới, ví dụ: *phe* ← *áp phe*, *ngoại Kít* ← *Ngoại trưởng Kítsinggiơ*, v.v...

---

<sup>2</sup> Đây cũng là lý do giải thích tại sao khi thay thế các tên gọi Hán-Việt bằng những tên gọi (không phải bao giờ cũng thuần Việt!) dài hơn có tính chất mô tả thì những tên gọi mới này thường không tránh khỏi bị rút gọn: *phiên công* → *giác lái máy bay* → *giác lái*; *sinh viên* → *học sinh đại học* → *học sinh*.

Tóm lại, các điều kiện và nguyên nhân tạo tắt tố có thể tóm tắt trong bảng sau (bảng 1).

Điều kiện	1	Tính hình tuyến của lời nói (văn tự)	
	2	Độ dư của lời nói	
	3	Sự phân bố không đồng đều lượng thông tin trên các đơn vị	
Nguyên nhân	1	Mâu thuẫn giữa quy luật thặng dư và quy luật tiết kiệm	
	2	Mâu thuẫn giữa hình thức chuẩn và hình thức mới của tên gọi	Nhu cầu tạo các từ với sắc thái ngữ nghĩa và ngữ pháp mới
Kết quả		Xuất hiện các tắt tố rút gọn từ các cụm từ	Phát triển các tắt tố rút gọn từ các từ ghép

Bảng 1: Điều kiện, nguyên nhân và kết quả tạo tắt tố

Như vậy, sự xuất hiện các tắt tố là kết quả của một quá trình phát triển biến chứng tất yếu của ngôn ngữ.

Vấn đề cần phải thảo luận là ở chỗ nên tạo và sử dụng các tắt tố như thế nào để tránh được tình trạng tạo ra một cách bừa bãi và sử dụng một cách tùy tiện các tắt tố.

## II- PHẠM VI KHÁI NIỆM “TẮT TỐ” TRONG TIẾNG VIỆT

Việc xác định phạm vi của đối tượng cần nghiên cứu là một khâu quan trọng và thiết thực vì nó quyết định kết quả của cả quá trình. Tuy nhiên, trong số những người đã viết về tắt tố chưa ai đặt ra và giải quyết vấn đề này một cách triệt để. Nguyễn Kim Thản có nói đến sự cần thiết phải phân biệt từ nói tắt với chữ viết tắt; từ nói tắt (*Việt minh*) với lối nói tắt từ (*tranh thủ, trao đổi*) (Nguyễn Kim Thản 1968, tr. 69), nhưng không đưa ra một tiêu chí cụ thể nào để phân biệt và rồi tác giả lại tự mâu thuẫn khi sau đó (tr. 72) coi *tranh thủ, trao đổi* (lối nói tắt từ!) là một trong năm kiểu từ nói tắt.

Hiểu một cách đơn giản, tắt tố là những đơn vị được tạo ra từ các cụm từ hoặc các từ ghép bằng cách lược bỏ đi một số yếu tố của văn tự hoặc của cả văn tự và ngôn ngữ. Nhưng định nghĩa này còn rất chung chung. Trong một số trường hợp cụ thể, không thể dùng nó để xác định xem những đơn vị nào đó có

phải là tất tổ hay không. Vì vậy, cần có những tiêu chí cụ thể để xác định các tất tổ.

1. Tiêu chí đầu tiên để xác định một đơn vị là tất tổ là nó phải thực sự có dạng đầy đủ và dạng đầy đủ phải là những đơn vị có sẵn. Những trường hợp dạng đầy đủ được tạo ra bằng cách suy diễn như: *thuốc cảm* ← *thuốc để chữa bệnh cảm*, *cà phê đá* ← *cà phê có nước đá* không thể coi là tất tổ được. Dạng đầy đủ còn phải là những đơn vị có sẵn. Đó là các từ, từ ghép (chủ yếu là các danh từ: các hư từ không tạo tất tổ) và các cụm từ định danh (tên gọi các khái niệm, sự vật). Các đơn vị được tạo ra trong quá trình sử dụng ngôn ngữ như câu, cụm từ tự do, v.v... không thể tạo tất tổ (những trường hợp rút gọn do đọc lướt các câu, các cụm từ tự do như *cô a* → *qua*, *ngủ một tý* → *ngủm tý* không phải là tất tổ).

2. Tiêu chí thứ hai để xác định một tất tổ là: về hình thức, tất tổ phải được bao hàm trong dạng đầy đủ, nói cách khác, các chữ cái và các âm vị mà tất tổ có thì dạng đầy đủ cũng phải có. Với tiêu chí này, trước tiên ta có thể loại ra các chữ cái A, B, C dùng để chỉ các đơn vị bộ đội mà Nguyễn Kim Thản (1968, tr. 72) và Nguyễn Văn Tu (1976, tr. 82) đã dẫn ra như các tất tổ. Giữa những chữ này với các từ *tiểu đội*, *trung đội*, *đại đội* hoàn toàn không có quan hệ bao hàm. Chúng chỉ là những ký hiệu và mối liên hệ giữa chúng với các từ trên chỉ là ước lệ, chứng cứ là ta hoàn toàn có thể thay chúng bằng bất cứ chữ cái nào khác. Tương tự như vậy, các dấu %, °C, =, v.v..., các chữ số: 17, 1975, XIV, v.v..., không phải là các kiểu viết tất như E. Mednikova và L. Seljakhovskaija đã từng quan niệm (Voprosy 1971, tr. 118).

Nhưng nếu đòi hỏi phải có sự bao hàm tuyệt đối giữa tất tổ và dạng đầy đủ của nó thì sẽ không giải thích được nhiều trường hợp vốn đã rõ ràng là tất tổ nhưng có sự xê dịch về ngữ âm, chữ viết hoặc cả ngữ âm và chữ viết, ví dụ: *súng không giật* – *SKZ* (*gi* chuyển thành *z*), *cơ quan* – *CQ* (âm [k] chuyển thành [s]: *sê qui*), *Công ty sữa Việt Nam* – *COSUVINA*<sup>3</sup> (*u* đổi thành *u*). Như vậy, chính xác hơn có lẽ nên nói đến quan hệ “bao hàm bộ phận” giữa dạng đầy đủ và tất tổ của nó.

Trường hợp giữa hai đơn vị có quan hệ bao hàm bộ phận nhưng chúng lại thuộc hai ngôn ngữ khác nhau như: *cắm* ← *commissaire*, *lớp* ← *enveloppe*, *săm* ← *chambre*, v.v... mà một số người có dẫn ra (Nguyễn Văn Tu 1976, tr. 78) không thể coi là tất tổ được. Ở đây cần phân biệt với một số trường hợp khác thoạt nhìn tưởng như tương tự với trường hợp vừa nêu nhưng thực ra được tạo

<sup>3</sup> Đây là tên tất cũ, hiện nay nó đã bị tên mới bằng tiếng Anh (Vinamilk) lấn át.

trên cơ sở dạng đầy đủ mà tiếng Việt đã vay mượn nên chúng lại là các tắt tố: *vét* ← *vét-tông* ← *veston*; *cóp* ← *cóp-pi* ← *copie*; *phe* ← *áp-phe* ← *affaire*; *bôn* ← *bôn-sê-vích* ← *bolshevik* (đúng ra, *bôn-sê-vích* đã được vay mượn không phải trực tiếp từ tiếng Nga mà là qua tiếng Pháp làm trung gian).

Các trường hợp:

a) *hai mươi* → *hăm*, *ba mươi* → *băm* ( $a \rightarrow \bar{a}$ );

b) *địa đạo* → ĐĐ → Đ<sup>2</sup>; *thành tố trực tiếp* → TTTT → T<sup>4</sup>;

c) *học tốt*, *dạy tốt* → *hai tốt*.

mặc dù có những nét khá độc đáo nhưng vì đều thỏa mãn các tiêu chí khác và vẫn có quan hệ bao hàm bộ phận nên vẫn có thể coi là tắt tố.

3. Tiêu chí thứ ba để xác định một tắt tố là nó phải ra đời sau hoặc ít nhất là đồng thời với dạng đầy đủ. Tắt tố ra đời đồng thời, trong trường hợp đó là một quá trình tự giác (ví dụ: *Việt nam Độc lập Đồng minh* → *Việt Minh*), ra đời sau, trong trường hợp đó là quá trình tự phát (ví dụ: *bôn-sê-vích* → *bôn*). Còn nếu dạng ngắn hơn lại có trước thì đó không phải là tắt tố. Trường hợp các cặp *bướm* – *bướm bướm*, *chuồn* – *chuồn chuồn*, *ve* – *ve ve*, v.v... khiến ta băn khoăn: dạng nào có trước? Nguyễn Kim Thản (1968, tr. 69) và Nguyễn Văn Tu (1976, tr. 80) coi *bướm*, *chuồn* là tắt tố nhưng không giải thích tại sao. Ở một chỗ khác trong cùng tác phẩm, Nguyễn Văn Tu lại coi *bướm bướm*; *chuồn chuồn* là những từ “được tạo thành bằng việc ghép hai từ tổ hoặc hai âm tiết trên cơ sở láy lại bản thân cái âm tiết chính” (tr. 68), tức là coi chúng là từ ghép láy âm. Xem *bướm* là dạng rút gọn của *bướm bướm* rồi lại coi *bướm bướm* là dạng láy của *bướm* như thế có lẽ là không ổn. Trong cách phân loại các đơn vị láy láy, đáng chú ý là ý kiến cho rằng cần phân biệt các từ láy (*chuồn chuồn*, *ba ba*, *bở ngỡ*, v.v...) với các dạng láy của từ (*đẹp đẽ*, *còn con*, *thoang thoảng*, v.v...) <sup>4</sup>. Như vậy, đối với các dạng láy bao giờ ta cũng có thể tìm được những đơn vị ngắn hơn vốn là những đơn vị gốc mà từ đó các dạng láy ấy được tạo ra (*đẹp*, *còn*, *thoảng*), còn các từ láy thì bản thân chúng là các đơn vị gốc như những từ bình thường khác, do vậy, chúng có thể có dạng rút gọn (*chuồn*, *bướm*, *sẻ*), mà cũng có thể không có (*ba ba*, *du đủ*, *bìm bìm*, *cào cào*, v.v...). Như vậy, cách lý giải trên cho phép ta kết luận *chuồn*, *bướm*, v.v... là các tắt tố.

4. Tiêu chí thứ tư để xác định một tắt tố là nó và dạng đầy đủ phải có cùng một nghĩa. Tạo tắt tố là quá trình có đối tượng là mặt biểu hiện (biến dài thành ngắn, biến cụm từ thành từ), chứ không phải mặt nội dung. Mặt nội dung nhìn

<sup>4</sup> X... chẳng hạn như Nguyễn Nguyên Trứ (1970, tr. 54).

chung là bất biến. Đây lại thêm một lý do nữa để giải thích tại sao *chuồn*, *bướm* là tất tổ, còn *chim*, *măn* lại không thể là tất tổ của *chim chóc* và *măn măn* được. Những trường hợp bao hàm tình cờ như: *cà phê* và *phê* (*phê bình*), *ô tô* và *ô* (*cái ô*) nếu chỉ xét đơn thuần hình thức sẽ bị loại ra bởi tiêu chí này.

5. Tiêu chí thứ năm để xác định một tất tổ là: *dạng rút gọn phải là một đơn vị mới chưa tồn tại trước đó*. Phép tạo tất tổ (trừ những tất tổ viết) thường được coi là một trong những biện pháp tạo từ. Nghĩa là nó phải cho ra những từ mới, kiểu như: *TOCOTAP* (*Tổng công ty Xuất nhập khẩu Tạp phẩm*), *khoa giáo* (*khoa học và giáo dục*) hay ít ra cũng là những biến thể mới của một từ kiểu như *Nhật* (*Nhật Bản*).

Trường hợp rút gọn bằng cách bỏ bớt các yếu tố phụ và giữ lại yếu tố chính của các cụm từ mà một số người có bản đến khi nói về các tất tổ như: *tranh thủ* (*tranh thủ thời gian*), *phát biểu* (*phát biểu ý kiến*); *Đảng*, *Đoàn*, *Ủy ban*, v.v... (Quang Đạm 1966, tr. 68; Nguyễn Kim Thản 1968, tr. 72). Dạng rút gọn này<sup>5</sup> và của các từ ghép như: *xe* (*xe đạp*), *tàu* (*tàu hỏa*), v.v... (Nguyễn Văn Tu 1976, tr. 80) không tạo ra các đơn vị mới, vì vậy các đơn vị rút gọn ở đây không thể là các tất tổ mặc dù chúng có thể thỏa mãn các tiêu chí khác (như tiêu chí 2 chẳng hạn: chính việc chúng thỏa mãn một số tiêu chí khác đã đánh lừa các nhà nghiên cứu!). Về thực chất, ở đây ta có hiện tượng tỉnh lược (ellipsis). Quan hệ giữa dạng tỉnh lược và dạng đầy đủ ở đây là quan hệ giống-loài. Hiện tượng này cần được nghiên cứu riêng trong một phạm vi khác.

Cũng là tỉnh lược, nhưng trường hợp giữ lại yếu tố phụ mà lược bỏ yếu tố chính như: *quốc doanh* ← *xí nghiệp quốc doanh* (ví dụ: *Quốc doanh Văn phòng phẩm*), *cơ khí* ← *nhà máy cơ khí* (ví dụ: *Cơ khí Nam Thái*), *huyện* ← *tri huyện*, *phủ* ← *tri phủ*, v.v... lại hơi khác. Sự khác biệt thể hiện ở chỗ: 1) có sự thay đổi về chức năng và từ loại: định tố chuyển thành yếu tố trung tâm; 2) kết quả không cho ta một từ mới nhưng cho ta một nghĩa mới (nghĩa của yếu tố chính không mất đi mà nhập vào yếu tố phụ); 3) hiện tượng này mang tính chất cá biệt nhiều hơn (bất kỳ một cụm từ nào cũng có thể lược bỏ yếu tố phụ nhưng không phải cụm từ nào cũng có thể lược bỏ yếu tố chính). Trong hai kiểu tỉnh lược trên thì kiểu vừa xét gần với các tất tổ hơn. Và mặc dù chúng chưa phải là các tất tổ chân chính nhưng ta có thể coi chúng như các tất tổ ước lệ hay tất tổ theo nghĩa rộng.

Trong việc xác định tất tổ còn có thể đòi hỏi sự tồn tại song song của dạng đầy đủ và dạng rút gọn (Nguyễn Tài Căn 1975, tr. 85). Trên nguyên tắc mà suy,

---

<sup>5</sup> Trước đây bản thân chúng tôi (Trần Ngọc Thêm 1977) cũng cho dạng này là các tất tổ.



một khi dạng đầy đủ mất đi thì dạng rút gọn cũng không còn là dạng rút gọn nữa (ngày nay ít ai nghĩ rằng *Pháp. Mỹ*, v.v... là tắt tổ vì đã từ lâu không ai sử dụng *Pháp-lan-tây, Á-mỹ-lợi-gia* nữa). Như vậy, tắt tổ là đối tượng của việc nghiên cứu đồng đại: Nhưng yêu cầu này không thể coi là một tiêu chí xác định tắt tổ ngang hàng với 5 tiêu chí trên vốn có tác dụng phân biệt các tắt tổ với những cái không phải là tắt tổ, còn đòi hỏi về tính đồng đại chỉ có tác dụng phân biệt các tắt tổ của giai đoạn này với tắt tổ của giai đoạn trước mà thôi. Vì vậy yêu cầu về tính đồng đại không phải là một tiêu chí xác định tắt tổ.

Năm tiêu chí nêu ra ở trên làm thành một bộ lọc đủ để sàng lọc lấy các tắt tổ. Sự xem xét bước đầu cho thấy chúng có tính chất phổ quát khá cao, có thể áp dụng cho mọi ngôn ngữ.

### III- THỬ PHÂN LOẠI CÁC TẮT TỔ, CHỮ TẮT TIẾNG VIỆT

Vấn đề phân loại các tắt tổ cho đến thời gian gần đây cũng chưa được đặt ra và thực hiện một cách triệt để.

Ở đây chúng tôi trình bày một cách phân loại các tắt tổ tiếng Việt đặt trong sự so sánh với những biện pháp rút gọn tín hiệu khác.

Tất cả các biện pháp rút gọn tín hiệu có thể chia thành 4 loại: dùng ký hiệu ước lệ, dùng tắt tổ, dùng biện pháp tỉnh lược và dùng biện pháp thay thế.

Tất cả các tắt tổ tiếng Việt, dựa theo phạm vi sử dụng, có thể chia thành 2 loại lớn: tắt tổ viết và tắt tổ từ vựng. Tắt tổ viết (nói gọn là chữ tắt) gần với kiểu chữ tốc ký, chúng không có vỏ âm thanh riêng và, do vậy, không phải là những đơn vị của ngôn ngữ mà chỉ là những đơn vị thuần túy văn tự. So với tắt tổ viết, tắt tổ từ vựng (nói gọn là từ tắt) giữ một vai trò quan trọng hơn nhiều phần vì chúng là hiện tượng của ngôn ngữ, phần vì chúng có số lượng rất lớn.

Bảng 2: Phân loại các biện pháp rút gọn tín hiệu và các tắt tổ

CÁC LOẠI TẮT TỔ (TT)				VÍ DỤ	Các biện pháp rút gọn		
				% , & , = , 6-4-1975, XII, ...	Ký hiệu ước lệ		
A. TT viết (chữ tắt)	1. Vay mượn		1	kg, cm, v (von), w (oát)	Tắt tổ theo nghĩa thông thường		
	2. Tự tạo	a- Theo chữ cái đầu	2	v.v., MDQD, TTXVN, vd (ví dụ)			
		b- Theo âm đầu	3	tr. (trang), ph. (phần), ...			
		c- Hỗn hợp	4	Cty, kgử, khg (không), ...			
B. Tắt tổ từ vựng (từ tắt)	1. Vay mượn		5	BBC, UNESCO, NATO, rada, côm xômôn, tivi, ...		Tắt tổ theo nghĩa hẹp	
		a- Theo chữ cái	6	ATK (an toàn khu), SKZ (súng không dật), TTg (thủ tướng)			
		b- Theo âm tiết	7	XUNHASABA (Công ty xuất nhập khẩu sách báo), TOCOTAP (Tổng công ty xuất nhập khẩu tạp phẩm), COSUVINA (công ty sữa Việt Nam), ...			
	2. Tự tạo	1- Ghép	a) Có tiếng chung	8			Xuất nhập khẩu nông lâm sản, ba sản sàng, ...
			b) Không có tiếng chung	9			Công nông binh, Việt Xô, khoa giáo, thanh vân, ...
		2- Lược	a) Lược cuối	10			Bun (Bungary), Nghệ (Nghệ An), hợp tác, ...
			b) Lược giữa	11			Liên xô, Việt minh, Liên Việt, ...
			c) Lược đầu	12			Huyện (tri huyện), quốc doanh (xí nghiệp quốc doanh), ...

↑	↑	↑	↑	Xe, tàu, Đảng, ủy ban, tranh thủ, xây dựng, ...	Bỏ yếu tố phụ	Tỉnh lược
				(câu lược chủ ngữ, vị ngữ, ...)	Tỉnh lược tự do	
				(dùng đại từ): nó, ấy, này (dùng tên gọi): nhà máy Rạng Đông, xí nghiệp Ngô Gia Tự, ...	Thay thế	

Theo phạm vi sử dụng	Theo nguồn gốc	Theo thành phần cấu tạo	Theo phương pháp cấu tạo
----------------------	----------------	-------------------------	--------------------------

Do vậy, chúng tôi cho rằng có thể coi từ tắt là loại tắt tổ chân chính nhất (**tắt tổ hiệu theo nghĩa hẹp**). Từ tắt cùng với chữ tắt làm thành **tắt tổ hiệu theo nghĩa thông thường**. Nếu hiểu rộng hơn (**tắt tổ hiệu theo nghĩa rộng**) thì tắt tổ có thể bao hàm cả trường hợp tỉnh lược yếu tố đầu (là yếu tố chính) và giữ lại yếu tố

phụ (như: *quốc doanh* ← *xí nghiệp quốc doanh*, (*ông*) *huyện* ← (*ông*) *tri huyện*, v.v.). Trường hợp này đã được chúng tôi lý giải ở trên (mục II, phần bàn về tiêu chí 5 - dạng rút gọn phải là một đơn vị mới chưa tồn tại trước đó). Các tắt tổ từ vựng nhiều người quen gọi là loại “nói tắt” để phân biệt với các tắt tổ viết gọi là “viết tắt”. Tuy nhiên, thuật ngữ “nói tắt” không chính xác vì đây không chỉ là nói tắt mà là vừa nói tắt vừa viết tắt. Hơn nữa, “nói tắt” và “viết tắt” là những động từ, dùng chúng làm thuật ngữ không tiện.

Trong nội bộ chữ tắt và từ tắt thì theo nguồn gốc có thể chia thành 2 nhóm: *tắt tổ vay mượn* của những ngôn ngữ khác và *tắt tổ tự tạo*. Trong chữ và từ tắt tự tạo thì theo thành phần cấu tạo có thể chia mỗi loại ra thành những phần nhỏ hơn: tắt tổ cấu tạo theo chữ cái, tắt tổ cấu tạo theo âm (âm đầu hoặc âm tiết), tắt tổ hỗn hợp (đối với chữ tắt) hoặc tắt tổ tiếng (đối với từ tắt). Chi tiết hơn xin xem bảng 2.

Bảng phân loại trên đây, nói bằng ngôn ngữ của toán học hiện đại, chính là sự *phân hoạch* tập hợp các tắt tổ. Phân hoạch này lại là sự kết hợp của 3 phân hoạch nhỏ hơn:

$$P1 (\text{tắt tổ}) = \{ \{ \text{tắt tổ viết} \}, \{ \text{tắt tổ từ vựng} \} \}$$

$$P2 (\text{tắt tổ}) = \{ \{ \text{tắt tổ vay mượn} \}, \{ \text{tắt tổ tự tạo} \} \}$$

$$P3 (\text{tắt tổ tự tạo}) = \{ \{ \text{tắt tổ theo chữ cái} \}, \{ \text{tắt tổ theo âm} \}, \{ \text{tắt tổ còn lại} \} \}$$

Điều đó có nghĩa là bảng phân loại này thỏa mãn 3 yêu cầu của việc phân loại khoa học:

- a) Các tiểu loại không chồng chéo lên nhau (không giao nhau);
- b) Tổng thể tích của các tiểu loại đúng bằng thể tích của khái niệm được đem ra phân loại;
- c) Sự phân loại được tiến hành dựa trên những tiêu chí nhất quán.

Trong các loại tắt tổ thì tắt tổ tiếng (loại B2c, tức là các loại 8-12, xem bảng) là loại quan trọng nhất vì nó có số lượng lớn nhất và cũng mang những nét đặc trưng cơ bản nhất của tiếng Việt. Một loại nữa cũng không kém phần quan trọng là tắt tổ từ vựng tạo theo âm tiết (loại B2b, tức loại 7). Loại này tuy mới xuất hiện nhưng cũng đã có số một số lượng đáng kể và cũng đã thể hiện những ưu điểm của mình.

#### IV- TÌM HIỂU CÁC QUY TẮC CẤU TẠO TẮT TỔ TIẾNG VIỆT

Phần này nhằm nêu lên những quy tắc chung trong việc cấu tạo các tắt tổ (cả từ tắt và chữ tắt).

**Quy tắc 1 về điều kiện tạo các tắt tố:** Các từ hoặc cụm từ có thể tạo tắt tố nếu thỏa mãn điều kiện (a) và một trong các điều kiện (b) hoặc (c) dưới đây:

a) Có tần số xuất hiện cao (trong ngôn ngữ toàn dân hoặc trong một tiểu ngữ nào đó).

b) Có độ dài trên trung bình, hoặc

c) Thường xuất hiện ở những vị trí cố định.

Chẳng hạn, “vô tuyến truyền hình” có khả năng tạo tắt tố vì có tần số cao trong ngôn ngữ toàn dân và có độ dài trên trung bình (độ dài trung bình của một từ là hai âm tiết), “Nhà xuất bản” có khả năng tạo tắt tố vì có tần số cao trong tiểu ngữ khoa học và thường xuất hiện trong phần ghi tài liệu trích dẫn (NXB).

**Quy tắc 2 về các trường hợp kiêng kỵ:** Các tắt tố được tạo ra cần tránh:

a) Có vẻ âm thanh khó đọc hoặc không đẹp, dễ gây liên tưởng xấu;

b) Trở nên đồng âm (đồng hình) với những từ hoặc tắt tố có sẵn (trong phạm vi tiểu ngữ của mình) dẫn đến sự nhầm lẫn trong việc tiếp thu hoặc trong khi tái lập nguyên dạng.

Nếu tất cả các hình thức rút gọn có thể có của một từ (cụm từ) đều không thỏa mãn một trong hai điều kiện trên thì từ (cụm từ) đang xét không thể tạo tắt tố được (ví dụ cụm từ “Việt Nam – Mông Cổ”, tất cả 4 kết hợp có thể đều không thỏa mãn điều kiện (a). Điều kiện (b) chỉ áp dụng đối với những trường hợp có thể gây nhầm lẫn nghiêm trọng, ví dụ “sắc luật” không thể viết tắt là SL mà phải viết là SLt để khỏi nhầm với “sắc lệnh” (SL), còn trong các trường hợp khác thì có thể chấp nhận được (ví dụ TCN-TCN nghĩa là “tiểu công nghiệp – thủ công nghiệp”, đ/c là “đồng chí” và “địa chỉ”).

Mặc dù các tiểu loại tắt tố trong tiếng Việt rất đa dạng (xem bảng phân loại ở phần III), nhưng chúng đều tuân theo một số nguyên tắc chung dựa trên một quy luật quan trọng mà chúng tôi đã nêu (xem phần I-II) là sự phân bố không đồng đều lượng thông tin (và độ dư) trên các đơn vị của ngữ lưu: Lượng thông tin cao nhất tập trung ở thành phần chính của cụm từ, hoặc ở các định tố, hoặc đường viền (phần đầu và phần cuối). Căn cứ vào đó có thể nêu quy tắc 3 về các nguyên tắc tạo tắt tố như sau:

**Quy tắc 3 về cách chọn các yếu tố cần giữ lại:** Trong khi rút gọn các đơn vị ngôn ngữ (âm tiết, từ, cụm từ) để tạo các tắt tố, việc chọn các yếu tố cần giữ lại được tiến hành theo các nguyên tắc sau đây:

a) Giữ lại yếu tố có lượng thông tin cao nhất, có khả năng khu biệt ý nghĩa cao nhất;

b) Nếu các yếu tố đều có lượng thông tin ngang nhau thì giữ lại những yếu tố mà khi làm (hoặc tham gia làm) tất tổ sẽ tạo nên một tổ hợp âm thanh dễ đọc, dễ nghe nhất;

c) Nếu các yếu tố đều ngang nhau về giá trị ngữ nghĩa và âm thanh thì lấy yếu tố đầu;

d) Nếu yếu tố đầu (hoặc sự tham gia của yếu tố đầu) dẫn đến việc vi phạm điều (b) của quy tắc 2 thì lấy hoặc lấy thêm yếu tố cuối.

Nguyên tắc (a) áp dụng để rút gọn các cụm từ thành từ (như “Đảng Cộng sản Việt Nam” thành “Đảng”) hoặc các từ ghép nghĩa thành tiếng (ví dụ “lich sử” thành “sử”). Nguyên tắc (b) được áp dụng để chọn, chẳng hạn, yếu tố “minh” từ từ “đồng minh”: “Việt Minh” dễ nghe hơn “Việt đồng”. Nguyên tắc (c) áp dụng để rút gọn các từ ghép ngẫu hợp thành tiếng (ví dụ: Hungary → Hung); nó cũng thường được áp dụng để giữ lại các âm, các chữ cái từ một tiếng, một âm tiết (ví dụ: Hợp tác xã → HTX, công ty sữa Việt Nam → COSUVINA). Việc lấy thêm chữ “t” trong tất tổ SLt là theo nguyên tắc (d).

## V- VỀ CÁC TỪ TẮT CÓ NGUỒN GỐC VAY MƯỢN TRONG TIẾNG VIỆT

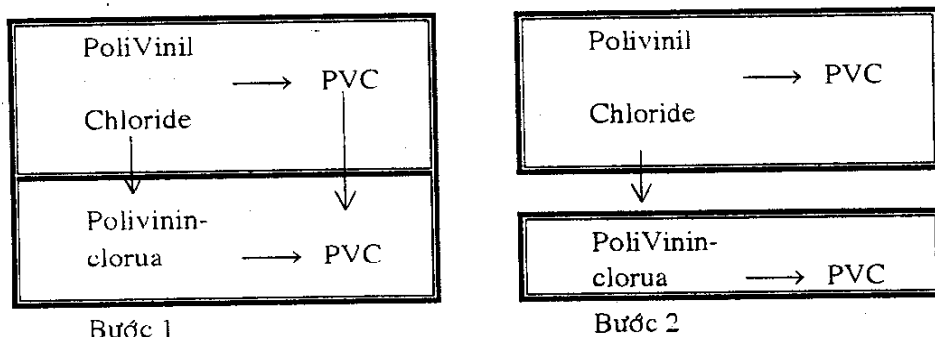
### A- Nhập đề: một cách phân loại giản đơn

1. Các từ tắt có nguồn gốc vay mượn trong tiếng Việt chủ yếu bắt nguồn từ tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Pháp, và cái gọi là “các thuật ngữ quốc tế”<sup>6</sup>. Đó chủ yếu là những từ tắt thuộc lĩnh vực chính trị - xã hội, lĩnh vực khoa học - kỹ thuật, lĩnh vực quân sự, giao thông và các lĩnh vực khác. Tổng số các từ tắt có nguồn gốc vay mượn trong tiếng Việt cho đến năm 1981 ước tính khoảng trên một nghìn đơn vị, hiện nay con số này đã lớn hơn rất nhiều do quá trình giao lưu quốc tế và toàn cầu hóa trong những năm gần đây diễn ra mạnh mẽ.

2. Về giới hạn đối tượng, cần lưu ý ba điểm. Thứ nhất, ở đây chỉ bàn đến các từ tắt, chứ không xét đến các chữ tắt có nguồn gốc vay mượn. Thứ hai, ở đây cũng không bàn đến các từ tắt có nguồn gốc vay mượn có tính ký hiệu cao như ký hiệu các nguyên tố hóa học, vì chúng được dùng chung không phụ thuộc vào các ngôn ngữ, do vậy chúng tuân theo những quy luật riêng. Thứ ba, việc đưa

<sup>6</sup> Không có các từ tắt vay mượn từ tiếng Trung Quốc bởi vì, về phương diện này, tiếng Trung Quốc chỉ có các từ tắt tiếng chứ không tạo được các từ tắt theo chữ cái do bị vắn tự khối vuông kim hãm. Các từ tắt vay mượn từ các ngôn ngữ còn lại (Đức, Bungari, Tiệp, v.v...) chiếm một tỷ lệ không đáng kể.

các từ tắt vào diện xem xét ở đây là căn cứ theo nguồn gốc vay mượn của chúng. Như vậy, chúng tôi phân biệt từ tắt có nguồn gốc vay mượn và từ tắt vay mượn. Có nhiều từ tắt vốn có nguồn gốc vay mượn nhưng tiếng Việt cũng vay mượn cả dạng đầy đủ của chúng nên chúng được xếp vào nhóm các từ tắt tự tạo của tiếng Việt. Quá trình chuyển từ từ tắt vay mượn thành từ tắt tự tạo có thể hình dung theo hai bước chính như sau:



Bước 1

Bước 2

Bảng 3: Quá trình chuyển từ từ tắt vay mượn thành từ tắt tự tạo

3) Các từ tắt nước ngoài khi bước qua ngưỡng cửa để vào bất kỳ một ngôn ngữ nào đều bị ngôn ngữ đó đồng hóa theo những chuẩn mực chính tả và phát âm của mình. Điều đó có nghĩa là, khi nghiên cứu các từ tắt có nguồn gốc vay mượn của một ngôn ngữ, vấn đề số một là phải tìm hiểu những cách thức vay mượn mà ngôn ngữ đó dùng về cách đọc và cách viết.

Xét theo phương thức vay mượn về cách đọc và cách viết thì các từ tắt có nguồn gốc vay mượn trong tiếng Việt có thể phân thành bốn nhóm sau (xem bảng 4)<sup>7</sup>:

- 1) Giữ nguyên cách viết và cách đọc của tiếng gốc;
- 2) Giữ nguyên cách viết và Việt hóa cách đọc;
- 3) Giữ nguyên cách đọc và Việt hóa cách viết;
- 4) Việt hóa cả cách đọc và cách viết.

<sup>7</sup> Để cho giản tiện, cách đọc trong các ví dụ tiếng nước ngoài chúng tôi sẽ ghi bằng chữ cái Việt theo cách ghép âm Việt thông thường chứ không dùng các ký hiệu phiên âm quốc tế.

Cách viết	Cách đọc	Ví dụ	
		Tiếng gốc	Tiếng Việt
Giữ nguyên	Giữ nguyên	AFP [aefpe] (t. Pháp)	AFP [a-cfờ-pê]
		TV [tivi] (t. Anh)	TV [tivi]
		OTK [oteka] (t. Nga)	OTK [ô-tê-ka]
	Viết hóa	BBC [bifixi] (t. Anh)	BBC [bê-bê-xê]
OIRT [oirt] (t. Pháp)		OIRT [ô-i-erờ-tê]	
CKC [eskacs] (t. Nga)		CKC [xê-ka-xê]	
Viết hóa	Giữ nguyên	TV [tivi] (t. Anh)	Ti-vi [ti-vi]
		TACC [tass] (t. Nga)	TASS [tas]
		АПК [apeka] (t. Bun)	APK [a-pê-ka]
	Viết hóa	ЗИЛ [zil] (t. Nga)	Zin [zin]
		ИЛ [il] (t. Nga)	IL [i-elờ]
		АЛГЭМ [algem] (t. Nga)	ALGEM [an-gem]

Bảng 4: Phân loại các từ tắt có nguồn gốc vay mượn trong tiếng Việt theo phương thức vay mượn về cách đọc và cách viết

Mới nhìn qua, có thể nghĩ rằng cách phân loại như thế đã là khoa học và chặt chẽ lắm. Nhưng khi áp dụng bảng phân loại này để xử lý một số lượng lớn những từ tắt có nguồn gốc vay mượn mà chúng tôi thu thập được, mới thấy mỗi loại cũng rất phức tạp.

#### **B- Một cách phân loại khác và 12 trường hợp vay mượn ứng với nó**

1. Hướng đi của cách phân loại vừa trình bày về cơ bản vẫn là đúng đắn, nhưng bảng phân loại này nãy còn sơ sài, chưa phản ánh hết được thực tế của vấn đề.

Tiếp tục tìm hiểu, chúng tôi nhận thấy rằng, năm phương thức vay mượn, chúng ta nắm lấy cái ngọn mà chưa bắt được cái gốc. *Gốc của vấn đề này nằm ở bản thân những từ tắt tiếng nước ngoài mà tiếng Việt định nhập với những đặc trưng về cách đọc và cách viết của chúng và ở chỗ tiếng ta có khả năng chấp nhận những đặc trưng ấy tới mức nào.* Phương thức vay mượn chỉ là hậu quả của việc giải quyết mối tương quan này. Đó chính là tư tưởng chủ đạo dẫn tới một cách phân loại thứ hai. Theo cách phân loại này, toàn thể các từ tắt có nguồn gốc vay mượn trong tiếng Việt được chia thành ba loại, trong đó loại B lại chia thành ba nhóm nhỏ (xem bảng 5 cột một).

Bảng 5: Phân loại các từ tắt có nguồn gốc vay mượn trong tiếng Việt

I- PHÂN LOẠI		II- CÁCH VAY MƯỢN	
LOẠI VÀ TIỂU LOẠI		VÍ DỤ	NGUYÊN TẮC
A. Chấp nhận được hoàn toàn (cả cách viết và cách đọc) của dạng gốc		AFP [a-ep-pê] BCG [bê-xê-giê] PVC [pê-vê-xê] OTK [ô-tê-ka]	1. Giữ nguyên cách đọc và cách viết
B. Chấp nhận được bộ phận của dạng gốc	a) Chấp nhận được cách đọc nhưng không chấp nhận được cách viết	АПК [a-pe-ka] ЧК [che-ka] ЇТК [che-te-ka]	2. Giữ nguyên cách đọc, Việt hóa cách viết
	b) Chấp nhận được hoặc cách đọc hoặc cách viết	TV [ti-vi] BBC [bi-bi-xi] AH [an]	3. Giữ nguyên cách đọc, Việt hóa cách viết -----hoặc----- 4. Giữ nguyên cách viết, Việt hóa cách đọc -----hoặc----- 5. Giữ nguyên cả cách viết và cách đọc
	c) Chấp nhận được cách viết nhưng không chấp nhận được cách đọc	OIR [oirt] ALGOL [ol-gaul] Napalm [nây-pa:m]	6. Giữ nguyên cách viết và Việt hóa cách đọc
C. Hoàn toàn không thể chấp nhận được cả cách viết lẫn cách đọc của dạng gốc		ЗИЛ [zil] ИЛ [il] АЛГЭМ [al-gem]	7. Việt hóa cách đọc, rồi viết theo đó -----hoặc----- 8. Việt hóa cách viết, rồi đọc theo đó -----hoặc----- 9. Đồng thời Việt hóa cả cách đọc và cách viết.

Ở đây khái niệm “không chấp nhận được cách viết” có nghĩa là từ tắt gốc có chứa những con chữ không có trong bảng chữ cái tiếng Việt. Đó trước hết là một số con chữ trong bảng chữ Kirilitxa (Nga, Bungari). Rồi đến những chữ cái Latinh thêm dấu của các tiếng Đức, Tiệp, Ba Lan, v.v. Và, tất nhiên, cả những con chữ của bảng chữ Hy Lạp, Ả-rập, Kh’mer...



Khái niệm “không chấp nhận được cách đọc” có nghĩa là từ tắt gốc có chứa: 1) những âm mà tiếng Việt không có (như: [ɹ], [ʃ], [ʒ] t. Nga) hoặc 2) những tổ hợp âm không có trong cấu trúc âm tiết tiếng Việt (như: *napalm*), hoặc 3) những chữ cái có cách đọc khác hẳn cách đọc Việt (như: B [bi], I [ai] của t. Anh).

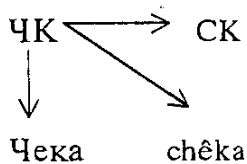
Bảng 6: Các khả năng vay mượn có thể có

I- LÝ THUYẾT	II- CÁCH VAY MƯỢN (THỰC TIỄN)	
VÍ DỤ (lý thuyết)	PHƯƠNG PHÁP	VÍ DỤ THỰC
AFP [a-ef-pê] PVC [pê-vê-xê] OTK [ô-tê-ka]	1. (Như lý thuyết)	
AK [a-pê-ka] ЧK [che-ka] ЇTK [che-te-ka]	2a. Giữ nguyên cách đọc, Việt hóa cách viết ----- <i>hoặc</i> ----- 2b. Việt hóa cách viết, biến đổi cách đọc	APK [a-pê-ka] Chê-ka ----- CK [xê-ka] CTK [xê-tê-ka]
Ti-vi AN [an]	3. (như lý thuyết)	Ti-vi AN [an]
TV [tê-vê] BBC [bê-bê-xê] AH [a-hát]	4. (như lý thuyết) <i>hoặc</i>	BBC [bê-bê-xê]
Ti-vi Bi-bi-xi AN [an]	5. (như lý thuyết)	TV [ti-vi]
OIRT [o-i-er-te] ALGOL [an-gôn] Napalm [na-pan]	6a. Đọc theo chữ cái, giữ nguyên cách viết, <i>hoặc</i> Đọc theo âm tiết	OIRT [ô-i-er-tê] napan ALGOL [an-gôn]
Zin [zin] In [in] An-gem [an-gem]	7. (như lý thuyết) <i>hoặc</i>	Zin [zin]
ZIL [zin] IL [I-iel] ALGEM [a-el-giê-e-êm]	8. (như lý thuyết) <i>hoặc</i>	IL [I-iel]
ZIL [zin] IL [in] ALGEM [an-gem]	9. (như lý thuyết)	ALGEM [an-gem]

5. Trên cơ sở sự phân loại như vậy, rất dễ dàng có thể chỉ ra tất cả những khả năng vay mượn có thể có trên lý thuyết tương ứng với từng tiểu loại. Tất cả có 9 trường hợp tương ứng với 5 tiểu loại (xem bảng 6, cột II).

Không chỉ giữa các ngôn ngữ không có sự tương ứng hoàn toàn mà ngay trong một ngôn ngữ cũng không có sự phù hợp tuyệt đối. Vì vậy, khi vay mượn từ tất, cái khó ở chỗ là làm sao vừa đảm bảo sự phù hợp giữa cách đọc và cách viết trong tiếng Việt nhưng đồng thời lại phải vừa cố gắng đạt tới sự tương ứng giữa cách đọc và cách viết của tiếng Việt với cách đọc và viết của tiếng gốc.

6. Vì những lý do trên, cách vay mượn 2 dùng cho nhóm B.a (bảng 5) không chỉ đơn giản là “giữ nguyên cách đọc, Việt hóa cách viết” mà thực chất là được thực hiện theo hai con đường. Những từ tất có sự tương ứng hoàn toàn giữa hai ngôn ngữ thì sẽ được nhập vào tiếng Việt theo con đường 2a (bảng 6). Những từ tất không có sự tương ứng hoàn toàn thì có hai khả năng: hoặc theo con đường 2b, chịu sự biến đổi về cách đọc để giữ được sự gần gũi về cách viết (như: CKT, xem bảng 6); hoặc có thể vẫn theo con đường 2a, chịu sự biến đổi về cách viết để giữ nguyên cách đọc. Tuy nhiên, đôi khi cũng có thể đồng thời theo cả hai con đường, tạo nên hai biến thể, như “chê-ka” và “CK”. Thực ra, “chê-ka” không chỉ được nhập theo con đường từ ЧК bởi vì ngay ở tiếng Nga đã có hai biến thể văn tự. Quá trình vay mượn có thể hình dung như sau:



7. Đối với cách vay mượn 6 áp dụng cho nhóm B.c (bảng 5), tình hình cũng tương tự như vậy. Những từ tất thuộc nhóm này chủ yếu gồm các từ tất mà ở tiếng gốc được đọc theo âm tiết. Vì vậy, có hai cách Việt hóa cách đọc: nếu từ bỏ cách đọc theo âm tiết để chuyển sang đọc theo chữ cái thì luôn luôn giữ nguyên được cách viết mà vẫn đảm bảo sự phù hợp giữa chúng (trường hợp 6a trong bảng 6), còn nếu vẫn đọc theo âm tiết thì không bao giờ có được sự phù hợp hoàn toàn với cách viết. Trong trường hợp thứ hai này, nếu muốn có sự phù hợp thì phải biến đổi cách viết (trường hợp 6b), còn nếu muốn giữ nguyên cách viết thì đành phải chịu sự không thống nhất giữa cách viết và cách đọc (trường hợp 6c).

8. Đối với nhóm B.c và nhóm C thì theo lý thuyết có ba cách vay mượn, nghĩa là mỗi từ tắt tiếng nước ngoài nhập tiếng Việt có thể có 3 biến thể. Nhưng trên thực tế thì những trường hợp có tồn tại biến thể thì là hãn hữu và lâm thời (như TV [tivi] tiếng Anh vào tiếng Việt có hai biến thể: “tivi” (trường hợp 3) và TV [tivi] (trường hợp 5)). Nói chung, trường hợp 5 ít được dùng và cũng *không nên dùng* bởi vì tuy cách viết của tiếng gốc trùng với tiếng Việt nhưng lại phải trả bằng một giá quá đắt là phá vỡ hoàn toàn nguyên tắc “viết sao đọc vậy” của tiếng Việt: hơn nữa, không dùng nó, ta cũng vẫn còn hai cách nữa để lựa chọn.

Việc lựa chọn giữa hai cách vay mượn còn lại của nhóm B.b (trường hợp 3 và 4) là hoàn toàn tùy ý. Tuy nhiên, thường là đối với các từ tắt gốc tiếng Anh, ta ít vay mượn theo trường hợp 3 vì cách đọc của chúng rất xa lạ với riêng ta (CIA [xi-ai-ây]) mà thường vay mượn theo trường hợp 4 (CIA [xê-i-a]). Còn các từ tắt gốc tiếng Nga thì thường lại chủ yếu được vay mượn theo trường hợp 3: AH → AN, TY → TU, TACC → TASS, POCTA → ROSTA (trong khi trường hợp 4, như CKC [es-ka-es] → CKC [xê-ka-xê], thì rất ít).

Trường hợp 6c và trường hợp 9 cũng tạo nên sự thống nhất giữa cách viết và cách đọc, nhưng chúng khác hẳn trường hợp 5 vừa nêu trên. *Việc lựa chọn* giữa 3 cách 6a, 6b, 6c đối với các từ tắt nhóm B.c và giữa 3 cách 7, 8, 9 đối với các từ tắt nhóm C có liên quan chặt chẽ tới vấn đề *cách đọc* các từ tắt trong tiếng Việt: trong trường hợp nào nên *đọc theo chữ cái* (tức là theo cách 6a đối với nhóm B.c và cách 8 đối với nhóm C) và trường hợp nào nên đọc theo âm tiết. Nhưng vấn đề này lại liên quan đến một loạt vấn đề khác, nên chúng tôi sẽ bàn đến vào dịp khác.

Như vậy, ta thấy rằng 4 cách vay mượn trên lý thuyết (bảng 2) và, với sự bổ sung và chi tiết hóa do thực tiễn đem lại, cuối cùng thành 12 trường hợp vay mượn dùng cho 5 nhóm các từ tắt.

### **C- Những việc cần làm tiếp tục**

9. Những kết quả nêu trên cho phép kết luận rằng, cho đến nay, thực tiễn vay mượn các từ tắt, về cơ bản, tuân theo những nguyên tắc nhất định (mặc dù không ai ý thức về việc này). Những trường hợp có vẻ “lộn xộn” thực ra lại là những cách vay mượn khác nhau tồn tại song song cho cùng một nhóm từ tắt mà nguyên tắc cho phép.

Đối với tiếng ta, phần lớn các từ tắt có nguồn gốc vay mượn cũng mới nhập vào chưa lâu, cách đọc và cách viết chưa hoàn toàn cố định, quá trình vay mượn lại đang bước vào giai đoạn rầm rộ, chính là lúc cần thiết tiến hành “chuẩn hóa”

chúng. Đưa ra những cách viết và cách đọc chuẩn mực đối với từng từ tắt, chữ tắt cụ thể là nhiệm vụ của cuốn *Từ điển tắt tổ tiếng Việt*, nhưng trước hết cần thống nhất về các nguyên tắc chung.

10. Tuy nhiên, do khuôn khổ của bài viết có hạn, ở đây chúng tôi chỉ hạn chế ở việc nêu ra vấn đề chứ không đi vào giải quyết vấn đề.

Cần có sự thống nhất về một số vấn đề cụ thể thuộc cách viết và cách đọc.

Đối với cách viết, cần mở rộng bảng chữ cái tiếng Việt, thêm F, Z, J, W để tiếp nhận các tắt tổ kiểu SWAPO (là điều đã xảy ra trên thực tế những năm gần đây).

Đối với cách đọc, cần nhận thấy rằng đọc theo âm tiết lợi hơn vì nó dễ đọc và cho phép rút gọn độ dài âm thanh của từ tắt vì vậy, phương châm là tăng cường đọc theo âm tiết bằng cách nêu những nguyên tắc Việt hóa cách đọc theo âm tiết. Những trường hợp còn lại không thể đọc theo âm tiết thì sẽ đọc theo chữ cái. Cách đọc các chữ cái trong tiếng Việt lâu nay không có sự nhất trí. Cũng cần có quy định thống nhất về vấn đề này.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO VÀ TRÍCH DẪN

- 1, Borisov 1972: Борисов В.В., *Аббревиация и акронимы*. - М., Воениздат.
- 2, Budagov 1972: Будагов Р.А., in: "Вопросы языкознания", No 1, с. 17-36.
- 3, Glezer - Tshukerman 1961: Глезер В.Д., Цукерман и.и., *Информация и зрение*, М.-Л.
- 4, Lênin 1963: Lênin V.I., *Bút ký triết học*, NXB Sự thật, H.
- 5, Martinet 1955: Martinet A. *Économie des changements phonétiques*. - Theo bản dịch tiếng Nga: М., 1960.
- 6, Nguyễn Kim Thản 1968: *Vấn đề nói tắt trong tiếng Việt*. - Trong cuốn: "Nghiên cứu ngôn ngữ học", tập I, NXB KHXH, H., tr. 68- 82.
- 7, Nguyễn Nguyên Trữ 1970: *Một số suy nghĩ xung quanh việc xác định từ láy đôi trong tiếng Việt hiện đại*. - T/c "Ngôn ngữ", H., số 2.
- 8, Nguyễn Tài Căn 1975: *Ngữ pháp tiếng Việt. Tiếng - Từ ghép - Đoàn ngữ*. - H., NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, H.

- 9, Nguyễn Văn Tu 1976: *Từ và vốn từ tiếng Việt hiện đại*. - H., NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
- 10, Paul 1960: Паул Г., *Принципы истории языка*. - М.
- 11, Piotrovskij 1968: Пиотровский Р.Г., *Информационное измерения языка*. - Л.
- 12, Piotrovskij 1975: Пиотровский Р. Г., *Текст - Машина - Человек*, Л., Наука.
- 13, Polivanov 1931: Поливанов Е.Д., *За марксистское языкознание*. - М.
- 14, Quang Đam 1966: *Vấn đề giữ gìn sự trong sáng tiếng Việt đối với những người viết báo Việt Nam*. - Tạp chí Văn học, số 4.
- 15, Slovoobrazovanie 1968: *Словообразование современного русского литературного языка*. - М., Наука.
- 16, Trần Ngọc Thêm 1977, *Về các từ tắt*, báo Nhân dân ngày 6/2/1977.
- 17, Trần Ngọc Thêm 1978: *Bước đầu nghiên cứu hiện tượng viết tắt, nói tắt trong tiếng Việt*. - Kỷ yếu Hội nghị ngôn ngữ học ngành đại học tổ chức tại Tp. HCM, tháng 1-1978, in trong cuốn: "Những vấn đề ngôn ngữ học Việt Nam". H., NXB ĐH&THCN, 1981, tr. 469-483.
- 18, Trần Ngọc Thêm 1979: *Thử phân loại các từ tắt, chữ tắt tiếng Việt*. - Trong: Thông tin khoa học của Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, Số 10-11, chuyên san Ngôn ngữ học.
- 19, Trần Ngọc Thêm 1981a: *Tìm hiểu các quy tắc cấu tạo các tắt tố tiếng Việt*. - *Những vấn đề ngôn ngữ học*, Đại học Tổng hợp HN.
- 20, Trần Ngọc Thêm 1981b: *Tìm hiểu các từ tắt có nguồn gốc vay mượn trong tiếng Việt*. - In trong: "Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt về mặt từ ngữ". H., NXB KHXH, tập II, tr. 229-239.
- 21, Vorosy 1974: *Вопросы оптимализации естественных коммуникативных систем*, М., МГУ. (Phần về tắt tố do E.M. Медникова và Л.Селяховская viết).
- 22, Zipf 1949: Zipf G.K., *Human Behavior and Principle of least Effor*. Cam. (Mass). Dẫn theo И.И. Ревзин trong: *Вопросы статистики речи*, ЛГУ, 1958.

# VỀ KHÁI NIỆM TẮT TỐ VÀ CÁC KIỂU ĐỊNH DANH TẮT TRONG TIẾNG VIỆT

MAI XUÂN HUY

(TS, Viện Ngôn ngữ học)

## 1. Vài nét về lịch sử vấn đề:

1.1. Tắt (nói tắt, viết tắt) là một hiện tượng có tính quy luật của mọi ngôn ngữ, nó phản ánh quy luật *tiết kiệm*. Xã hội loài người càng văn minh thì nhu cầu truyền và nhận thông tin càng lớn. Khi ấy, ngôn ngữ, với tư cách là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất của con người phải phục vụ nhu cầu đó một cách hữu hiệu nhất, để sao cho, trong cùng một đơn vị thời gian, lượng thông tin truyền và nhận là cao nhất. Để đáp ứng đòi hỏi đó, ngôn ngữ đã tự tìm cho mình một phương cách thông minh nhất: đó là *tắt hoá*.

Ngày nay, như người ta thường nói, cùng với thời đại "bùng nổ thông tin" là sự "bùng nổ" của hiện tượng "nói tắt, viết tắt", dưới áp lực và nhu cầu của xã hội và cũng là của chính bản thân ngôn ngữ nữa. Cho tới nay, trong các ngôn ngữ thành văn phát triển (như Anh, Nga, Pháp, Đức v.v...), khối lượng các đơn vị tắt là rất lớn: có hàng vạn đơn vị tắt đang được sử dụng rộng rãi cùng với những cuốn từ điển chữ viết tắt với đầy đủ các quy tắc chính âm, chính tả và hình thái học. Trong tiếng Việt của chúng ta, khoảng mười năm trở lại đây, cùng với sự đổi mới của nền kinh tế sang hướng thị trường trong chính sách mở cửa, đã bắt đầu rộ lên hiện tượng dùng dạng tắt của ngôn ngữ, đặc biệt là trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đó cũng là điều tất yếu theo quy luật chung của ngôn ngữ và xã hội.

1.2. Ngay từ những năm đầu của thập kỷ 70, khi mà trong tiếng Việt, khối lượng các đơn vị tắt chưa nhiều, vấn đề "nói tắt, viết tắt" của tiếng Việt đã được các nhà Việt ngữ học quan tâm nghiên cứu với bài viết đầu tiên của tác giả Nguyễn Kim Thản (1968). Sau đó là các bài viết của các tác giả Võ Huỳnh Mai (1976), Trần Ngọc Thêm (1977, 1978, 1979, 1981), Nguyễn Đức Dân (1978, 1991), Trịnh Liên (1978), Nguyễn Trọng Báu (1981), Nguyễn Kim Thản, Nguyễn Văn Tu, Nguyễn Trọng Báu (1982). Trong các công trình nghiên cứu của mình, các tác giả nói trên đã tiếp cận vấn đề từ nhiều góc độ khác nhau, song đều có một điểm chung là đề cập đến hai vấn đề cơ bản là

*cấu tạo và phân loại của các đơn vị tắt trong tiếng Việt. Các tác giả nói trên đã đạt được những thành công nhất định, ở những mức độ có khác nhau.*

Về cấu tạo định danh tắt, Trịnh Liễn (1978) chỉ ra mấy kiểu sau đây:

- *Kết hợp các âm tiết đầu từ*
- *Kết hợp các chữ cái đầu từ*
- *Hỗn hợp hai kiểu trên*
- *Kết hợp nghĩa*
- *Linh tinh không theo quy luật nào.*

Về phân loại định danh tắt, có 2 xu hướng chính theo 2 tiêu chí khác nhau sau đây:

a. *Phân loại theo phạm vi sử dụng*: Các đơn vị tắt được chia ra thành hai loại đối lập là *từ nói tắt* và *chữ viết tắt* hay *dạng tắt từ vựng* và *dạng tắt văn bản*. Đại diện cho xu hướng này là Nguyễn Kim Thân, Nguyễn Văn Tu, Nguyễn Trọng Báu.

b. *Phân loại theo nguồn gốc các thành tố cấu tạo trong định danh tắt*:

- *Tắt thuần Việt.*
- *Tắt Việt + ngoại.*
- *Tắt ngoại (chủ yếu gốc Hán).*

Đại diện cho xu hướng này là Nguyễn Đức Dân và Trịnh Liễn.

Trong số các tác giả đi trước, cách phân loại của Trần Ngọc Thêm (1978) là tỏ ra công phu và tỉ mỉ hơn cả. Tác giả này đã phân loại tất cả các đơn vị tắt (mà tác giả gọi là *tắt tố*) đang hoạt động trong tiếng Việt theo nhiều tiêu chí tổng hợp như: *phạm vi sử dụng (viết, nói)*, *nguồn gốc (vay mượn, tự tạo)*, *thành phần cấu tạo (chữ cái đầu, âm đầu, hỗn hợp)*, *phương pháp cấu tạo (ghép, lược)* (xin xem [8]).

1.3. Năm 1990, hai đồng tác giả Như ý và Mai Xuân Huy đã cho ra đời cuốn "*Sách tra cứu chữ viết tắt nước ngoài và Việt Nam*" (Nxb KHXH, H. 1990). Trong công trình trên và trong một số công trình khác [14, 15, 16], chúng tôi đã có một số nghiên cứu và kiến giải về các đơn vị tắt được gọi là các *định danh tắt tố* trong tiếng Việt, đặc biệt là các tên tắt của các cơ quan xuất nhập khẩu Việt Nam. (Trong bài viết này, chúng tôi xin sửa lại thuật ngữ cũ và gọi các đơn vị tắt bằng một thuật ngữ gọn hơn là *định danh tắt*, để tránh nhầm lẫn với thuật ngữ *tắt tố* sẽ nói đến ở phần sau). Theo đó, *con đường hình thành* của các định danh tắt trong tiếng Việt như sau:

a) *Rút gọn từ định danh đầy đủ bằng tiếng Việt*:

Kiểu: "*Tổng công ty xuất nhập khẩu sách báo, văn hoá phẩm*" → XUNHASABA.

"Tổng công ty xuất nhập khẩu tạp phẩm" → TOCONTAP.

b) Từ định danh đầy đủ bằng tiếng Việt → dịch sang tiếng Anh → rút gọn lại thành định danh tắt:

Kiểu: "Liên hiệp công ty xuất nhập khẩu Hà Nội" → Union of Hanoi Import - Export Corporations → UNIMEX HANOI.

"Liên hiệp xí nghiệp sản xuất và xuất nhập khẩu nhựa" → Vietnam Union of Plastic Production and Import - Export Corporations → VINAPLAST.

Đặc biệt là, trong các công trình nói trên, chúng tôi đã phát hiện và lý giải khái niệm: "Cái đại diện" hay "TẮT TỐ" như là **đơn vị cơ bản để cấu tạo tất cả các định danh tắt trong tiếng Việt**, đồng thời, cũng chỉ ra được hai kiểu hình thái cấu tạo cơ bản của định danh tắt là **đơn thành tố** (tức định danh tắt mà cấu trúc chỉ gồm một **tắt tố**) kiểu *x*, (*xem*), *tr*, (*trang*), *ph*, (*phần*) v.v... và **đa thành tố** (tức định danh tắt mà cấu trúc gồm từ 2 **tắt tố** trở lên) kiểu *chm*, (*chuyên môn*), *VAC* (*Vườn - Ao - Chuồng*), *VKT* (*Văn hoá - Khoa học - Thể thao*) v.v...

## 2. Về khái niệm tắt tố:

2.1. Thuật ngữ tắt tố không mới. Nó đã được tác giả Trần Ngọc Thêm dùng lần đầu tiên (1981). Tuy nhiên, trong bài viết đó, thuật ngữ tắt tố được tác giả dùng để chỉ **tất cả các đơn vị định danh tắt nói chung** như Việt Minh, TOCONTAP, XUNHASABA, VAC, ATK, ĐKZ, SKZ v.v... Điều này là không hợp lí. Bởi vì, trong tiếng Việt, ngữ nghĩa của "tố" chỉ một yếu tố, một hợp phần để tạo nên một chỉnh thể nào đó, như trong các từ "*chính tố*", "*nguyên tố*", "*phụ tố*", "*từ tố*" v.v... chứ không được tri nhận là một chỉnh thể có chức năng định danh. Trong khi đó, các **định danh tắt** lại là các **chỉnh thể ký hiệu và có chức năng định danh** (hiểu theo nghĩa rộng nhất) rõ ràng. Do vậy, nội hàm khái niệm tắt tố mà tác giả Trần Ngọc Thêm đưa ra ở trên là không tương xứng và phù hợp với đối tượng mà nó hướng tới là các **định danh tắt**.

2.2. Trong các công trình của chúng tôi đã công bố năm 1990 [14, 15], lần đầu tiên thuật ngữ tắt tố được dùng với nghĩa "**là yếu tố đơn vị dùng để cấu tạo các định danh tắt**" trong tiếng Việt. Đó chính là "Cái Đại Diện" cho một thành tố (hay một chuỗi ký hiệu) nào đó trong định danh đầy đủ (Ví dụ: V,A,C là 3 **tắt tố** đại diện cho 3 từ "Vườn" - "Ao" - "Chuồng" trong định danh đầy đủ là "Vườn - Ao - Chuồng" (một mô hình kinh tế nông thôn); hoặc TO, CON, TAP là 3 **tắt tố** đại diện cho các thành tố là "tổng", "công ty" và "tạp phẩm" trong định danh đầy đủ là "Tổng công ty XNK tạp phẩm" v.v...). Theo kết quả của các nghiên cứu trên, TẮT TỐ được chia làm 3 loại. Nó có thể:

a) Là một chữ cái

(Ví dụ, *x* = *xem*, V,A,C trong VAC = Vườn - Ao - Chuồng). hoặc

b) Là một đoạn cắt âm tiết tính của một từ hoặc tên riêng



(Ví dụ: *Prof* = professor, *Can* = Canada *vi/na/ta/ba* trong VINATABA v.v.), hoặc:

c) Là một chữ trọn vẹn (tương đương với một từ đơn hay một âm tiết)

(Ví dụ: *Bảo*, *Việt* trong *Bảo Việt* (*Tổng công ty bảo hiểm Việt Nam*); *Việt*, *Minh* trong *Việt Minh* (*Việt Nam độc lập đồng minh hội*)

2.3. Sau này, Nguyễn Hoàng Thanh (1996) cũng sử dụng *thuật ngữ* tất tổ với nội hàm khái niệm không khác các tác giả trên. Có điều, tác giả chia tất tổ ra làm 5 loại như sau:

a) Tất tổ chữ cái đầu của âm tiết hay từ

b) Tất tổ nhiều chữ cái không mang tính âm tiết, ví dụ: *Dr.* (dotor), *Pkt* (packet), *Tg* trong *TTg* (thủ tướng) v.v...

c) Tất tổ âm tiết tính: phân cắt âm tiết tính của một âm tiết (hay từ).

Ví dụ: *Prof.* = professor; *XU, NHA, SA, BA* trong XUNHASABA.

d) Tất tổ là một từ (hay âm tiết) đầy đủ: gọi là tất tổ từ / âm tiết. Ví dụ: *LEN* trong *COTYLEN*.

e) Tất tổ là âm tiết đầy đủ có nguồn gốc từ cách nói gộp

Ví dụ: *công, nông, binh* (trong *công - nông - binh*); *Thái* (*Thái Nguyên*); *Phòng* (*Hải Phòng*). So với các tác giả đi trước, cách phân loại này không mới. Tuy nhiên, tác giả này đã phát hiện thêm một tất tổ nữa (loại b). Đây là một đóng góp đáng ghi nhận.

3. Mặc dù vậy, theo chúng tôi, tất cả các cách nhận diện và phân loại tất tổ bên trên đều có những điểm chưa thỏa đáng. Vì khuôn khổ bài viết, chúng tôi xin trở lại vấn đề này một dịp khác mà không bàn ở đây. Sau đây là những nhận diện và kiến giải tiếp theo của chúng tôi về khái niệm này.

3.1. Như chúng tôi đã xác định trước đây, tất tổ là "cái đại diện" hay "yếu tố đại diện" cho một thành tố trong định danh đầy đủ, để trực tiếp cấu tạo nên định danh tất. Như vậy, một định danh tất có thể là gồm một tất tổ (nếu định danh đầy đủ là một từ, một chữ) kiểu *x.* (*xem*); *tr.* (*trang*), *ph.* (*phần*), *A* (*academy*) *Prof.* (*Professor*) v.v... hoặc có thể là một tổ hợp gồm hai tất tổ trở lên (nếu định danh đầy đủ là một nhóm từ, nhóm chữ) kiểu *VAC* (*vườn - ao - chuồng*), *VKT* (*văn hoá - khoa học - thể thao*) *Tocontap* (*tổng công ty XNK tạp phẩm*), *Việt Minh* (*Việt Nam độc lập đồng minh hội*) v.v... Theo đó, ta sẽ có các định danh tất đơn thành tố (kiểu *tr.*, *x.*, *ph.*, v.v.) và định danh tất đa thành tố (kiểu *VAC*, *VKT*, v.v.).

Lưu ý rằng, đôi khi định danh tất của một định danh đầy đủ là một tổ hợp từ lại chỉ gồm một tất tổ (kiểu *THAI* = *Thai Airways International* Hãng hàng không quốc tế Thái Lan, hoặc *OZONE* = *International Bureau of Atmospheric Ozone* Cơ quan kiểm soát quốc tế về tầng ôzôn khí quyển v.v.) và

ngược lại, một *định danh tắt gồm nhiều tắt tổ* lại là dạng rút gọn của một định danh đầy đủ chỉ là *một chữ, một từ* (kiểu *Dr* = doctor, *pkt* = packet).

3.2. Qua quá trình khảo sát tỉ mỉ trên cứ liệu phong phú các định danh tắt gốc ngoại và tiếng Việt, chúng tôi xin đưa ra một cách nhận diện và phân loại mới cho các tắt tổ của các định danh tắt đang hoạt động trong tiếng Việt như sau:

### 3.2.1. Tắt tổ là chữ cái:

#### a. Chữ cái đầu:

- Đại diện cho từ đơn, ví dụ:

UBKHXHVN = Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, HTX = Hợp tác xã, v.v.

- Đại diện cho từ ghép, ví dụ:

VKT = Văn hoá - Khoa học - Thể thao, KCT = Khoa học - Công nghệ Truyền hình, CKX = Chính trị - Kinh tế - Xã hội. v.v.

#### b. Chữ cái khác:

- Tắt tổ là các chữ cái đầu và cuối từ, kiểu *Dr* (Doctor), *Mr* (Mister) hoặc *TTg* (thủ tướng) v.v.

- Tắt tổ là chữ cái đầu, giữa hoặc cuối từ, kiểu: *pkt* (packet) *hdbk* (handbook), v.v.

### 3.2.2. Tắt tổ là âm tiết :

#### a. Đoạn cắt âm tiết tính:

VA, FA, CO trong VAFACO (= Công ty vật phẩm văn hoá).

TO, CON, trong TOCONTAP (Tổng công ty XNK tạp phẩm)

#### b. Tiếng, từ đơn (đặc trưng riêng của tiếng Việt);

*Việt, Minh*, trong *Việt Minh* (Việt Nam độc lập đồng minh hội).

*Tuyên, huấn*, trong *tuyên huấn* (tuyên truyền + huấn luyện)

*Khoa, giáo* trong *khoa giáo* (khoa học - giáo dục); *văn, xã* trong *văn xã* (văn hoá - xã hội).

3.2.3. Tắt tổ là tên riêng: Loại này chủ yếu là tên riêng, địa danh hoặc từ ghép được dùng như tên riêng.

HA NOI trong UNIMEX HA NOI (*Công ty XNK Hà Nội*) hoặc từ đầy đủ (tiếng Anh) Vd: OZONE trong OZONE (*International Bureau of Atmospheric Ozone Cơ quan kiểm soát quốc tế về tầng ôzôn khí quyển*).

### 3.2.4. Tắt tổ là định danh tắt khác:

Một số định danh tắt có tần số xuất hiện cao, khả năng sản sinh lớn, được sử dụng như các yếu tố cấu tạo từ cơ bản trong việc sáng tạo các định danh tắt mới.

Vd: IMEX, EXIM = (*Import - Export / Export - Import* = XNK). Đây là các cụm kí hiệu tắt có sẵn để tạo tên tắt các cơ quan xuất nhập khẩu. Do đó khi cần đặt tên XNK mới, người ta chỉ việc dùng hai tắt tổ này ghép với những tắt tổ cần thiết khác là xong. Chẳng hạn: VIMEDIMEX = *Vietnam National Medical Products Import - Export Corporation Tổng công ty XNK Y tế*.

Rubexim = *Vietnam National Ruber Export - Import Corporation* Tổng công ty XNK Cao su Việt Nam.

### 3.2.5. Tắt tổ là số từ:

Được dùng khi có các tắt tổ giống hệt nhau trong định danh tắt. Số từ ở đây chính là tắt tổ bậc hai, đại diện cho số lượng tắt tổ giống nhau nói trên. Sở dĩ gọi đây là các tắt tổ bậc 2, vì nó chỉ sinh ra khi có hơn một tắt tổ giống hệt nhau trong một định danh tắt.

Vd: 3K  $\Leftarrow$  KKK  $\Leftarrow$  *Ku Klux Klan* Đảng 3K (một tổ chức khủng bố Mỹ)

3C  $\Leftarrow$  CCC  $\Leftarrow$  *Computer - Communication - Control Company* Công ty Điều khiển - Viễn thông - Tin học.

5M  $\Leftarrow$  *Money - Man - Management - Machinery - Marketing* (5 nhân tố của kinh tế thị trường)

Q4U  $\Leftarrow$  *Queu for you* (dịch vụ xếp hàng thuê ở Anh) v.v.

Ở đây, cũng cần lưu ý thêm 2 trường hợp khác, trong đó, người ta vận dụng sự đồng âm và dùng số từ để rút gọn một từ đầy đủ cho giản tiện trong sử dụng, có tính chất thông tục.

Ví dụ: 2 Look 4 = *To look for*

2U = *To You* v.v...

hoặc số từ bắt buộc trong một định danh tắt, kiểu:

QE2: *Queen Elizabeth II. Nữ hoàng Ê - li - da - bét đệ nhị*

3.2.6. Cuối cùng, có một nhóm kí hiệu cũng tham gia cấu tạo và giúp khu biệt các định danh tắt là: các dấu chấm (.), gạch (-), chéo (/), ngoặc đơn ( ), và (&) và đặc biệt là ký hiệu sở hữu cách của tiếng Anh ('s) được dùng khá phổ biến trong các định danh tắt của tiếng Việt. Đây chỉ là các yếu tố phụ trợ cho định danh tắt và bản thân chúng không thể tạo thành định danh tắt, tạm gọi là các trợ tắt tổ.

Ví dụ:

*c/o* = *care of* = qua, nhờ chuyển (thư)

*b.f.* = *bankruptcy fee* = phí vỡ nợ.

*m.p.* = *melting point* = điểm nóng chảy

AT & T = *American Telephone and Telegraph Corporation*  
= Công ty điện toán và điện thoại Mỹ.

BITI'S = Bình Tiên Rubber Company Công ty Cao su Bình Tiên

#### 4. Các kiểu định danh tắt trong tiếng Việt:

Sau khi xác định được tắt tố - yếu tố đơn vị để cấu tạo định danh tắt, chúng tôi đã tiến hành phân loại các định danh tắt trong tiếng Việt làm hai nhóm lớn, theo tiêu chí cấu tạo từ, như sau:

##### 4.1. Định danh tắt đơn thành tố:

Là định danh tắt chỉ gồm một "cái đại diện" tức là một tắt tố có thể là một chữ cái, một đoạn cắt, một tiếng hay từ đơn, một từ trọn vẹn (nếu là tiếng Anh) hoặc một từ đa tiết (nếu là tiếng Việt). Nhóm này gồm có:

(1). Định danh tắt chỉ gồm một tắt tố chữ cái đầu đại diện cho một từ:

*tr.* = trang; *x.* = xem; *ph.* = phân; *ô.* = ông.

(2). Định danh tắt gồm một đoạn cắt đại diện cho một từ hoặc một tên tổ chức, cơ quan

*tel* = telephone; *Prof.* = professor; *Harv.* = Harvard University.

(3). Định danh tắt gồm một tiếng/ từ đơn trọn vẹn, đại diện cho một tên riêng (định danh, nhân danh) hoặc từ song tiết, từ mượn (kiểu này chỉ có ở tiếng Việt).

*Thái* = Thái Nguyên; *Nam* = Nam Định, miền Nam; *Bun* = Bungari; *Xô* = Liên Xô; *Trung* = Trung Quốc; *Kít* = Kít - xinh - gio; *Ních* = Ních-xơn; *Giôn* = Giôn - xơn; *huyện* = tri huyện; *răm* = mười rằm; *cử* = cử nhân; *tú* = tú tài; *trang* = trang nguyên; *cận* = cận thị; *li* = milimét; *lô kí* = kilôgam; *phe* = áp phe v.v.

(4). Định danh tắt gồm một từ đại diện cho một định danh đầy đủ là tên một cơ quan, tổ chức:

THAI = *Thai Airways International* Hãng hàng không quốc tế Thái Lan.

##### 4.2. Định danh tắt đa thành tố:

Là định danh tắt được cấu tạo bởi từ 2 tắt tố trở lên kết hợp với nhau. Loại này gồm 2 loại nhỏ.

\* Loại thuần chủng:

(5). *Chữ cái + chữ cái*

ATK = An toàn khu  
BM = Bí mật  
ĐKZ = Đại bác không giật  
SKZ = Súng không giật.  
VAC = Vườn - Ao - Chuồng.

*Ltd* = Limited; *ms* = manuscript; *pkg* = package; *PS* = postscript; *MF* = microfilm; *SS* = Schutzstaffeln (Đức); *kg* = kilogramme; *ha* = hectare  
v.v.

(6). *Đoạn cắt + đoạn cắt:*

LIXEHA = Liên hiệp xe đạp xe máy Hà Nội  
DIHAVINA = Công ty băng nhạc đĩa hát Việt Nam.  
COTEVINA = Công ty tem Việt Nam  
FAHASA = Công ty phát hành sách TP. Hồ Chí Minh  
COGIDO = Công ty giấy Đồng Nai

(7). *Tiếng + tiếng:*

Bảo Việt = Công ty Bảo hiểm Việt Nam  
Việt Minh = Việt Nam độc lập đồng minh hội.  
(Việt Quốc, Việt Lập, Việt Cách v.v.)

(8). *Từ + từ:*

SAIGON TOURIST = Saigon Tourists Company Công ty du lịch TP. Hồ Chí Minh.

SAIGON AUDIO = Sai Gon Audio Company Công ty nghe nhìn TP. Hồ Chí Minh.

\* Loại không thuần chủng:

(9). *Chữ cái + đoạn cắt âm tiết*

T.CITEX = Thanh Cong Textile Company Công ty dệt Thành Công,  
CLEXIM = Cửu Long Export - Import Company Công ty XNK Cửu Long.

(10). *Chữ cái + tiếng:* Cty

(11). *Chữ cái + từ đầy đủ:*

SFC VIETNAM = Vietnam Service Flying Company Tổng công bay dịch vụ Việt Nam

SGTT Bank = Sài Gòn Thương Tín Bank Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín

(12). *Đoạn cắt + tiếng:*

TOCONTAP = Tổng công ty XNK tạp phẩm.

(13). *Đoạn cắt + từ:*

SAI GON SHIP = Sai Gon Shipping Co. Công ty vận tải biển Sài Gòn.

HABUBANK = Ha Noi Building Bank Ngân hàng xây dựng Hà Nội

HAIHACO = Hai Ha Confectionery Company Công ty bánh kẹo Hải Hà

(14). *Tiếng + từ:*

COTYMAV = Công ty may

COTYLEN = Công ty len

(15). *Số từ + chữ cái:*

3C ← CCC ← Computer - Communication - Control Company

10 KF = 10<sup>th</sup> October Kmiting Company Công ty dệt 10/10.

19 MTM = 19<sup>th</sup> May Textile Company Công ty dệt 19/5.

(16). *Số từ + từ:*

Hai giỏi, hai tốt, bốn tốt, ba không, ba sẵn sàng, ba đảm đang v.v.

(17). *Chữ cái + từ + dấu:* E.mail

(18). *Đoạn cắt + đoạn cắt + 's:* BITI'S = Bình Tiên Rubber Company

BITA'S = Bình Tân Private Company

(19). *Tên riêng + 's:* LONG'S = Cửa hàng cắt tóc Long

DUY'S = Cửa hàng điện lạnh Duy

HANG'S = Cửa hàng may đo Hằng

Bên trên mới chỉ là 19 loại lớn của các định danh tắt trong tiếng Việt, xét theo thành phần cấu tạo (cả thuần Việt, cả ngoại nhập). Nếu kể đến thứ tự sắp xếp và số lượng các thành tố trong cấu trúc thì số lượng định danh tắt còn lớn hơn nhiều (khoảng trên dưới 100 kiểu loại khác nhau).

## 5. Kết luận

Trên đây là một cái nhìn tổng quan về việc nghiên cứu định danh tắt nói chung và sự nhận diện, kiến giải mới xung quanh khái niệm tắt tố và việc phân loại đơn vị này trong tiếng Việt. Định danh tắt được cấu tạo theo rất

nhiều mô hình khác nhau và được xây dựng nên từ các định danh đầy đủ - các *ký hiệu bậc một*, ở cấp độ từ - trong tiếng Việt. Do vậy, nó là lớp *ký hiệu bậc hai* trong hệ thống ký hiệu ngôn ngữ nói chung. Từ những kết quả nghiên cứu trên, không còn nghi ngờ gì nữa, về mặt hình thái học, tất tố trong định danh tất có vai trò như là *hình vị - thành tố trực tiếp tạo nên định danh tất*. Và Tất tố có thể được gọi là *hình vị tất*. (Và như vậy, loại **3. 2. 6** tức là các trợ tất tố có thể được coi như là các *hình vị tất không độc lập*).

Phải nói rằng, tất là một hiện tượng hết sức phong phú và thú vị, song cũng không kém phức tạp. Việc nghiên cứu này đòi hỏi sự lao động nghiêm túc và công phu. Những phát hiện và kiến giải mới của chúng tôi trong bài viết này chỉ mới là bước đầu để nhận thức lại *vấn đề tất* nói chung. Tuy nhiên, hiện tượng tất là vấn đề chưa phải hoàn toàn đã được khám phá. Hy vọng rằng sẽ có nhiều công trình khác tiếp tục nghiên cứu ở lĩnh vực này.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Kim Thản - *Vấn đề nói tất trong tiếng Việt*, Nghiên cứu ngôn ngữ học, Nxb HKXH H.1968.
2. Võ Huỳnh Mai - *Về hiện tượng nói tất trong tiếng Việt*, Đại Đoàn Kết, số 37/1976.
3. Nguyễn Đức Dân - *Hệ thống tên tất trong các ngành kinh tế*, Ngôn Ngữ, số 3/1978.
4. Nguyễn Đức Dân - *Về các từ tất*, Kiến Thức Ngày Nay, số 5/1991.
5. Trịnh Liên - *Vài nhận xét về các bảng tên, bảng hiệu ở miền Nam trước ngày giải phóng*, Ngôn ngữ, số 3/1978.
6. Trần Ngọc Thêm, *Về các từ tất*, Báo Nhân Dân, ngày 6/2/1977.
7. Trần Ngọc Thêm - *Thử phân loại các từ tất, chữ tất trong tiếng Việt*; Thông tin khoa học ĐHTH, số 10 - 11/1979 (chuyên san ngôn ngữ học).
8. Trần Ngọc Thêm - *Bước đầu nghiên cứu hiện tượng viết tất, nói tất trong tiếng Việt*, Một số vấn đề Ngôn ngữ học ở Việt Nam, Nxb ĐHVTHCN, H. 1981.
9. Trần Ngọc Thêm - *Tìm hiểu các quy tắc cấu tạo tất tố tiếng Việt* Những vấn đề Ngôn ngữ học, ĐHTHVN, 1981.
10. Trần Ngọc Thêm - *Tìm hiểu các từ tất có nguồn gốc vay mượn trong tiếng Việt*, Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt về mặt từ ngữ, Nxb KHXH, H. 1981.

11. Nguyễn Trọng Báu - *Dạng tắt từ vựng như là một phương thức cấu tạo từ vựng mới*, Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt về mặt từ ngữ, Nxb KHXH, H. 1981.
12. Nguyễn Kim Thân, Nguyễn Văn Tu, Nguyễn Trọng Báu - *Tiếng Việt trên đường phát triển*, Nxb KHXH, H. 1982.
13. Nguyễn Tất Thành. "*Về những từ viết tắt trong tiếng Anh hiện đại*", Nội san Sư phạm ngoại ngữ, số 3/1977.
14. Như Ý - Mai Xuân Huy. *Sách tra cứu chữ viết tắt nước ngoài và Việt Nam*; Nxb KHXH, H. 1990.
15. Mai Xuân Huy - Nguyễn Hoài. "*Đặc điểm hình thái và ngữ nghĩa các tên tắt cơ quan XNK Việt Nam*", Ngôn Ngữ, số 3/1990.
16. Mai Xuân Huy. "*Về tên tắt các cơ quan, tổ chức không XNK Việt Nam*", Báo cáo HNKH Viện Ngôn ngữ học, 1992
17. Như Ý - Mai Xuân Huy và các tác giả khác. *Tên viết tắt các tổ chức kinh tế - xã hội Việt Nam*; Nxb VHTT, H. 1994.
18. Nguyễn Hoàng Thanh, *Bước đầu khảo sát con đường hình thành, cấu tạo và sự hành chức của các chữ viết tắt trong tiếng Việt*; Tóm tắt luận án PTS; H. 1996.
19. Nguyễn Tài Cẩn, *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb ĐHVTHCN, H. 1977.
20. Nguyễn Văn Tu. *Từ và vốn từ tiếng Việt*, Nxb ĐHVTHCN, H. 1977.
21. UBKHXHVN, *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb KHXH, H. 1981.
22. L.A. Klibanova. *Abbreviatiia - Orfografi ja i morfologija*; Russkij jazyk za rubezom, 5/1987.
23. *Xlovar Xokratsenija Ruxkovo Jazuka*. Izd. "Ruxkii Jazuk" M. 1984
24. X.I. Vinogradov. *Abbreviaturu kak Variantu Oboznacherija v Ruxkom Literaturnom Yazuke 20 - Nachala 30 Godov* (Literaturnaja Norma Variantnoxchi, Izd. "Nauka", M. 1981).
25. *Webster New Dictionary* - Promotional Sales Books 1994.
26. *Oxford Dictionary of Abbreviations* - OUP 1994.



# VỀ CÁCH VIẾT, CÁCH ĐỌC ĐỊNH DANH TẮT VÀ MỘT SỐ GỢI Ý VỀ CÁCH ĐẶT TÊN TẮT

MAI XUÂN HUY

(TS, Viện Ngôn ngữ học)

1. Hiện tượng nói tắt, viết tắt trong tiếng Việt đã được giới Việt ngữ học Việt Nam quan tâm nghiên cứu từ thập kỷ 70 với các bài viết của các tác giả Nguyễn Kim Thản, Võ Huỳnh Mai, Trần Ngọc Thêm, Nguyễn Đức Dân, Trịnh Liễn, Nguyễn Trọng Báu, Nguyễn Văn Tu và sau này là các tác giả Mai Xuân Huy, Nguyễn Hoàng Thanh v.v. Trong các công trình nói trên, tên của đơn vị tắt được gọi bằng các thuật ngữ khác nhau, không nhất quán như: *từ nói tắt, chữ viết tắt, dạng tắt, dạng tắt từ vựng, dạng tắt văn bản, từ tắt, từ rút gọn, tên tắt, tắt tố, định danh tắt tố*. Chúng tôi cho rằng các thuật ngữ trên, xét trên nhiều phương diện khác nhau, đều có những điểm chưa ổn. Do khuôn khổ bài viết, chúng tôi không bình luận vấn đề này ở đây, xin để một dịp khác. Trong bài viết này, chúng tôi xin dùng thuật ngữ *định danh tắt* để chỉ đơn vị của đối tượng đang nghiên cứu.

Vấn đề cấu tạo và phân loại định danh tắt, nhiều nhà nghiên cứu đã đề cập. Tuy nhiên, vấn đề cách viết cách đọc của định danh tắt từ trước đến nay còn ít được quan tâm nghiên cứu, trừ một số bài viết của các tác giả Nguyễn Đức Dân, Trần Ngọc Thêm, trong đó, phải nói rằng, tác giả Nguyễn Đức Dân có những giải pháp chính tả rất cụ thể và thiết thực (xin xem [3]). Bài viết này sẽ đưa ra một số đề nghị và giải pháp cho cách viết, cách đọc định danh tắt và một số gợi ý cho việc đặt tên tắt các cơ quan, tổ chức trong tiếng Việt.

2. Nhìn chung, vấn đề chính tả và cách đọc của định danh tắt trong tiếng Việt chưa thống nhất, có vẻ lộn xộn. Về mặt chính tả, chẳng hạn, để chỉ "Việt Nam" mà trong các tên tắt có tới 5 ký hiệu tắt: V (VOSA, VOSCO), VI (VIRES), VIN (VINEXAD), VINA (DIHAVINA, COVINA, VINASHIP, VINATABA v.v....), VIET (VIETRONIC VIETCOMBANK, VIETSOVPETRO, BAOVIET v.v...) VIETNAM (VIETNAM TOURIST). Điều này các tác giả đi trước (Nguyễn Đức Dân, Trịnh Liễn) cũng đã chỉ ra. Về mặt cách đọc các định danh tắt cũng vậy, có khi cùng một tên tắt mà mỗi người đọc theo một kiểu khác nhau. Chẳng hạn, XUNHASABA có người đọc là: XU - NHA - SA-BA, song người khác lại đọc là: XUN - HA - SA - BA hoặc MINEXPORT cũng có

hai biến thể đọc là MI - NE - XPOT và MI - NI-XPOT, tùy nhận thức, cách xử lý hoặc trình độ ngoại ngữ cụ thể của từng người.

Theo chúng tôi, tình hình trên không mấy khó hiểu, vì mấy lẽ sau đây:

- Thứ nhất, về cấu tạo, hầu hết các định danh tắt đã nêu trên không có trường hợp nào sai về nguyên tắc cấu tạo (trừ VINEXAD và HANEL có vấn đề cần bàn lại).

- Thứ hai, nếu không có sự nhất quán về ký hiệu của định danh tắt nào đó thì đó không phải là sai sót, lộn xộn mà là sự đa dạng, phong phú của các ký hiệu tắt. Vấn đề là ở chỗ, phải xác định được quy luật, quy tắc của hệ thống ký hiệu và mục đích, quan niệm thẩm mỹ của từng người đặt trên, với từng tên tắt cụ thể. Chẳng hạn, định danh tắt của "Tổng công ty XNK tạp phẩm" là TOCONTAP chứ không phải là TONCONTAP hay TOCOTAP, trong khi đó, TOCOVA lại là tên tắt của "Tổng công ty XNK văn hoá phẩm". Tương tự, "Tổng công ty XNK sách báo" không phải là TOCOSABA hay TOCONSACH mà là XUNHASABA.

- Thứ ba, quan trọng hơn cả là cho đến nay chưa có một qui tắc chuẩn về chính tả và cách đọc của các định danh tắt trong tiếng Việt. Hơn nữa định danh tắt trong tiếng Việt có số lượng không nhiều và nói chung mới phát triển trong những năm gần đây. Có lẽ, đã đến lúc phải có những quy tắc chuẩn về cách viết và cách đọc các định danh tắt nói chung để đáp ứng nhu cầu của thông tin đại chúng hôm nay.

3. Nói đến vấn đề chính tả và cách đọc của định danh tắt trong tiếng Việt, tức là nói đến vấn đề cấu tạo, quy tắc viết và đọc chúng. Phần cụ thể và chi tiết của vấn đề xây dựng định danh tắt nói chung, chúng tôi dành cho phần kết luận. Ở đây, chúng tôi chỉ muốn trình bày một số quy tắc cơ bản về cách viết, và cách đọc định danh tắt.

### 3.1. Về hệ thống ký hiệu

Các chữ cái tiếng Việt cần phải thống nhất một số điểm sau:

a) Duy trì các tổ hợp con chữ để ghi một phụ âm tiếng Việt: *ch, ng, nh, gh, kh, th, tr* cho các định danh tắt được xây dựng từ các định danh đầy đủ thuần Việt (chủ yếu là các tên tắt) và một số định danh tắt từ tiếng nước ngoài (như *mích, tré-ca*, từ tiếng Nga v.v. Riêng *ph* nên thay bằng *f* để tiết kiệm ký hiệu (FAFIM, HAFUCO, VIFATEXCO).

b) Phân biệt một số cặp kí hiệu chữ cái để ghi cùng một âm như: *k/c, s/x* và hai tổ hợp chữ cái của phụ âm là: *ch/tr*.

c) Thống nhất thay hai ký hiệu chữ cái *d* và *đ* bởi vì trong định danh tắt hai ký hiệu nay không được phân biệt.

Ví dụ: NADIMEX = Công ty XNK Nam Định

DIVUGAHA = Công ty dịch vụ gà Hà Nội

CODITAB = Công ti dịch vụ tàu biển.

Và tất nhiên điều này có thể gây ra sự mơ hồ và giải mã sai các định danh tắt trên. Đề nghị thay:  $d = z$ ,  $\bar{d} = d$ .

Như vậy, nếu theo những đề nghị vừa nêu, các trường hợp trên sẽ được sửa thành NADIMEX, ZIFUGAHA, COZITAB. Việc chuyển đổi các ký hiệu trên cũng có lợi cho việc Việt hoá (chuyển tự) các định danh tắt nước ngoài. Chẳng hạn, các định danh tắt của tiếng Nga

СКДА : Спортивный комитет дружеских связей армий

ЗАЭР : Запасный аэродром

nếu chuyển tự sang tiếng Việt phải là SKDA và ZAER (chứ không là DAER) thì mới hợp lí.

d) Dùng song song các ký hiệu  $gi$  và  $j$ , trong các định danh tắt Việt tạo và các định danh tắt tiếng nước ngoài. Điều này trước hết cần thiết cho các định danh tắt tạo từ các định danh thuần Việt: với các định danh tắt xây dựng kiểu ghép âm tiết nên dùng ký hiệu  $gi$ . Chẳng hạn: với định danh tắt COGIDO người đọc sẽ dễ dàng liên hệ với định danh đầy đủ "Công ty giấy Đồng Nai" hơn là COJIDO. Cũng với tên này, nếu xây dựng kiểu ghép chữ đầu, ta sẽ có định danh tắt là CJD chứ không là CGID, vì nếu dùng ký hiệu  $gi$ , trong định danh tắt kiểu này sẽ không tiết kiệm ký hiệu, hơn nữa, làm người đọc khó liên hệ với tên đầy đủ. Với những định danh tắt kiểu chữ cái xây dựng từ tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài thì rõ ràng người ta chỉ có thể dùng  $j$  chứ không thể dùng  $gi$  trong kết cấu (vì trong bảng chữ cái tiếng Anh không có chữ  $gi$ ).

e) Trong của định danh tắt, chỉ được dùng bốn ký hiệu nguyên âm  $a, o, u, e$  chứ không được duy trì các nguyên âm của tiếng Việt ( $a$  thay  $a, ă, â$ ;  $o$  thay  $o, ô, ơ$ ;  $u$  thay  $u, ư$ ;  $e$  thay  $e, ê$ ) để đảm bảo tính quốc tế của nó trong giao dịch đối ngoại. Ví dụ: COGIDO, HAFUCO, COVAFA v.v...

### 3.2. Về mặt chính tả :

3.2.1. Như đã trình bày ở phần trên, chúng tôi quan niệm rằng đoạn cắt âm tiết như là một từ căn để tạo ra những định danh tắt mới. Đoạn cắt này có thể có hoặc không có dấu chấm.

Xét cụ thể trong tiếng Việt, chúng tôi đề nghị một số điểm thống nhất về cách viết các định danh tắt như sau:

a. Với các định danh tắt của các định danh khái niệm thông thường - loại này thường là từ - thống nhất ghi bằng chữ thường, không viết hoa, không có dấu chấm. Loại này vẫn dùng các chữ cái của tiếng Việt:

- Kiểu lược vẫn chỉ giữ phụ âm đầu (của từ đơn) như:  $ph$  (phần),  $tr$  (trang),  $x$  (xem),  $d$  (danh từ),  $\bar{d}$  (đại từ) v.v...

- Kiểu ghép chữ đầu hoặc hỗn hợp (của từ ghép) như: *chm* (chuyên môn), *id* (ít dùng), *cd* (ca dao), *kc* (kiểu cách), *sđđ* (sách đã dẫn, *trtr* (trang trọng), *đđ* (động từ), *thgt* (thông tục), *cty* (công ty), *kgửi* (kính gửi) v.v...

- Kiểu đoạn cắt của từ, nếu có, cũng phải viết bằng chữ thường, nhưng có dấu chấm để phân biệt kiểu viết tắt này với các kiểu còn lại (nếu không sẽ gây mơ hồ, dễ làm người đọc hiểu sang chữ khác). Chẳng hạn: *phư.* (phương ngôn), *chuy.* (chuyên môn), v.v. Đây là loại *duy nhất* chúng tôi đề nghị dùng dấu chấm trong kết cấu.

Nếu là đoạn cắt tên riêng, có thể viết hoa tất cả các con chữ trong định danh tắt hoặc chỉ viết hoa con chữ đầu tiên. Chẳng hạn:

- Hà Nội = HA hoặc Ha
- Hải Phòng = HAI hoặc Hai
- Nam Định = NA hoặc Na.

b. Với các định danh tắt của các định danh đầy đủ là tên cơ quan, tổ chức, tên địa phương, tên người v.v. thường được gọi là tên tắt - loại này thường là cụm từ, tuy từng kiểu định danh tắt mà có những cách viết khác nhau:

- Kiểu ghép chữ cái đầu: Viết hoa các chữ cái đầu của các thành tố trong định danh đầy đủ, nếu các chữ đó là tổ hợp con chữ ghi phụ âm thì viết hoa con chữ đầu. Ví dụ:

*TTKHXH&NVQG* = Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia.

- VNNH* = Viện Ngôn ngữ học.
- NgD* = Nguyễn Du (không viết ND hay NGD)
- NgTr* = Nguyễn Trãi (không viết NT hay NGTR)
- NhD* = Nhân Dân (không viết: ND hoặc NHD)
- ThH* = Thanh Hoá (không viết: TH hoặc THH)
- ThB* = Thái Bình. (không viết: TB hoặc THB)
- v.v....

Rõ ràng là cách viết trên làm người đọc dễ liên hệ với tên đầy đủ hơn là cách viết cũ. So sánh:

- NhD* với *ND* hoặc *NHD* để chỉ tên đầy đủ *NHÂN DÂN*
- NgTr* với *NT* hoặc *NGTR* để chỉ tên đầy đủ *Nguyễn trãi*
- ThB* với *TB* hoặc *THB* để chỉ tên đầy đủ *Thái Bình*

- *Kiểu ghép âm tiết hoặc hỗn hợp*: Viết hoa tất cả các ký hiệu hoặc chỉ viết hoa các chữ cái đầu của đoạn cắt âm tiết và các chữ cái đầu của các thành tố (từ, cụm từ) trong định danh đầy đủ. Chẳng hạn:

"*Tổng công ty XNK sách báo*" có thể viết tắt là *XUNHASABA* hoặc *XuNhaSaBa*.

"*Tổng công ty XNK tạp phẩm*" có thể viết tắt là *Tocontap* hoặc *ToConTap*.

*Công ty lương thực Sài Gòn* = *COLUSA* hoặc *CoLuSa*.

*Hà Nội Building Bank* = *Habubank* hoặc *HaBuBank*.

*VietNam Register of Shipping* = *VIRES* hoặc *ViReS*.

### **3.3. Về cách đọc:**

Đề nghị cách đọc định danh tắt như sau:

- *Đọc theo tên đầy đủ* các định danh tắt chữ đầu:

*UBNKHXHVN* = Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam

*KH&ĐS* = Khoa học và đời sống

*HTX* = Hợp tác xã v.v.

- *Đọc theo chữ cái* các định danh tắt kiểu ghép chữ cái đầu đã được dùng phổ biến như một từ trong vốn từ toàn dân. Ví dụ: *CKC* = kê - ca - kê

*VKT* = vê - ca - tê.

*VTV* = vê - tê - vê.

- *Đọc theo âm tiết* các định danh tắt kiểu ghép âm tiết hoặc định danh tắt chữ cái đầu, nhưng tạo thành âm tiết. Ví dụ: *TOCONTAP*, *XUNHASABA*, *FAHASA*, *DIHAVINA*, *VAC*, *SYM*, *UNTAC*, *UNIDO*, *UNICEF*, *VIP* v.v.

4. Qua việc khảo sát, nghiên cứu kỹ về định danh tắt trong tiếng Việt trên các bình diện cấu trúc hình thái, ngữ nghĩa, cách viết và cách đọc của chúng, cuối cùng chúng tôi xin đề xuất một số **nguyên tắc cơ bản để xây dựng định danh tắt trong tiếng Việt** như sau:

#### **4.1. Nguyên tắc hình thức:**

##### **a) Nguyên tắc cắt âm tiết:**

Trên thực tế tiếng Việt, chúng tôi đề nghị những nguyên tắc tạo đoạn cắt âm tiết của một định danh như sau:

\* Với các định danh là các từ đơn, đoạn cắt âm tiết hay là cái đại diện cho chúng là âm tiết nhỏ hơn tiếng (từ đơn).

\* Với các định danh là từ ghép, đoạn cắt âm tiết có thể được cắt từ thành tố đầu hoặc là cả hai. Nguyên tắc ở đây là luôn luôn tạo thành âm tiết và nếu

lấy hai thành tố phải luôn ngắn hơn hai từ đơn, nếu lấy một thành tố thì dài nhất là tiếng (từ đơn). Ví dụ:

### HAI PHONG

- Nếu lấy một đoạn cắt từ một thành tố đầu là HA, nhiều nhất là HAI.
- Nếu lấy hai đoạn cắt từ hai thành tố có thể là HAFO hoặc HAFON.

Tương tự:

### NAM ĐÌNH

- Nếu lấy một đoạn cắt đại diện là NA hoặc NAM.
- Nếu lấy 2 đoạn cắt đại diện là NADI hoặc NADIN.

Lưu ý rằng, với định danh là *từ ghép*, nhất là *tên riêng*, hai đoạn cắt phải tương đương về cấp độ từ pháp, không nên một thành tố là âm tiết (nhỏ hơn từ) còn thành tố kia là từ. Chẳng hạn HAI PHONG không nên có dạng định danh tắt là HAIFO hoặc HAIFON. Một điểm nữa là phải áp dụng nhất quán một kiểu cấu tạo: ghép âm tiết hoặc ghép chữ đầu (nếu có thể tạo âm tiết), chứ không nên kết hợp 2 kiểu này để tạo ra *tắt tố* hay *cái đại diện* của định danh đầy đủ. Trên quan điểm này, VIETNAM chỉ nên có các "đại diện" VI, VIET, hoặc VINA chứ không nên có đoạn cắt VIN (như trong định danh tắt VINEXAD). Tương tự, HANOI chỉ nên có các đoạn cắt đại diện là HA, HANO, chứ không nên có "đại diện" là HAN hoặc HAO. Như vậy, rõ ràng phải xem lại cấu tạo của các VINEXAD, MIKATEX, v.v... Chúng tôi cho rằng ở MIKATEX có lỗi về nguyên tắc cấu tạo, khi MIK đại diện cho tên riêng "Minh Khai".

#### b) Nguyên tắc giảm thiểu mơ hồ:

Điều cần lưu ý nữa là, đoạn cắt phải phù hợp với tiếng Việt, tránh gây mơ hồ, hiểu lầm khi giải mã. Chẳng hạn không nên lấy đoạn cắt VIE làm đại diện cho từ "Việt Nam", vì dễ làm người đọc lầm tưởng đây là một định danh tắt kiểu ghép chữ đầu của một định danh đầy đủ khác.

#### c) Nguyên tắc vừa chặt chẽ về cấu tạo, vừa phong phú, đa dạng về kết cấu:

Theo nguyên tắc cấu tạo đoạn cắt âm tiết trên, chúng tôi đề nghị một số mẫu sau:

Nhà máy	ghi là	NHA
Xí nghiệp	→	XI
Công ty	→	CO, CON, CONG, COTI.
Tổng công ty	→	TO, TON, TONG, TOCOTOCON, TOCOTI
Liên hiệp xí nghiệp	→	LI, LIEN, LIHI, LIXI.

<i>Việt Nam</i>	→	VI, VIET, VINA
<i>Hà Nội</i>	→	HA, HANO
<i>Hải phòng</i>	→	HAI, HAFO, HAFON
v.v...		

d) Các định danh thông thường chỉ chức năng trong định danh tắt nên dùng tiếng Anh với các đoạn cắt chuẩn quốc tế (trong các từ điển) như:

<i>El, Elec</i>	=	Electric, Electronic	Điện, điện tử.
<i>Auto</i>	=	Automatic	Tự động
<i>Int</i>	=	International	Quốc tế
<i>SEA</i>	=	South - East Asia	Đông Nam Á.
v.v...			

Những đoạn cắt âm tiết đã quen với người Việt, nên để:

<i>IMEX</i>	Import	-	Eport	Xuất nhập khẩu.
<i>EXIM</i>	Export	-	Import	Xuất nhập khẩu.

Không nên dùng một vế EX, EXPORT, IM, IMPORT để chỉ nghĩa xuất nhập khẩu vì nó không nói được hết ý nghĩa chức năng của cơ quan.

Các định danh tắt tiếng Việt ở vị trí này, có thể dùng:

<i>ZI, ZICH, ZIVU</i>	cho "dịch vụ"
<i>SA, SAN, SAXU</i>	cho "sản xuất"
<i>KI, KIN, KINH</i>	cho "kinh doanh" v.v...

e) Trên chính thể, định danh tắt có thể gồm các ký hiệu đại diện của các thành tố cơ bản (liên tiếp hoặc cách quãng), có thể gồm cả từ đầy đủ để tên tắt dễ nhận diện hơn. Có thể lấy cả đại diện của các thành tố phụ vào cấu trúc định danh tắt. Chẳng hạn:

"Công ty dịch vụ tàu biển" có thể là COTIZIVUTABI hoặc COZITA.

"Công ty điện tử Hà Nội" có thể là HANOEL, HANOIELEC, HAEL, HAELEC, HANOIELECTRIC v.v...

g. Phải chú ý đến trật tự sắp xếp nguyên âm, phụ âm, đoạn cắt sao cho âm thanh hài hoà, êm tai, hấp dẫn.

Về nguyên tắc, khi các đoạn cắt trùng chữ có thể bỏ một, song không phải lúc nào cũng bỏ được, một khi điều đó gây khó khăn cho việc đọc. Ví dụ, VIETRONIC thuộc trường hợp này, khó đọc (việt - rô - ních), nên thay bằng VIETTRONIC (việt - tơ - rô - ních), vừa dễ đọc, vừa dễ liên tưởng tới tên đầy đủ hơn.

## 4.2. Nguyên tắc nội dung:

a) Phải giữ được mối liên hệ ngữ nghĩa tương đối với định danh đầy đủ. Trong tên tắt, chú ý đưa vào các thành tố chỉ chức năng, sản phẩm. Tức là, phải xây dựng định danh tắt sao cho người đọc, người nghe có thể đoán hiểu được đây là cơ quan gì, làm ra hay buôn bán cái gì.

b) Dễ tái lập dạng gốc đầy đủ của nó.

c) Tên tắt mới phải có văn hoá, tránh các tên gọi tục hoặc dung tục.

## 5. Về nguồn cho định danh tắt

Trong tiếng Việt, chúng tôi đề nghị nên đặt tên tắt cho các đối tượng sau đây:

a) Tất cả tên cơ quan, tổ chức, nhà máy, trường học báo chí, các tổ chức quốc tế.

b) Tất cả các địa danh trong nước (tên tỉnh, thành phố, sông, hồ lớn, danh lam thắng cảnh....).

c) Tất cả các danh từ, danh ngữ khái niệm thông thường có tần số xuất hiện cao trong giao tiếp. Ví dụ: "giờ làm việc", "giờ nghỉ", "giờ cao điểm", "khoán sản phẩm", "bệnh viện", "trường học", "viện nghiên cứu" v.v...

d) Các thuật ngữ chuyên ngành.

e) Các hư từ có tần số cao như: "và", "với", "hoặc", "cũng" v.v...

## 6. Kết luận:

Trên đây, chúng tôi đã phân tích và đề xuất một số nguyên tắc về ký hiệu, cách viết, cách đọc và các nguyên tắc xây dựng các định danh tắt mới cụ thể trong tiếng Việt. Những đề xuất này có thể còn chưa đầy đủ nhưng là những ý tưởng thiết thực của người viết nhằm xây dựng một bộ quy tắc về cách viết cách đọc và cách đặt mới các định danh tắt, đặc biệt là các tên tắt của cơ quan, tổ chức trong tiếng Việt hiện nay. Đó là những vấn đề hết sức bức xúc của xã hội đang cần giải quyết.

Trong tương lai, chúng ta nên phát triển các định danh tắt kiểu chữ đầu, với phạm vi sử dụng trên văn bản. Loại này rất tiện cho việc trao đổi thông tin qua kênh viết, có thể sẽ trở thành loại định danh tắt có số lượng lớn hơn cả. Bên cạnh đó, theo chúng tôi dự đoán, rồi đây các tên tắt có cấu tạo kiểu âm tiết và hỗn hợp cũng sẽ phát triển thành những tên riêng làm phong phú thêm cho vốn từ tiếng Việt và tham gia tích cực vào quá trình giao tiếp trong xã hội hiện đại.



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Kim Thản - *Vấn đề nói tắt trong tiếng Việt*, Nghiên cứu ngôn ngữ học, Nxb HKXH H.1968.
2. Võ Huỳnh Mai - *Về hiện tượng nói tắt trong tiếng Việt*, Đại Đoàn Kết, số 37/1976.
3. Nguyễn Đức Dân - *Hệ thống tên tắt trong các ngành kinh tế*, Ngôn Ngữ, số 3/1978.
4. Nguyễn Đức Dân - *Về các từ tắt*, Kiến Thức Ngày Nay, số 5/1991.
5. Trịnh Liễn - *Vài nhận xét về các bảng tên, bảng hiệu ở miền Nam trước ngày giải phóng*, Ngôn Ngữ, số 3/1978.
6. Trần Ngọc Thêm - *Về các từ tắt*, Báo Nhân Dân, ngày 6/2/1977.
7. Trần Ngọc Thêm - *Thử phân loại các từ tắt, chữ tắt trong tiếng Việt*, Thông tin khoa học ĐHTH, số 10 - 11/1979 (chuyên san ngôn ngữ học).
8. Trần Ngọc Thêm - *Bước đầu nghiên cứu hiện tượng viết tắt, nói tắt trong tiếng Việt*, Một số vấn đề Ngôn ngữ học ở Việt Nam, Nxb ĐHVTHCN, H. 1981.
9. Trần Ngọc Thêm - *Tìm hiểu các quy tắc cấu tạo tắt tổ tiếng Việt*, Những vấn đề Ngôn ngữ học, ĐHTHVN, 1981.
10. Trần Ngọc Thêm - *Tìm hiểu các từ tắt có nguồn gốc vay mượn trong tiếng Việt*, Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt về mặt từ ngữ, Nxb KHXH, H. 1981.
11. Nguyễn Trọng Báu - *Dạng tắt từ vựng như là một phương thức cấu tạo từ vựng mới*, Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt về mặt từ ngữ, Nxb KHXH, H. 1981.
12. Nguyễn Kim Thản, Nguyễn Văn Tu, Nguyễn Trọng Báu - *Tiếng Việt trên đường phát triển*, Nxb KHXH, H. 1982.
13. Nguyễn Tất Thành - *Về những từ viết tắt trong tiếng Anh hiện đại*, Nội san Sư phạm ngoại ngữ, số 3/1977.
14. Như Ý - Mai Xuân Huy - *Sách tra cứu chữ viết tắt nước ngoài và Việt Nam*, Nxb KHXH, H. 1990.
15. Mai Xuân Huy - Nguyễn Hoài - *Đặc điểm hình thái và ngữ nghĩa các tên tắt cơ quan XNK Việt Nam*, Ngôn Ngữ, số 3/1990.
16. Mai Xuân Huy - *Về tên tắt các cơ quan, tổ chức không XNK Việt Nam*, Báo cáo HNKH Viện Ngôn ngữ học, 1992

17. Nhu Ý - Mai Xuân Huy và các tác giả khác - *Tên viết tắt các tổ chức kinh tế - xã hội Việt Nam*; Nxb VHNT, H. 1994.
18. Nguyễn Hoàng Thanh - *Bước đầu khảo sát con đường hình thành, cấu tạo và sự hành chức của các chữ viết tắt trong tiếng Việt*, Tóm tắt luận án PTS; H. 1996.
19. Nguyễn Tài Cẩn - *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb ĐHVTHCN, H. 1977.
20. Nguyễn Văn Tu - *Từ và vốn từ tiếng Việt*, Nxb ĐHVTHCN, H. 1977.
21. UBKHXHVN, *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb KHXH, H. 1981.
22. L.A. Klivanova. *Abbreviaturur - Orfografija i Morfologija*; Russkii Jazuk za Rubezom, 5/1987.
23. *Xlovar Xokratsenija Ruxkovo Jazuka*. Izd. "Ruxkii Jazuk" M. 1984.
24. X.I. Vinogradov. *Abbreviaturur kak Variantur Oboznacherija v Ruxkom Literaturnom Yazuke 20 - Nachala 30 Godov* (Literaturnaja Norma I Variantnoxchi, Izd. "Nauka", M. 1981).
25. *Webster New Dictionary* - Promotional Sales Books 1994.
26. *Oxford Dictionary of Abbreviations* - OUP 1994.

# SỬ DỤNG DẠNG TẮT TRÊN BÁO CHÍ TIẾNG VIỆT HIỆN NAY

NGUYỄN NGỌC TRÂM

(PGS.TS, Viện Ngôn ngữ học)

## 1. Vấn đề

Sự phát triển từ vựng ngôn ngữ thường được chú ý trước hết ở sự gia tăng một số lượng lớn đơn vị từ ngữ theo những xu hướng tích cực, phù hợp với giai đoạn mới. Bên cạnh đó, dù ở những mức độ khác nhau, từ vựng ngôn ngữ còn vận dụng những phương thức mới hoặc phát triển những phương thức cũ nhằm hoàn thiện các chức năng cơ bản của mình, - chức năng giao tiếp và chức năng tư duy. Bài viết này đi sâu vào một phương thức đang phát triển mạnh trong tiếng Việt – phương thức tắt.

Nói tắt và viết tắt là hiện tượng phổ biến diễn ra trong mọi ngôn ngữ trên thế giới. Nó phản ánh quy luật tiết kiệm của ngôn ngữ, khi người nói muốn truyền đạt lượng thông tin lớn, cô đọng dưới hình thức ngữ âm hoặc văn tự ngắn gọn. Vì ngắn gọn nên dạng tắt, đặc biệt là viết tắt cần phải tuyệt đối đúng, chính xác.

Trong xã hội hiện đại, khoa học kỹ thuật phát triển mạnh mẽ, sự giao lưu và hội nhập quốc tế ngày càng mở rộng, nhu cầu truyền đạt và thu nhận thông tin tăng lên gấp bội. Trước tình hình đó, dạng tắt là một xu thế chung trên thế giới. Và trong tiếng Việt cũng sớm hình thành và phát triển những phương thức viết tắt, nói tắt theo những nguyên tắc và đặc thù của tiếng Việt, chữ Việt. Để khảo sát tình hình sử dụng dạng tắt trong tiếng Việt, chúng tôi đã khai thác kết quả thống kê tư liệu viết tắt trên báo chí của nhóm tham gia đề tài "*Hiện tượng nói tắt và viết tắt trong tiếng Việt.*"

---

\* Công trình cấp bộ do Hội Ngôn ngữ học VN chủ trì, chủ nhiệm đề tài: GS TSKH Nguyễn Quang Hồng. Chúng tôi xin cảm ơn Công trình và đặc biệt cảm ơn anh Vũ Xuân Lương, Trung tâm Từ điển học, đã cung cấp thêm cho chúng tôi một số tính toán trên máy tính.

Trong bài này *dạng tắt* là tên gọi để chỉ phương thức viết tắt trong ngôn ngữ, phân biệt với *từ tắt* hay *tắt từ vựng* là phương thức nói tắt (như, chề Thái ≈ chề Thái Nguyên, công nông ≈ công nhân và nông dân).

## 2. Điều tra tư liệu

### 2.1. Tư liệu thống kê

- văn bản sử dụng để thống kê tư liệu là 10 tờ báo tương đối phổ biến trong cả nước, đại diện cho các lĩnh vực khác nhau, gồm: *Nhân dân (ND)*, *Sài Gòn giải phóng (SGGP)*, *Lao động (LD)*, *Hà Nội mới (HNM)*, *Quân đội nhân dân (QĐND)*, *Tin tức (TT)*, *Thể thao & Văn hoá (TTVH)*, *Văn nghệ (VN)*, *Tiền phong chủ nhật (TPCN)*, *Hoa học trò (HHT)*.

- các số báo để chọn tư liệu đều phát hành trong tháng 12 năm 2001.

- do hạn hẹp thời gian, mỗi tờ báo chỉ chọn thống kê trung bình 5 - 10 số báo.

- yêu cầu thống kê: mỗi phiếu điều tra ghi một đơn vị viết tắt trong một bài viết cụ thể, kèm theo tần số xuất hiện của đơn vị viết tắt đó (cùng với những thông tin về xuất xứ: thời gian, địa điểm, tác giả, tác phẩm,...).

### 2.2. Kết quả thống kê:

Thứ tự	Tên báo	Số báo	Số trang báo	Số phiếu	Số phiếu / 1 tr. báo
1	<i>Nhân dân</i>	10 số	80 tr. lớn (42x58)	1072 p	13,4p/tr
2	<i>Sài Gòn giải phóng</i>	11	88 tr. lớn (42x58)	1380	15,7p/tr
3	<i>Lao động</i>	10	80 tr. lớn (42x58)	2334	29,2p/tr
4	<i>Hà Nội mới</i>	10	40 tr. lớn (42x58)	826	20,6p/tr
5	<i>Quân đội nhân dân</i>	10	40 tr. lớn (42x58)	431	10,8p/tr
6	<i>Tin tức</i>	12	48 tr. lớn (96tr. vừa 29x42)	712	14,8p/tr
7	<i>Thể thao &amp; Văn hoá</i>	8	80 tr. lớn (320tr. nhỏ 21x29)	3062	38,3p/tr
8	<i>Văn nghệ</i>	5	60 tr. lớn (120tr. vừa 29x42)	122	2p/tr.
9	<i>Tiền phong chủ nhật</i>	5	40 tr. lớn (80 tr. vừa)	431	10,8p/tr

			29x42)		
10	Hoa học trò	5	38 tr. lớn (260tr. nhỏ 14.5x24.5)	824	21,7p/tr
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>86 số</b>	<b>594 tr. lớn</b>	<b>11194p</b>	trung bình <b>18,8p/tr</b>

Như vậy, với 86 số báo, khoảng 600 trang báo lớn (khổ 42x58), đã cung cấp 11.194 phiếu chữ tắt, mỗi trang trung bình có 18,8 chữ viết tắt. Số phiếu chữ tắt này phản ánh cách dùng của 1581 dạng tắt hiện nay.

Tần số xuất hiện của 1581 dạng tắt cũng rất xa nhau. Có 901 dạng tắt được dùng với tần số dưới 3, 680 dạng tắt dùng với tần số trên 4, trong đó 52 dạng tắt dùng với tần số trên 100. Tần số sử dụng cao trên 1000 lần là 3 đơn vị *TTXVN* - 49 (nhiều quá không tính tiếp), *HLV* - 1137, *CLB* - 1093; còn tần số sử dụng dạng tắt nước ngoài cao nhất là *MU* - 216, *FIFA* - 179, *EU* - 153.

Đó là những kết quả đo đếm được. Sau đây chúng tôi đi sâu vào những đặc điểm nội dung.

### 3. Nhận xét sơ bộ về sử dụng dạng tắt trên báo chí hiện nay

#### 3.1. Về số lượng dạng tắt

Dạng tắt xuất hiện trên báo chí gần đây, cũng như trên các văn bản khác nói chung, có số lượng gia tăng đáng kể, trung bình 1tr báo (khổ 42x58) có từ 2 – 38 đơn vị viết tắt. Nhưng sự gia tăng dạng tắt là không đồng đều.

Trong 10 tờ báo được khảo sát thì *Thể thao văn hoá* dùng dạng tắt nhiều nhất 38.3p/tr., còn báo *Văn nghệ* ít dùng dạng tắt nhất 2p/tr. Báo *Lao động* dùng dạng tắt nhiều nhất trong số các tờ báo ngày (29.2p/tr), còn trong số các tờ báo tuần thì *Hoa học trò* lại dùng dạng tắt nhiều hơn cả (21.7p/tr). Sự khác biệt này có thể do truyền thống của từng tờ báo, do chủ trương của Ban biên tập, thậm chí do quan điểm của Tổng biên tập,... Song chúng tôi muốn lí giải chúng bằng những lí do chung hơn.

Thứ nhất, lí do về đặc điểm phong cách chức năng của ngôn ngữ trong từng tờ báo. Báo *Văn nghệ*, hay nói chung những văn bản văn học - nghệ thuật với lối tư duy hình tượng thì đặc điểm về hình thức của từ ngữ là vô cùng quan trọng. Với phong cách văn chương, “nhà văn sử dụng ngôn ngữ với mục đích mỹ học (như hoạ sĩ dùng màu, nhạc sĩ dùng âm thanh)” [C. Bally, dẫn theo Đào Thản 1988, tr. 11]. Về từ ngữ, họ khéo léo vận dụng lớp từ tượng thanh, từ gọi tả, từ láy, chọn lựa những từ đồng nghĩa, trái nghĩa, từ khẩu ngữ, từ địa phương,... Về cấu trúc, là các phương tiện đảo trật tự âm

tiết, hình thức đối, lập, hình thức chuyển đổi nhịp điệu, khuôn vắn, v.v. Rõ ràng, để thực hiện chức năng thẩm mỹ, từ ngữ của ngôn ngữ văn chương cần được chất lọc và khai thác kĩ lưỡng, phải mang “tính tạo hình, tính truyền cảm và tính cá thể hoá” [x. Đào Thanh 1988, tr. 13]. Ở đây không có hiện tượng viết tắt. Viết tắt sẽ làm mất đi âm thanh, nhạc điệu, hình ảnh của ngôn từ, “cái thân” của ngôn ngữ văn học nghệ thuật. Trước một đơn vị viết tắt, ít nhiều người ta phải dừng lại để giải mã, để ghi nhớ. Thông tin trong đơn vị viết tắt luôn được dồn nén, tích tụ. Tiết kiệm về hình thức mà phong phú về nội dung nên dạng tắt được người ta nhận hiểu và suy luận chứ không phải để cảm thụ. Dạng tắt phù hợp với những lĩnh vực tư duy logic, thiên về hoạt động trí tuệ như phong cách khoa học, phong cách hành chính, và cả phong cách báo chí thuần túy,... Cũng cần nói thêm, vì hết sức cô đọng, nên dạng tắt có yêu cầu tuyệt đối đúng, chính xác, làm tăng thêm tính trí tuệ hoá cho ngôn ngữ. Mười tờ báo chúng ta khảo sát, tất nhiên, đều mang phong cách báo chí, nhưng tờ *VN* chủ yếu mang phong cách văn chương, ít dùng dạng tắt hơn cả (2p/tr); tờ *TTVH* hội tụ của nhiều chuyên môn hẹp: thể thao, âm nhạc, điện ảnh, hội họa, và các hoạt động văn hoá,... số lượng dạng tắt lớn nhất (38,3p/tr). Cũng gần như vậy, tờ *LD* gần đây đề cập và thông tin về nhiều lĩnh vực hoạt động chuyên môn, ngành nghề và chính trị xã hội (29,2p/tr).

Thứ hai, tính chất và đối tượng của từng tờ báo cũng ảnh hưởng tới số lượng dạng tắt. Với những đối tượng trẻ, trình độ văn hoá và ngoại ngữ tương đối cao, ham thích cái mới thì việc tiếp nhận dạng tắt (trong đó có dạng tắt nước ngoài) là dễ dàng và tiết kiệm thời gian. Đó là trường hợp của *TTVH* và *HHT*. Còn dạng tắt sẽ được dùng chừng mực vừa phải hơn, với những tờ báo phục vụ đông đảo tầng lớp bạn đọc, mang tính phổ cập như *QĐND*, *TPCN* và *ND*.

### 3.2. Dạng tắt mượn nước ngoài

Các dạng tắt sử dụng trên báo chí hiện nay được hình thành từ hai nguồn: cấu tạo từ tiếng Việt và vay mượn các dạng tắt nước ngoài.

Trong số 11194 phiếu chữ tắt thu được qua thống kê, có 9275 p chữ tắt tiếng Việt (chiếm 83%), 1919 p chữ tắt tiếng nước ngoài (chiếm 17%). Có nghĩa, trên văn bản, lượt dùng chữ tắt tiếng Việt nhiều gấp 5 lần lượt dùng chữ tắt tiếng nước ngoài.

Nhưng 11194 phiếu chữ tắt (số lượt dùng chữ tắt trong một văn bản xác định) là sự lặp lại của 1581 dạng tắt khác nhau. Trong số 1581 dạng tắt có 1004 đơn vị viết tắt tiếng Việt (chiếm 63,5%), 577 đơn vị viết tắt tiếng nước

ngoài (chiếm 36,5%). Lúc này dạng tắt tiếng nước ngoài chiếm khoảng một nửa dạng tắt tiếng Việt.

Do hạn chế về số lượng và phạm vi thu thập của tư liệu đầu vào, kết quả thống kê trên không khỏi có nhiều khiếm khuyết, còn chưa toàn diện, chưa chính xác. Tuy nhiên trên đại thể, có thể rút ra rằng, *hiện tượng vay mượn dạng tắt đang phát triển mạnh* ở ta trong những năm gần đây. Hiện tượng này là hoàn toàn bình thường và phù hợp với xu hướng thế giới hiện nay là “mượn các thuật ngữ viết tắt có tính quốc tế” [x. Nguyễn Ngọc Trâm 2002] kiểu: *AIDS* (Acquired Immune Deficiency Syndrome: Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải), *ADN* (Acide Désoxyribonuclique: Hợp chất hoá học là thành phần cơ bản của gien), *CD* (Compact Disk: Đĩa nén chặt, khối lượng lưu giữ lớn), *IC* (Integrated Circuit: Mạch tích hợp), *GDP* (Gross Domestic Product: Tổng sản phẩm quốc nội),... Khi nhận xét quá trình vay mượn và tiếp nhận các từ ngữ nước ngoài ở tiếng Hán, tiếng Nga trong thời gian gần đây, *Мяо Юянь* và *Ян Хайюнью* [x. *Мяо Юянь, Ян Хайюнью* 2000] chỉ ra, hai ngôn ngữ cùng có những điểm chung là sử dụng những thuật ngữ viết tắt tiếng Anh như *CD*, *CD-ROM*, *WTO*, *PR*,... mà không cần phiên âm, chú thích, và đều diễn ra quá trình sao phỏng ngữ nghĩa. Song, dạng tắt vay mượn vào tiếng Việt không chỉ có những thuật ngữ viết tắt có tính quốc tế. Các tổ chức chính trị, kinh tế, văn hoá xã hội của quốc tế, quốc gia... đều có những tên tắt chính thức để giao lưu, hội nhập và trao đổi thương mại. Các tên tắt này ngày càng được dùng phổ biến và được các nước trên thế giới sử dụng chung, như *AFP* (Agence - France Press: Cơ quan thông tấn Pháp), *IBM* (International Business Machines: Công ti máy tính quốc tế của Mỹ), *WTO* (World Trade Organization: Tổ chức thương mại thế giới), *MIA* (Missing In Action: Vấn đề người Mĩ mất tích ở Việt Nam), *FIFA* (Fédération Internationale de Football Associations: Liên đoàn Bóng đá Thế giới). Dạng tắt này mang tính chất của tên riêng, mà tên riêng thì không theo nguyên tắc vay mượn và đồng hoá, nó cần được giữ nguyên dạng gốc trong bất cứ ngôn ngữ nào.

### 3.3. Cấu tạo và chức năng của các kiểu tắt

*Dạng tắt* đang dùng trong tiếng Việt có ba kiểu: *con chữ - kí hiệu tắt*, *chữ tắt* và *tên tắt*.

a. *Con chữ - kí hiệu tắt*, như *A* (kí hiệu phân loại, đối lập với *B*, *C*...), *Al* (kí hiệu hoá học của nguyên tố nhôm aluminum), *SOS* (tín hiệu cấp cứu), là dạng tắt đã “mờ nghĩa”, nó thường là những đơn vị mang tính quốc tế, được dùng quen như một tín hiệu trực tiếp. Ở các ví dụ trên, *Al* còn gắn với

aluminum đối với người nói tiếng Anh, nhưng hầu như không ai truy nguyên SOS từ Save Our Souls là "hãy cứu vớt linh hồn chúng tôi", mà chỉ dùng nó như một tín hiệu kêu cứu. Một ví dụ khác, ® chỉ được mọi người nhận ra đó là dấu hiệu hàng hoá đã đăng ký chất lượng, mà không cần biết tới gốc "Registered Trade Mark" của nó. Hoặ, tại sao £ là dạng tắt của pound (bảng) Anh, \$ là dạng tắt của dollar Mỹ, và con đường vòng vèo của OK từ "All Correct" tiếng Mỹ,... đều là những điều thú vị, cần tìm hiểu.

*Con chữ - kí hiệu tắt* không nhiều, nhưng mang tính quốc tế và tính phổ biến ngày càng cao. Chúng tôi chưa tìm ra dạng tắt tiếng Việt kiểu này.

b. *Chữ tắt*, như GS (giáo sư), KTX (kí túc xá), sđd (sách đã dẫn), UBND (ủy ban nhân dân), là dạng tắt đặc thù của tiếng Việt. Nguyên tắc tạo chữ tắt là lấy chữ cái đầu (âm đầu) của các chữ (tiếng, âm tiết) tạo nên từ hay tổ hợp từ, đặt theo trật tự tuyến tính, tức theo từ pháp hoặc cú pháp tiếng Việt. Với cách cấu tạo đơn giản như vậy nên chữ tắt tiếng Việt giai đoạn hiện nay đang gia tăng ô ạt, chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này kĩ hơn ở phần 3.4.

c. *Tên tắt*, như EC (European Community: Cộng đồng châu Âu), AIDS (Acquired Immune Deficiency Syndrome: Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải), IQ (Intelligence Quotient: Chỉ số thông minh), LIXEHA (Liên hiệp xí nghiệp xe đạp - xe máy Hà Nội), VINAMILK ((Công ti) sữa Việt Nam), là dạng tắt mà một (hoặc trên một) chữ cái đại diện cho một từ được ghép lại để gọi tên một khái niệm, một tổ chức...

Với tên tắt nước ngoài (chủ yếu là Anh, Pháp...), thường có cấu tạo chặt chẽ: một chữ cái đại diện một từ, viết chữ in hoa theo trật tự tuyến tính của tên gốc đầy đủ. Do truyền thống viết tắt, tên tắt nước ngoài có tính cố định cao, đặc biệt tiếng Việt chỉ chọn vay mượn những tên tắt cố định, phổ biến. Cho nên ít có tên tắt nước ngoài đồng dạng [hiếm gặp những trường hợp WC (Water-Closet: Nhà vệ sinh) và WC (World Cup: Giải bóng đá vô địch thế giới)] hoặc những dạng tắt nước ngoài lâm thời trên văn bản tiếng Việt.

Tên tắt tiếng Việt gần đây rất phát triển. Đặc biệt trong giao lưu hội nhập về chính trị văn hoá xã hội, trong kinh tế thương mại,... người ta cần đặt cho tổ chức, cơ sở của mình những tên gọi chính thức nhưng ngắn gọn và dễ giao dịch với thế giới, khắc phục những rào cản về ngôn ngữ (như việc đánh dấu thanh, như tính phức tạp trong ranh giới từ của ngôn ngữ đơn lập,...). Sau vài chục năm tên tắt tiếng Việt đã có nhiều thống nhất, trở nên đơn giản và hợp lí hơn. Tên tắt tiếng Việt đang chấp nhận nhiều kiểu cấu tạo:



- tên tắt có cấu tạo gồm các chữ cái phụ âm đầu như cấu tạo của tên tắt nước ngoài: *VTV* (Vietnam Television: Truyền hình Việt Nam), *VNPT* (Vietnam Post and Telecommunication: Bưu chính viễn thông Việt Nam), *VIC* (Vietnam Insurance Company: Tổng công ty bảo hiểm Việt Nam = Bảo Việt), *FPT* (Financing and Promoting Technology: Phát triển và đầu tư công nghệ). Tên tắt kiểu này được các cơ quan, tổ chức lớn... dùng để giao tiếp chính thức với nước ngoài. Trong nước thường dùng tên đầy đủ tương ứng.

- tên tắt có cấu tạo như một từ đa âm tiết để dễ đọc, nhưng theo trật tự nước ngoài: *VINAMILK* (Vietnam Milk: Công ti sữa Việt Nam), *VINATEX* (Vietnam National Textile and Garment Corporation: Tổng công ty dệt - may Việt Nam), *HABECO* (Hanoi Beer Company: Công ti bia Hà Nội).

- tên tắt có cấu tạo thành từ đa âm tiết để dễ đọc, giữ nguyên trật tự tiếng Việt: *TOCONTAP* (Tổng công ti tạp phẩm), *XUNHASABA* (Xuất nhập khẩu sách báo), *DIHAVINA* (Quốc doanh phát hành đĩa hát và nhạc phẩm Việt Nam).

Nhìn chung, các tên tắt đa âm tiết hay được sử dụng hơn tên đầy đủ tương ứng. Đó cũng là mục đích đặt tên tắt sao cho vừa đại diện cho tên đầy đủ, vừa dễ nhớ dễ đọc, lại vừa tiện trong giao tiếp quốc tế. Song nhận xét này không phải tuyệt đối. Có những đơn vị tắt chữ cái phụ âm đầu, như *FPT*, *VAC* (Vườn ao chuồng), *KCS* (Kiểm tra chất lượng sản phẩm), *VTV*,... chủ yếu là dùng tên tắt; ngược lại có những tên tắt đa âm tiết nhưng lại hay dùng tên đầy đủ: *HABECO* (Hanoi Beer Company: Công ti bia Hà Nội), *VINAFOOD* (Central Food Export - Import Corporation: Tổng công ty xuất nhập khẩu Lương thực trung ương (Việt Nam)),... Thành ra trong lĩnh vực tên tắt, thói quen vẫn có vai trò quan trọng.

#### 3.4. Sử dụng dạng tắt trong văn bản

Trên tư liệu thống kê, trong số 11194 phiếu viết tắt thì có 9715 p không kèm tên đầy đủ (chiếm 87%), và 1479 p có chú thích kèm tên đầy đủ (chiếm 13%). Như vậy có phải, 87% phiếu viết tắt thu được là dạng tắt cố định không cần tên đầy đủ giải thích kèm, và 13% còn lại là dạng tắt lâm thời, chỉ dùng trong một văn bản cụ thể? Vấn đề này trên thực tế phức tạp hơn.

Về nguyên tắc, dạng tắt cố định là dạng tắt không cần kèm tên đầy đủ trên văn bản mà người đọc vẫn hiểu dễ dàng, như *AIDS*, *GDP*, *km*, *Cty*, *Nxb*, *BHYT*, v.v. Song khái niệm "hiểu dễ dàng" lại không dễ dàng xác định.

Thứ nhất, nhận hiểu được dạng tắt phụ thuộc vào trình độ của người đọc, người nghe. Với 6 ví dụ trên, có người giải mã ngay được tất cả, có người được 5, 4, 3..., thậm chí có người không nhận ra đơn vị nào.

Thứ hai, tần số sử dụng một dạng tắt trong một giai đoạn nào đó có vai trò quan trọng khiến nó trở nên quen thuộc và cố định hoá trong cộng đồng ngôn ngữ (chẳng hạn các dạng tắt dùng phổ biến hiện nay như *CD, VTV, HTV, NATO, AFTA, KHHGD*,...; hoặc mới dùng quen từ dăm năm gần đây *SV, TCMR* (Tiêm chủng mở rộng),...). Dạng tắt, do vậy, có tính xã hội, không phải là bất biến.

Cuối cùng, khả năng cấu tạo đơn giản, dễ dàng của dạng tắt tiếng Việt tạo ra thói quen “thích viết tắt”, và ranh giới giữa tính cố định / tính lâm thời trở nên khó xác định.

Thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập âm tiết tính, lại sử dụng văn tự Latin, nên bất cứ từ hoặc tổ hợp từ tiếng Việt nào cũng có khả năng viết tắt. Với quy tắc đơn giản, nhanh, tiện và tiết kiệm... nhiều văn bản viết tắt lan tràn, tuy tiện, và chính điều đó đã cản trở hiệu quả giao tiếp và truyền đạt thông tin. Hơn nữa, cách viết tắt tùy tiện làm nảy sinh quá nhiều đơn vị tắt đồng dạng. Ví dụ, *CN* là dạng tắt của 5 đơn vị tiếng Việt: *công nguyên, công nhân, cử nhân, công nghiệp, chủ nhật*. Với 5 trường hợp này thì có 3 trường hợp đầu là trở nên cố định, *CN-công nghiệp* dùng tắt trong những hoàn cảnh hoặc ngữ cảnh rõ ràng, còn *CN-chủ nhật* chỉ có thể là tắt lâm thời. Hiện tượng đồng dạng còn thấy ở nhiều trường hợp khác, như *TS (TS-tiến sĩ, TS-toà soạn, TS-thí sinh, TS-thủy sản)*, *BCH (BCH-ban chấp hành, BCH-ban chỉ huy, BCH-bộ chỉ huy)*, *CS (CS-cảnh sát, CS-cộng sản, CS-cao su)*,...

Điều kiện để cho một dạng tắt trở nên ổn định, không gây khó khăn cho việc tiếp thu văn bản và đóng góp tích cực cho quá trình giao tiếp thường thể hiện ở hai mặt.

Về sử dụng, đó là những đơn vị viết tắt có tần số sử dụng cao trong xã hội, trong văn bản, thường được số đông nhận thức như một từ, như *VAC, KTS, KTX, Nxb, tr., TTXVN*,...

Về ngữ nghĩa, chúng thường biểu thị những phạm trù cơ bản sau:

+ địa danh, nhân danh lớn, phổ biến: *VN, HN, SG, ĐNA, HCM*,...

+ chỉ nghề nghiệp, địa vị, chức danh: *CA, SV, HS, PV, PTV, BS* (bác sĩ), *GS, NSUT, NSND*,...

+ tên các tổ chức chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội: *TAND, VKSTC, XN, CtyTNHH, CLB, PTH, PTCS, LHPNVN*,...

+ tên các hiện tượng và khái niệm cơ bản, phổ biến: *CNXH, KHKT, VHNT, TDTT, KHHGD, SKSS* (Sức khoẻ sinh sản), *PCCC*,...

+ những từ ngữ thông thường, tần số sử dụng cao: *tr., x., TM, KT, nt., đ/c*,...

Qua thực tế, ranh giới giữa dạng tắt cố định và dạng tắt lâm thời trong tiếng Việt là không tuyệt đối. Dạng tắt cố định có số lượng không lớn và ít gắn với ngữ cảnh. Trong cuốn *Từ điển tiếng Việt\**, - cuốn từ điển đầu tiên ở Việt Nam đưa dạng tắt vào bảng từ và giải thích chúng, con số dạng tắt thu thập là 148 đơn vị. Với yêu cầu về tính ổn định chặt chẽ như đơn vị từ điển, thì số lượng dạng tắt cố định mà chúng tôi thống kê được có thể lên tới 600 - 700, tức nhiều gấp 4, 5 lần của *Từ điển tiếng Việt*, song không phải rất nhiều, không phải toàn bộ 1581 đơn vị thống kê được.

Giữa dạng tắt cố định và dạng tắt lâm thời, chúng tôi thấy còn có loại trung gian, gọi là dạng tắt bán cố định. Dạng tắt bán cố định là dạng tắt không độc lập hoàn toàn, nó được nhận ra trong ngữ cảnh hoặc hoàn cảnh xác định. Ở đây cũng có những cấp độ khác nhau. Bán cố định gắn với ngữ cảnh, như *CH* (cộng hoà) trong các ngữ cảnh *CHDC, CHDCND, CH Liên bang Nga, CHXHCN, các nước CH; TNGT* (tai nạn lao động) trong ngữ cảnh "*Vụ TNGT tại Yên Dũng, Bắc Giang (GD & XH, 16/11/2002)*"; hoặc *H.* (Hà Nội), *S.* (Sài Gòn) chỉ xuất hiện trong danh mục tên sách báo, như "*Nguyễn Tài Cẩn, Ngữ pháp tiếng Việt, H., 1975*", trong lúc dạng tắt cố định của nó phải là *HN* (Hà Nội), *SG* (Sài Gòn). Còn bán cố định gắn với hoàn cảnh được hiểu rộng hơn. Có thể là hoàn cảnh do nội dung văn bản xác định, do đặc điểm và tính chất của thể loại văn bản, hoặc do vấn đề mang tính thời sự trong một thời điểm nào đó. Ví dụ, trong báo *Thể thao văn hoá* các dạng tắt như *HLV* (huấn luyện viên), *CK* (chung kết), *HCV* (huy chương vàng), *VĐQG* (vô địch quốc gia),... sẽ được độc giả nhận ra không mấy khó khăn, và với họ *TM* không phải là *thay mặt* mà là *thủ môn*. Hoặc, vào khoảng tháng 9, 10 năm 2002, dạng tắt *NV1, NV2*,... xuất hiện nhiều trên các báo không kèm chú thích, nhưng tiếp xúc với văn bản, người đọc sẽ sớm hiểu ra đó là *nguyên vọng 1, nguyên vọng 2* (trong thi đại học),...

Như vậy, nhìn nhận được những hiện tượng trung gian trong dạng tắt tức là đánh giá được tính đa dạng trong hoạt động của ngôn ngữ. Nếu như dạng tắt cố định và dạng tắt lâm thời mang những đặc tính đối nhau trên hai

---

\* *Từ điển tiếng Việt, Hoàng Phê (chủ biên), H., 1988; tái bản có sửa chữa bổ sung, H., 1992, 1994, 1995, 1996, 1997, 1998, 2000, 2001, 2002.*

cực trong sử dụng, thì giữa chúng còn nhiều mức độ khác cần được ứng xử mềm dẻo và hợp lý. Giải quyết như vậy sẽ tận dụng được tối đa những phương tiện sử dụng ngôn ngữ, phát huy mọi yếu tố tích cực của dạng tắt.

#### 4. Kết luận

Phương thức tắt, đặc biệt là viết tắt, đang phát triển mạnh và phát huy tính tích cực của mình trong tiếng Việt. Bằng phương thức này, với một tổ hợp ngữ âm hoặc văn tự ngắn gọn, tiết kiệm, có thể chuyển tải một lượng thông tin lớn hơn, nhanh hơn gấp bội. Đó cũng là yêu cầu và đặc trưng cơ bản trong nhịp sống và sự phát triển của xã hội hiện đại. Mặt khác, khi lượng thông tin được dồn nén cao thì hình thức biểu hiện của nó cần chính xác tuyệt đối, tức là cả người nói và người nghe cùng phải vận dụng tri thức cao, minh xác, khúc chiết. Và như vậy, phương thức tắt đã góp phần làm cho từ vựng ngôn ngữ mang tính trí tuệ hoá.

Mặc dù còn nhiều hạn chế, nhưng kết quả điều tra thống kê trên đã giúp chúng ta thấy được bức tranh chung về tình hình sử dụng dạng tắt trên báo chí hiện nay. Đó là sự phát triển mạnh mẽ các dạng tắt tiếng Việt, là sự vay mượn tích cực và sử dụng hợp lý các dạng tắt tiếng nước ngoài, là xu hướng cấu tạo dạng tắt ngày càng đơn giản, khoa học và thống nhất.

Dạng tắt nảy sinh trong quá trình sử dụng ngôn ngữ. Điều kiện để xuất hiện một dạng tắt là khi đơn vị nào đó được dùng lặp lại nhiều lần trong văn bản. Và tiếp theo, tùy theo tần số và mức độ sử dụng khác nhau, có những đơn vị trở thành dạng tắt cố định, dạng tắt bán cố định, có những đơn vị chỉ là dạng tắt lâm thời. Có thể sử dụng các loại dạng tắt trên ở những mức độ khác nhau: khi thì dùng tương đối độc lập, khi kèm theo ngữ cảnh, khi kèm theo hoàn cảnh, hay có khi chỉ hạn chế trong một văn bản duy nhất. Nắm được cách sử dụng hợp lý này sẽ tận dụng được tính tích cực của phương thức tắt trong tiếng Việt.

Tuy nhiên, quá trình phát triển của bất kì hiện tượng nào cũng dễ gặp phải, ở mặt này mặt khác, tình trạng thái quá, phiến diện, những trở ngại bên trong và bên ngoài. Hiện tượng viết tắt ở ta cũng đã trải qua những thời kì ô ạt, tràn lan, những xu hướng cầu kì, sính ngoại. Để khắc phục những bất cập trong sử dụng các dạng tắt hiện nay, theo chúng tôi nên có những quy định cụ thể như:

- chỉ những dạng tắt hoàn toàn cố định, không thể gây hiểu lầm, như *TTXVN, TP HCM, UBND, TƯ, Cty,...* mới nên dùng trên bảng, biểu, trên tit các bài viết.

- với dạng tắt lâm thời, cần có chú thích tên đầy đủ ở lần dùng đầu tiên trong một văn bản. Cần tránh các câu “*bảo vệ của Trung tâm KHTLGD (?) do bố tôi là phó giám đốc báo có người của Cty EETC (?) đang...(Báo)*”, mà nên dùng “*nữ Anh hùng Lao động (AHLĐ), Giám đốc nông trường (NT) Sông Hậu Trần Ngọc Sương... (Báo)*”.

- với dạng tắt nước ngoài, cần thường xuyên chú thích tên đầy đủ trừ những trường hợp đã quá quen thuộc như *HIV, AIDS, CD,...* Ví dụ, “*Cơ quan hàng không vũ trụ Mỹ NASA (Truyền hình)*”, “*Việt Nam sẽ bắt đầu thực hiện Chương trình thuế quan ưu đãi thuế có hiệu lực chung (CFT)...(Báo)*”, tránh trường hợp dùng ‘kiểu đánh đố’ “*tăng thuế nhập khẩu linh kiện ô tô CKD (?) (Báo)*”.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đức Dân - *Hệ thống tên tắt trong các ngành kinh tế*, Tc. Ngôn ngữ, s. 3, tr. 49-56/ 1978.
2. Đào Thản - *Từ ngôn ngữ chung đến ngôn ngữ nghệ thuật*, Nxb Khoa học xã hội, H 1988
3. Nguyễn Ngọc Trâm 1997, Một vài nhận xét về cấu trúc vĩ mô của từ điển giải thích tiếng Việt, trong “*Một số vấn đề từ điển học*”, H., Nxb Khoa học xã hội, tr. 26-74.
4. Nguyễn Ngọc Trâm 2002, *Về hai xu hướng trong phát triển từ vựng tiếng Việt*, Tc. Ngôn ngữ, s. 6, tr. 1-11.
5. Мяо Юянь, Ян Хайюнью 2000, Новые заимствования в русском и китайском языках, в “*Китайское языкознание и изолирующие языки*”, М., стр. 102-107.
6. Như Ý, Mai Xuân Huy 1990, *Lời nói đầu của “Sách tra cứu chữ viết tắt nước ngoài và Việt Nam”*, H., Nxb Khoa học xã hội.
7. Phan Mậu Cảnh, Hoàng Trọng Canh 1995, *Dạng tắt và ý nghĩa của nó trong đời sống xã hội*, Kỉ yếu hội nghị khoa học, ĐH Sư phạm Vinh.

# TẮT TỰ GHÉP THƯƠNG HIỆU CỦA TIẾNG VIỆT

DƯƠNG KỲ ĐỨC  
(TS, Hội NNH Việt Nam)

## I. Khái niệm

### 1. "Của tiếng Việt"

Đối tượng khảo sát trong bài này là các thành tạo có "quyền công dân", hay nói đúng hơn, có "ngữ quyền" Việt, do người Việt Nam tạo ra, dù rằng bằng chất liệu và ngữ pháp ngoại lai ("tây"), nhưng tồn tại trong các văn bản Việt Nam và phục vụ trước hết cho người Việt Nam, kiểu như: colusa, fafim, hanel, vinataba... Chúng tôi không xét đến các trường hợp tuy có dùng trong tiếng Việt, nhưng không phải là các thành tạo của tiếng Việt, mà là bắt nguồn từ các tiếng nước ngoài, được sử dụng tùy hứng trong giao tiếp của người Việt Nam, đại loại như: WB, FIFA, Dr., Prof., tel., E.mail, fax... Nói về "quyền công dân", về "ngữ quyền", điều này cũng tương tự như trên đất Việt Nam hiện có nhiều người nước ngoài làm ăn sinh sống, dù có ở lâu bao nhiêu năm, dù có biết tiếng Việt và rất am hiểu phong tục tập quán Việt Nam, họ vẫn không phải là người Việt Nam.

### 2. "Tắt tự"

Loại thành tạo định danh ngôn ngữ mà chúng tôi xét đến trong bài này đã từng được các nhà nghiên cứu của ta gọi bằng nhiều cách khác nhau: *chữ* (chữ tắt, chữ viết tắt), *từ* (từ tắt, từ nói tắt, từ rút gọn), *dạng* (dạng tắt, dạng tắt từ vựng, dạng tắt văn bản), *tên* (tên tắt), *tố* (tắt tố, theo cách hiểu của Trần Ngọc Thêm), *định danh* (định danh tắt tố, định danh tắt)...

Chúng tôi không dùng thuật ngữ "chữ" vì có thể hiểu nhầm là *chữ cái*. Không dùng là "từ" vì loại thành tạo định danh ngôn ngữ đang được bàn ở đây có nhiều nét đặc biệt, không phải là "từ" theo cách hiểu thông thường.

Thuật ngữ "tự" có nội dung trừu tượng, không hẳn là *chữ*, cũng không hẳn là *từ*, mà có thể là cả *chữ*, cả *từ* và cả *cụm từ* hay *ngữ*.

"Tắt tự" ở đây được hiểu là thành tạo từ vựng hoàn chỉnh, độc lập, là dạng rút gọn và dạng thay thế cho từ ngữ gốc đầy đủ.

Có tắt tự đơn và tắt tự ghép.

Tắt tự đơn chỉ có một tắt tố (thành tố tham gia làm nên tắt tự, như: chữ cái, âm tiết, từ đơn...), kiểu như: H., hoặc (mì) Quảng, (xuống) Phòng, (láng) xi (mãng), (cho chai Heine) ken, (một) Líp (tông)...

Tắt tự ghép gồm nhiều tắt tố. Các tắt tố này có thể đồng loại (toàn là chữ cái hoặc toàn là âm tiết...), chẳng hạn: PNJ, SKZ, TOCOVA..., có thể không đồng loại, nghĩa là hỗn hợp của nhiều loại tắt tố (chữ cái, âm tiết, từ đơn...), kiểu như: LiX, Việt Sin, PT FISACO...

## II. Tắt tự ghép thương hiệu của tiếng Việt

### 1. Quan niệm về ghép và cách phân loại của một số tác giả

Trong bảng phân loại các biện pháp rút gọn tín hiệu và các tắt tố ("tắt tố" ở đây được hiểu tương đương như "chữ tắt", "từ tắt", "định danh tắt"... ở các tác giả khác), Trần Ngọc Thêm đã thực hiện phân loại theo nhiều tiêu chí cùng một lúc (theo phạm vi sử dụng, nguồn gốc, thành phần cấu tạo, phương pháp cấu tạo và theo biện pháp rút gọn). Nói riêng, với <c "loại B. Tắt tố từ vựng (từ tắt)" ông đã phân như sau (các số từ 5 đến 12 chỉ loại tắt tố, tức chữ tắt, từ tắt, có kèm minh họa):

#### B. Tắt tố từ vựng (từ tắt)

1. Vay mượn (5: BBC, rađa, tivi...)

2. Tự tạo

a. Theo chữ cái (6: ATK, TTg...)

b. Theo âm tiết (7: TOCOTAP...)

c. Theo tiếng

1. Ghép

a/ Có tiếng chung (8: ba sẵn sàng...)

b/ Không có tiếng chung (9: khoa giáo, thanh vận...)

2. Lược

a/ Lược cuối (10: Bun, Nghệ...)

b/ Lược giữa (11: Việt Minh, Liên Xô...)

c/ Lược đầu (12: Huyện, quốc doanh...)

Như vậy, với Trần Ngọc Thêm, phương pháp cấu tạo "ghép" chỉ áp dụng cho hai loại 8 và 9 (kiểu như "ba sẵn sàng", "khoa giáo", "thanh vận"). Trong khi đó ta dễ dàng nhận thấy phương pháp ghép cũng hiện diện cả ở hai loại 6 và 7 (ATK, TTg..., TOCOTAP...). Theo chúng tôi đó là *ghép chữ cái* và *ghép âm tiết*. Nhưng ở Trần Ngọc Thêm hai loại 6 và 7 không được xếp vào phương pháp này.

Ở Nguyễn Hoàng Thanh, trong số 9 loại chữ tắt đa thành tố thì loại gồm *nhiều chữ cái* (như: TT = tổng thống, UN = United Nations) và loại gồm *chữ cái + từ (hay âm tiết)* (như: A.Oil = Aviation Oil, E.mail = Electronic mail) lại gồm cả những chữ tắt đa thành tố ngoại, tuy có dùng *trong* một số loại văn bản tiếng Việt, nhưng không phải là *của* tiếng Việt.

Mai Xuân Huy chia định danh tắt *trong* tiếng Việt ra làm hai nhóm: định danh tắt đơn thành tố và định danh tắt đa thành tố. Nói riêng, nhóm đa thành tố lại chia thành loại *thuần chủng* và *loại không thuần chủng*. Theo quan niệm của Mai Xuân Huy, có các chủng *sau*: chữ cái, đoạn cắt âm tiết, tiếng, từ, số từ... Chẳng hạn, ATK là định danh tắt đa thành tố *thuần chủng* chữ cái (A, T, K). TOCONTAP là định danh tắt đa thành tố *không thuần chủng*, gồm hai đoạn cắt âm tiết là TO (= Tổng) và CON (= Công) và một tiếng TAP (= tạp phẩm).

Trong cách chia của Mai Xuân Huy có ba điểm đáng chú ý sau đây. Một là, lấy cả các định danh tắt *ngoại* được dùng *trong* văn bản tiếng Việt (mà chưa được Việt hoá) như: Prof. (=professor), Harv. (= Harvard University). Hai là, không tính đến *nguồn gốc ngôn ngữ* của tắt tố khi phân loại (gốc Việt hay gốc ngoại). Ba là không để tâm đến vấn đề *ngữ pháp* trong nội bộ định danh tắt (ngữ pháp "xuôi" hay ngữ pháp "ngược").

## 2. Phân loại tắt tự ghép thương hiệu của tiếng Việt.

Tắt tự ghép thương hiệu (TTGTH) của tiếng Việt, theo cách nhìn nhận của chúng tôi, là các thương hiệu *của* các doanh nghiệp Việt Nam hoặc Việt Nam liên doanh với nước ngoài, do họ *tự đặt ra* dưới hình thức ghép các loại tắt tố (TT) có nguồn gốc từ tiếng Việt hoặc tiếng nước ngoài, theo ngữ pháp (NP) xuôi (Việt) hoặc NP ngược (ngoại), thành những tắt tự (hoàn chỉnh, độc lập) để sử dụng rộng rãi trên thương trường và trong các loại văn bản.

Xét theo *nguồn gốc tắt tố*, TTGTH của tiếng Việt có ba loại: *ghép thuần* (gồm toàn TT của tiếng Việt), *ghép lai* (gồm các TT của tiếng Việt ghép với các TT gốc tiếng nước ngoài) và *ghép ngoại tố* (gồm các TT được tạo ra bằng cách rút gọn tên đầy đủ, diễn đạt bằng phương tiện tiếng nước ngoài, nhưng theo kiểu Việt Nam, tương tự như có nền văn học Việt Nam được sáng tác bằng tiếng nước ngoài).

Xét theo *ngữ pháp*, tức là quy tắc tổ hợp các TT, có NP *xuôi*, theo trật tự bình thường của tiếng Việt (thí dụ: đĩa hát Việt Nam → DIHAVINA), có NP *ngược*, theo trật tự của tiếng nước ngoài, khác với tiếng Việt (thí dụ: Việt Nam sữa → VINAMILK, gỗ sậy công ti → GOSACO).

Dưới đây chúng tôi đi vào từng loại một.

### 1. Ghép thuần

1.1. TT *chữ cái*: SDN (Công ti Sơn Đông Nai)

1.2. TT *âm tiết*: FAHASA (*Phát hành sách*)



1.3. *TT chữ cái + TT âm tiết*: LiOA (Công ti Nhật *Linh*, sản xuất *ôn áp*), LiX (Bột giặt *Linh Xuân*)

1.4. *TT âm tiết + TT từ*: Việt SIN (Công ti thực phẩm *Việt Nam*, kĩ thuật *Singapore*)

## 2. Ghép lại

2.1. *NP Việt, TT Việt + TT ngoại*: INOX LC1 (*inox, Long Cam*), AUSTNAM (*tám lợp liên doanh Australia - Việt Nam*), LIFAN (*Liên hiệp sản xuất FAN = quạt điện*), San hu (Công ti khăn giấy Tam Hữu: Tam → *San*, Hữu → *hu*)

2.2. *NP ngược (ngoại), TT Việt*: VISSAN (Công ti đồ hộp *súc sản Việt Nam*), VINAGIày (*Việt Nam Giày*)

2.3. *NP ngược (ngoại), TT ngoại + TT Việt*

2.3.1. *TT chữ cái*: PNJ (*Phú Nhuận jeweller = vàng bạc Phú Nhuận*), DRC (*Đà Nẵng rubber company = Công ti cao su Đà Nẵng*)

2.3.2. *TT âm tiết*: GOSACO (*Gỗ sậy công ti*), FATACO (*Phát Thành Công ti nhựa melamine*)

2.3.3. *TT chữ cái + TT âm tiết*: PT FISACO (*Phan Thiết fish sauce company = Công ti nước mắm Phan Thiết*), Biti's (*Bình Tiên's = của Công ti giày dép Bình Tiên*)

2.3.4. *TT âm tiết + TT từ*: DOFAN (*Đông Hưng fan = Cơ sở quạt điện Đông Hưng*), VINAMILK (VINA sữa), casafood (*cá sạch thực phẩm*)

2.3.5. *TT chữ cái + TT âm tiết + TT từ*: PINACO (*Pin, ốc quy công ti*)

## 3/ Ghép ngoại tố

3.1. *TT chữ cái*: OPC (*Oriental Pharmacy Company = Công ti đông dược*)

3.2. *TT âm tiết*: WAPRO (*Water proof = không thấm nước = Công ti chống thấm Thiện Chí*)

3.3. *TT chữ cái + TT âm tiết + TT từ*: SEASPIMEX (*sea special products, import, export = Công ti xuất nhập khẩu thủy đặc sản*)

## III. Kết luận

1. Cách phân loại TTGDTH trên là phản ánh hiện trạng có thực trong thương trường nước ta hiện nay. Bức tranh TTGDTH cho ta thấy là trong thời kì đổi mới, các doanh nghiệp chẳng những góp phần đáng kể cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội, mà còn có những tác động bất ngờ cho cả tiếng Việt. Bằng thương hiệu của mình, các doanh nhân đã làm cho mảng tắt tự trong tiếng Việt trở thành *phong phú gấp bội cả về lượng lẫn về chất và sáng tạo ra* nhiều tắt tự rất thú vị về mặt ngôn ngữ học.

2. Một điều nổi bật là các TTGTH có *hình thức nhái ngoại* rất táo bạo, nhưng chẳng những không gây phản cảm ở người tiêu dùng Việt Nam, mà còn được hoan nghênh và nhanh chóng được ghi nhớ, sử dụng rộng rãi. Điều này là một biểu hiện của tâm lí *sùng ngoại* của người Việt mà các nhà văn hoá học thường thống nhất với nhận định như vậy. Các nhà ngôn ngữ học cần ghi nhận các sáng tạo đó và có cách lí giải cho phù hợp với chuẩn ngôn ngữ của tiếng Việt trong thời kì đổi mới toàn diện của đất nước.

3. TTGTH cùng với lôgô là tài sản quý giá và độc đáo của doanh nghiệp. Giả như nó có điều gì chưa thoả đáng về mặt ngôn ngữ học thì cũng không dễ gì thay đổi thương hiệu tất tỵ ghép của họ.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Ngọc Thêm - *Tất tỵ trong tiếng Việt*. Báo cáo tại Hội thảo “Nói tất và viết tất trong tiếng Việt”, Hà Nội, 2002.

2. Nguyễn Hoàng Thanh - *Bước đầu khảo sát con đường hình thành, cấu tạo và sự hành chức của các chữ viết tất trong tiếng Việt*. Luận án phó tiến sĩ ngữ văn, Hà Nội, 1996.

3. Mai Xuân Huy - *Về khái niệm tất tỵ và các kiểu định danh tất trong tiếng Việt*. Báo cáo tại hội thảo “Nói tất và viết tất trong tiếng Việt”, Hà Nội, 2002.

## VỀ CÁCH XỬ LÝ CHỮ VIẾT TẮT TRÊN SÓNG PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH NƯỚC TA HIỆN NAY

DẶNG THANH HOÀ  
(Trung tâm Từ điển học)

Ngày nay, chúng ta không còn băn khoăn gì nữa về tác dụng cũng như tính ưu việt của cách *viết tắt* và *nói tắt* trong cuộc sống. Chính vì thế mà có người đã ví von *viết tắt* và *nói tắt* như là một thứ sản phẩm ngôn ngữ thông thái nhất của con người thời kì hiện đại. Thế nhưng, ngoài tính ưu việt không thể phủ nhận của nó thì cũng còn khá nhiều điều cần phải suy nghĩ thêm về thái độ ứng xử của chúng ta về hiện tượng này. Hiện nay, hàng loạt vấn đề về việc xử lí ngôn ngữ trên báo chí như *chuẩn phiên âm*, *chuẩn chính tả*,... và trong đó có cả vấn đề *viết tắt*, *nói tắt* đang được các nhà làm báo quan tâm đặt ra. Người ta hiểu rằng, ngôn ngữ là thứ công cụ đắc lực nhất, không thể thiếu của người làm báo, cho nên nhiệm vụ của họ là phải làm sao tìm ra những cách xử lí ngôn ngữ thông minh nhất, chính xác nhất và dễ hiểu nhất để có thể đưa thông tin đến người đọc một cách nhanh chóng và hiệu quả nhất theo như ý muốn và yêu cầu đặt ra.

Trong hàng loạt những vấn đề về ngôn ngữ vừa nêu trên thì *viết tắt* và *nói tắt* cũng là một trong những yếu tố có sự chi phối hết sức lớn trong công tác báo chí hiện đại. Trong lĩnh vực báo chí, nhất là với thể loại báo hình (truyền hình) và báo nói (phát thanh), *nói tắt* mà chúng tôi muốn nói đến ở đây được hiểu là "cách thể hiện chữ viết tắt qua cách đọc của phát thanh viên". Sở dĩ phải nói như vậy là để nhằm tránh với cách hiểu thông thường về *nói tắt* mà chúng ta thường gặp trong thực tế như: *bách thắng* (nói tắt của *bách chiến bách thắng*), *bầu đoàn* (bầu đoàn thể tử), *cây* (cây số), *đảm* (đảm đang), *cao xạ* (cao xạ pháo), *cương thường* (tam cương và ngũ thường), *thượng viện* (thượng nghị viện), v.v.

Hiện nay, trải qua quá trình sử dụng thực tế, cũng như nghiên cứu, người ta đã phân nào tìm ra được một số nguyên tắc cơ bản về cấu tạo cũng như hành chức của hiện tượng *viết tắt* và *nói tắt*. Người ta thấy rằng, đại bộ phận chữ *viết tắt* là dạng rút gọn của một định danh nào đó; ví dụ như *WB* (*World Bank*, *Ngân hàng thế giới*), *APEC* (*Asia-Pacific Economic Cooperation*, *Hợp tác kinh tế Châu á - Thái Bình Dương*), *UEFA* (*Union of European Football Associations*, *Liên đoàn Bóng đá Châu Âu*),...; hoặc *viết tắt* của một từ, một cụm từ như *Ô.* (*Ông*), *B.* (*Bà*), *HLV* (*Huấn luyện viên*), *Mr.* (*Ông*, *Ngài*), *TB.* (*Tái bút*), *Nxb.* (*Nhà xuất bản*), *&* (*và*),...

Qua đó, chúng ta cũng biết rằng, *viết tắt* hay *nói tắt* là một dạng ngôn ngữ đặc biệt. Nó là sản phẩm của việc rút gọn đến mức tối đa một định danh hay một từ, một ngữ nào đó. Chính vì vậy, thay vì phải sử dụng một khối lượng lớn từ ngữ để truyền tải một lượng thông tin thì nhờ vào cách *nói tắt*, *viết tắt* chúng ta cũng có thể truyền tải được chính lượng thông tin ấy với bằng một số lượng từ ngữ ít hơn nhiều. Điều này hết sức có lợi, nhất là đối với những người làm báo khi mà yêu cầu về thời gian phát tin luôn được đặt lên hàng đầu. Và đặc biệt, nó cũng hết sức hữu ích đối việc truyền tải thông tin báo chí qua mạng internet, nơi mà tốc độ truyền dẫn thông tin thường xuyên phụ thuộc vào độ lớn của văn bản cần truyền.

Như vậy, chúng ta có thể thấy rằng chữ *viết tắt* là một dạng ngôn ngữ hết sức đặc biệt. Và người ta cũng nhận thấy rằng, *viết tắt* và *nói tắt* hình như chỉ xuất hiện và phát triển mạnh mẽ trong một xã hội hiện đại. Bởi vì ở đó có những sức ép về cách sử dụng ngôn ngữ hết sức lớn như nhu cầu truy tìm, xử lý và trao đổi thông tin. Đặc biệt là sự ra đời của các phương tiện truyền thông hiện đại cũng như sự bùng nổ thông tin của xã hội đó. Chính vì vậy, *viết tắt* và *nói tắt* là một phương cách đắt giá nhất mà con người hiện đại ứng dụng để truyền đạt, cũng như lưu trữ thông tin cho mình.

Người ta cũng nhận thấy rằng, hầu hết chúng ta (thậm chí cả những nhà chuyên nghiên cứu về chữ *viết tắt*) cũng khó lòng nắm bắt được hết và hiểu được hết nghĩa của toàn bộ các chữ *viết tắt*; và điều đó lại càng trở nên xa vời hơn đối với những người có trình độ học vấn giới hạn. Trong khi đó, yêu cầu cao nhất của báo chí nói chung và phát thanh, truyền hình nói riêng là làm cách nào để thông tin có thể chuyển tải đến với hầu hết mọi tầng lớp quần chúng, kể cả tầng lớp bình dân.

Đối với những người làm công tác phát thanh - truyền hình, mà cụ thể là các phát thanh viên, trong khi phát tin, nếu gặp những văn bản có sử dụng chữ *viết tắt* thì nhiệm vụ của họ là phải đọc, phải thể hiện những chữ *viết tắt* ấy. Và vấn đề được đặt ra ở đây là chúng ta nên xử lý nó như thế nào thì ưu việt nhất.

Trước hết, chúng ta cũng cần biết rằng, cách đọc những chữ *viết tắt* không phải bao giờ cũng giống nhau. Có những chữ *viết tắt* chúng ta có thể đọc được theo cách ghép vần của tiếng Việt (ở đây chúng ta chưa bàn đến là có nên đọc theo chuẩn hay không, như kiểu nên đọc *ASEAN* là "a-xê-an", "a-xin" hay "ây-xin",...) như <sup>(\*)</sup> : *UNESCO* (u-nét-cô), *FAO* (phao), *APEC* (a-pếch), *NATO* (na-tô), *RAM* (ram), *ROM* (rom),... Nhưng có những kiểu *viết tắt* mà chúng ta chỉ có thể đọc được bằng cách đánh vần từng chữ cái như: *IMF* (i-em-ép), *PLO* (pê-en-lờ-ô), *IFC* (i-ép-xê), *UNDP* (u-en-đi-pi)... Bên cạnh đó, có một số lượng lớn những chữ *viết tắt* (hầu hết là chữ *viết tắt* của tiếng Việt) mà chúng ta không thể áp dụng hai quy tắt trên mà buộc lòng phải đọc đầy đủ, tức là trường hợp này chỉ có *viết tắt* chứ không thể *đọc tắt* hay *nói tắt* được

---

<sup>(\*)</sup> Xin lưu ý, phần trong ngoặc đơn chỉ là ghi cách đọc và chúng tôi chỉ đưa để lấy ví dụ tiện làm việc, còn trong thực tế có thể sẽ có những cách đọc khác nhau.

như: **HLV** (huấn luyện viên), **UBND** (ủy ban nhân dân), **Nxb.** (nhà xuất bản), **VĐV** (vận động viên), **BLV** (bình luận viên), **PTV** (phát thanh viên),...

Trong khi đó, một điều thường thấy hiện nay là để giảm thời lượng phát tin (do sự khống chế về thời lượng phát sóng của chương trình) các phát thanh viên thường chỉ đọc chữ *viết tắt* mà không giải thích nghĩa của chúng. Điều này đã gây nên không ít khó khăn cho người nghe.

Chúng ta cũng biết rằng, nếu như ở báo viết thông tin luôn được lưu trữ khá ổn định và lâu dài giúp cho người đọc có thể tìm hiểu thông tin mà mình cần vào bất kì thời gian nào; và nếu gặp những từ ngữ khó hiểu thì người ta có thể tìm tra cứu qua từ điển hoặc ở những nguồn thông tin khác. Ngược lại, phát thanh và truyền hình lại khó có thể đáp ứng được những yêu cầu này.

Do có đặc thù là thông tin của phát thanh và truyền hình phát đi chủ yếu thông qua âm thanh mà cụ thể là giọng đọc của phát thanh viên. Như vậy, thông tin đến với người nghe qua con đường của phát thanh, truyền hình diễn ra khá nhanh. Người nghe hầu như chỉ nghe được một lần và không có điều kiện kiểm chứng lại thông tin nếu như gặp những trường hợp khó hiểu. Bên cạnh đó, với tốc độ đọc trung bình của phát thanh viên vào khoảng 200 - 250 âm tiết (chữ)/phút cũng là một trở lực lớn đối với người nghe, đó là chưa kể đến vấn đề chất giọng, tiếng địa phương của phát thanh viên, chất lượng phát sóng của đài và kể cả khả năng thính lực của người nghe...

Bên cạnh đó, chữ *viết tắt* cũng có hiện tượng "đồng dạng". Tức là, có những chữ *viết tắt* có hình thức chữ viết giống nhau nhưng nghĩa lại hoàn toàn khác nhau, và điều này cũng có thể gây nên hiện tượng nhầm lẫn thông tin đối với người nghe. Ví dụ như: *Hiệp hội an ninh xã hội Mỹ* và *Hội viên hội những người chơi đồ cổ Mỹ* đều cùng lấy tên *viết tắt* là **AASS**; hay *Hiệp hội các nhà sản xuất xi măng ămìng* và *Hiệp hội các nhà sản xuất quần áo điên kinh* đều có chung tên *viết tắt* là **ACMA**..

Chính vì những lí do trên mà chất lượng thông tin phát ra của phát thanh, truyền hình hầu như bị phụ thuộc rất nhiều vào các điều kiện khách quan. Trong trường hợp gặp những chữ *viết tắt* khó hiểu do phát thanh viên phát ra mà không có lời giải thích cụ thể (điều này hiện nay thường xuyên xảy ra) thì người nghe hầu như không có cơ hội kiểm chứng lại vì thông tin chỉ được phát ra một lần rồi mất hẳn, người nghe cũng khó có điều kiện lưu giữ lại thông tin ấy để kiểm tra điều mình chưa hiểu. Và như vậy chất lượng thông tin được phát ra của đài cũng trở nên kém giá trị, thậm chí có lúc còn trở nên vô giá trị.

Để tránh hiện tượng này, một số biên tập viên và phát thanh viên của phát thanh và truyền hình thường xử lí bằng cách đưa thêm thông tin đầy đủ về chữ *viết tắt* trong bản tin của mình. Chẳng hạn, nếu như trong một bản tin có chữ *viết tắt* thì thông thường chữ *viết tắt* đầu tiên sẽ được giải thích nghĩa đầy đủ, và chỉ cần giải thích một lần. Điều này cũng được các báo in áp dụng. Tuy nhiên, cách xử lí này hiện nay hầu như chưa được giới báo chí quan tâm để ý nhiều.

Chẳng hạn, chúng ta sẽ thấy rõ tác dụng của hai cách xử lý khác nhau trên cùng một đoạn tin ngắn như sau: "...Vịnh Hạ Long - một thắng cảnh nổi tiếng của đất nước được tổ chức UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới, là sự kiện có ý nghĩa chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội to lớn..."

- Cách đọc thứ nhất: "...Vịnh Hạ Long - một thắng cảnh nổi tiếng của đất nước được tổ chức "u-nét-cô" công nhận là di sản thiên nhiên thế giới, là sự kiện có ý nghĩa chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội to lớn..."

- Cách đọc thứ hai: "...Vịnh Hạ Long - một thắng cảnh nổi tiếng của đất nước được "tổ chức giáo dục, khoa học và văn hoá của Liên hiệp quốc (gọi tắt là u-nét-cô)" công nhận là di sản thiên nhiên thế giới, là sự kiện có ý nghĩa chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội to lớn..."

Nếu gặp trường hợp người nghe không biết chữ viết tắt UNESCO là gì thì khi nghe cách phát tin thứ nhất sẽ rất khó hiểu nội dung của nó. Nhưng ở cách phát tin thứ hai, nhờ có lời diễn giải "tổ chức giáo dục, khoa học và văn hoá của Liên hiệp quốc (gọi tắt là u-nét-cô)" mà người nghe có thể dễ dàng lĩnh hội được toàn bộ nội dung của đoạn tin.

Trường hợp gặp những chữ viết tắt đã quá thông dụng và phổ biến thì chúng ta có thể bỏ qua khâu xử lý này bởi vì chữ viết tắt cũng như những từ ngữ thông thường khác. Chữ viết tắt cũng có những thuộc tính như những từ ngữ bình thường khác, nó chỉ trở nên khó hiểu, khó sử dụng trong thời gian mới xuất hiện, mới hình thành, hoặc trong những trường hợp chuyên môn sâu; còn thông thường thì sau đó theo thời gian, theo nhu cầu sử dụng mà nó có thể trở nên phổ thông, dễ hiểu hoặc thậm chí có thể bị mất đi nếu như không còn phù hợp với cuộc sống, với thực tế nữa. Tuy nhiên, nếu gặp trường hợp trong cùng một bản tin mà có xuất hiện những chữ viết tắt "đồng dạng" thì chúng ta cũng nên áp dụng biện pháp giải thích như trên để tránh hiện tượng hiểu nhầm.

Như vậy, nên chăng các biên tập viên, phát thanh viên của đài phát thanh và truyền hình của ta nên chọn cách xử lý thứ hai này để giúp người nghe có thể dễ dàng nắm bắt được thông tin hơn khi gặp phải những trường hợp viết tắt mới lạ hoặc khó hiểu. Theo chúng tôi, cách xử lý này vừa dễ áp dụng, vừa hầu như không làm ảnh hưởng nhiều đến độ dài, tốc độ phát tin của chương trình mà còn có thể giúp người nghe lĩnh hội được đầy đủ thông tin của bản tin được phát ra. Vì thế, nếu như chúng ta xử lý vấn đề này một cách thống nhất thì chất lượng thông tin của phát thanh, truyền hình sẽ được nâng lên và người nghe cũng tránh được cảm giác phiền toái, khó chịu khi gặp những trường hợp viết tắt xa lạ và khó hiểu.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Từ điển tiếng Việt, 2002* (Hoàng Phê chủ biên, Viện Ngôn ngữ học, Nxb. Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học)
2. *Nói tắt và viết tắt từ ngữ trong tiếng Việt* (Nguyễn Quang Hồng, Tạp chí NN&ĐS, 1+2 năm 2003)
3. *Từ điển chữ viết tắt* (Nguyễn Nhu Ý chủ biên, Nxb. Văn hoá Thông tin, 1994)
4. *Chương trình tra cứu và xử lí chữ viết tắt* (Hội Ngôn ngữ học Việt Nam, Acronym - Copyright 2002)
5. *Từ điển Anh-Việt* (Hồ Hải Thuy, Chu Khắc Thuật, Cao Xuân Phổ, Viện Ngôn ngữ học, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1993).

## NÓI TẮT BẰNG PHƯƠNG THỨC RÚT GỌN ĐỊNH DANH

TS PHẠM VĂN TÌNH - KIM DUNG

(Hà Nội)

1. Có thể nói, trong thực tế giao tiếp ngôn ngữ, có nhiều con đường để hình thành nên dạng tắt và cũng có nhiều dạng tắt (nói và viết) khác nhau. Bài viết này của chúng tôi chỉ xem xét một vấn đề nhỏ. Đó là các *hiện tượng nói tắt xảy ra trong bản thân cấp độ từ và cụm từ, bằng phương thức rút gọn mang tính định danh* (Trong bài này chúng tôi chỉ khảo sát trên cơ sở tư liệu các từ tắt thuần Việt mà các tắt tổ đều có nghĩa).

Con người trong quá trình giao tiếp bao giờ cũng có khuynh hướng lựa chọn một cách nói tối ưu : vừa đủ lượng mà vẫn đảm bảo tính hiệu quả. Ngắn gọn, đủ ý là yêu cầu cần thiết cho bất kì một thông báo nào. Người ta đã tổng kết và chỉ ra 4 phương thức cơ bản để rút gọn nhằm giảm thiểu độ dài thông báo: 1. *rút gọn* (contraction); 2. *viết tắt* (abbreviation); 3. *dùng đại từ* (pronouns) và 4. *tỉnh lược* (ellipsis) [Nguyễn Thiện Nam 1997 : 145]. Khi nghiên cứu về hiện tượng tỉnh lược trong tiếng Việt, chúng tôi cũng đã từng lưu ý những trường hợp mà chúng tôi gọi là các hiện tượng “rút gọn ngôn ngữ mang tính định danh”, tức là giảm thiểu độ dài của một đơn vị ngôn ngữ tới mức có thể chấp nhận, miễn là nó đảm bảo được thông tin không sai lệch. Chẳng hạn :

- [1] a. *Đoàn viên*, tức *đoàn viên Đoàn TNCS HCM*  
b. *Liên Xô*, tức *Liên bang CHXHCN Xô viết*  
c. (Nó thì) *Thương Mại*, tức (Nó thì) *vào Trường đại học Thương Mại*  
d. *Mát*, tức *Moskva*; (chè) *Thái*, tức (chè) *Thái Nguyên ...*

2. Về lí do, ta dễ dàng nhận thấy rằng, sở dĩ các cụm từ trên được rút gọn trong khi nói là do tần số xuất hiện của nó trong giao tiếp của nó phổ biến tới mức cho phép bỏ đi khá nhiều thành tố mà người nghe vẫn hiểu được. Đối với người Việt hiện nay, khi nghe một phát ngôn như “Nó đã bị kỉ luật lưu Đảng đấy!” thì người ta lập tức hiểu rằng, *Đảng* ở đây là “Đảng CSVN”. Thực tế giao tiếp cho phép người nghe rút ra một suy luận hiển nhiên như vậy. Bởi vì, do việc sử dụng từ *Đảng* hàm chỉ *Đảng CSVN* nhiều lần rồi, nếu không để



chỉ một đảng khác, người ta bắt buộc phải nói đầy đủ, như : đảng viên Đảng Dân chủ, hay Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, v.v. Tất nhiên, bối cảnh và khả năng sử dụng các đơn vị tắt này có thể nói là rộng hẹp khác nhau. Thí dụ, khi nghe :

- [2] a. Nay, sáng nay cậu có sang Viện không thế ?  
b. Dứt khoát tôi sẽ báo cáo vấn đề này lên Khoa.  
c. Thứ tư này nhớ đi học Nghị quyết Trung ương 6 nhé!

thì *Viện*, *Khoa* và *Trung ương* ở ba phát ngôn trên chỉ có giá trị trong phạm vi giao tiếp của một số người có cùng chung những điều kiện nhất định, ít nhất là họ đang cùng một đơn vị công tác. Nếu hai người đang ở Viện Ngôn ngữ thì Viện ở (a) = Viện Ngôn ngữ học. Còn nếu hai người ở một Viện khác, như Viện Dân tộc học hay Viện Nhà nước và Pháp luật thì tên *Viện* rút gọn kia lại có chức năng định danh những đơn vị khác nhau do giá trị quy chiếu khác nhau. *Trung ương* (ở VD (c)) là cách nói rút gọn phổ biến của mỗi người dân Việt Nam hiện nay, chỉ cụm từ đầy đủ là : Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, v. v.

3. Tuy nhiên, rút gọn như thế nào và rút gọn bao nhiêu là đủ, tức rút gọn tới mức nào mà vẫn đảm bảo được giá trị biểu đạt ? Chúng ta biết rằng nói tắt là một dạng rút gọn. Vậy thì, hiện tượng tắt muốn xảy ra phải có hai vấn đề về điều kiện : 1. có một dạng đầy đủ; 2. có cơ sở để tắt hoá. Dạng đầy đủ chính là yếu tố để người nói và người nghe thiết lập nên một cơ sở mang tính ngầm định (theo những quy tắc nhất định) mà muốn phục hồi nó, người ta bắt buộc phải thực hiện các thao tác *hồi chỉ* (anaphora), tức là thực hiện một phép liên tưởng nhằm khôi phục các yếu tố ngôn ngữ đã xuất hiện (dù lâm thời hay cố định) nhưng đang được “tái sử dụng” trong bối cảnh giao tiếp hiện hữu. Có thể nói, trong ngôn ngữ, đã nói đến giao tiếp là phải nói đến hồi chỉ, tức là giữa người nói và người nghe đều có một điểm chung là cùng thực hiện một quy chiếu. Tình lược ngôn ngữ chỉ có thể thực hiện trên cơ sở hồi chỉ (hoặc *khử chỉ*, cataphora). Dĩ nhiên là nói tắt không phải là tình lược [theo cách hiểu của chúng tôi, x. thêm Phạm Văn Tình 1999], mà là một hiện tượng rút gọn, nhưng dù sao thì ngay cả khi rút gọn bất kỳ một ngữ đoạn nào người ta cũng phải tuân thủ các nguyên lý hồi chỉ thông thường. Nếu không thì các dạng tắt không thể tồn tại. Đây là vấn đề chính mà chúng tôi có ý định thực hiện trong báo cáo này. Cơ chế rút gọn thể hiện khá đa dạng. Đặc biệt là ở những cụm từ có độ dài âm tiết khá lớn.

3.1. Nếu đơn vị từ chỉ gồm 2, 3, 4... âm tiết, việc rút gọn thường xảy ra bằng phương thức lược bỏ một hai âm tiết nào đó. Ví dụ :

- [3] a. phát biểu, phê bình và tự phê bình → phát, phê và tự phê  
b. xi măng → xi  
c. tú tài → tú

- d. con ve ve → con ve, ve
- e. Hunggari → Hung
- g. thoát li gia đình → (đi) thoát li

Nguyễn Kim Thản cho những hiện tượng này là những tự lập thành theo một phương thức nói tắt đặc biệt Việt Nam [Nguyễn Kim Thản 1963 : 69]. ở đây, người nói chọn lấy một thành tố đại diện cho phép khu biệt đối tượng (*bướm* cho *con bướm bướm*, *sẻ* cho *chim sẻ sẻ*, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao → Bộ trưởng Ngoại giao → Ngoại trưởng, Trường Đại học Bách Khoa → Đại học Bách Khoa → Bách Khoa, v.v. ). Đây là những hiện tượng tắt hoá rất phổ biến của tiếng Việt, do đơn giản, dễ thực hiện, có sức sản sinh cao.

3.2. Đối với những hiện tượng nói tắt mà cụm từ được hình thành bởi cấu trúc liên hợp, tức các thành tố có giá trị đẳng lập với nhau thì khả năng tắt hoá có những cách biểu hiện phức tạp hơn.

Thường thì một cấu trúc có 2,3 khối riêng biệt, thì người ta chọn mỗi khối một yếu tố đại diện để tham gia dạng tắt. Ví dụ :

- [4] a. phối hợp, kết hợp → phối kết hợp
- b. xuất khẩu, nhập khẩu → xuất nhập khẩu
- c. trung cấp, cao cấp → trung cao cấp
- d. công nghiệp, thương nghiệp → công thương nghiệp
- e. thanh tra, kiểm tra → thanh kiểm tra

Ở đây, ta dễ dàng nhận thấy là tuy 2 cụm từ liên hợp có khác nhau nhưng lại có một yếu tố chung, theo mô hình AxBx. Vì thế, khả năng lược bỏ x là có lí để có một dạng tắt là ABx. Khả năng này cũng dễ thực hiện, ít gây nhầm lẫn và cấu trúc cũng rất chặt chẽ. Tuy nhiên, những kết hợp như vậy, không nhiều mà lại xuất hiện các cấu trúc gồm các kết hợp hoàn toàn không tương đồng. Ví dụ :

- [5] a. khoa học, giáo dục → khoa giáo
- b. khiếu nại, tố cáo → khiếu tố
- c. Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình → Hà Nam Ninh
- d. Cao su, Xà phòng, Thuốc lá → Cao Xà Lá
- e. công nhân, nông dân, binh sĩ → công nông binh
- g. chỉnh đốn, huấn luyện → chỉnh huấn

Ở đây, ta có mô hình AxBy hoặc AxByCz. Thường thì người ta chọn lấy một thành tố đầu của mỗi khối làm đại diện, thành mô hình AB hay ABC (nếu lấy thành tố đứng trước) hoặc mô hình xy, xyz (nếu lấy thành tố đứng

sau, vd.: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên → Bình Trị Thiên). Tuy nhiên các yếu tố được chọn phải đảm bảo được điều kiện là phải đại diện cho toàn khối và đồng chủng loại (*công, nông, binh* chứ không thể chọn một cách “cọc cạch” là *công, nông, sĩ, hoặc nhân, nông, sĩ,...*).

3.3. Trong những trường hợp mà đơn vị cụm từ có kết hợp theo quan hệ chính phụ và trong quan hệ chính phụ đó lại chia nhỏ ra các quan hệ riêng biệt khác thì tình hình xử lí khá đa dạng, theo nhiều hướng khác nhau. Ví dụ :

- [6] a. Viện Ngôn ngữ → Viện
- b. Thủ đô Hà Nội → Thủ đô
- c. Bộ Tổng tham mưu → Bộ Tổng
- d. Sư đoàn trưởng → Sư trưởng

Những trường hợp trên thường xảy ra khi số lượng tham gia giao tiếp không bị trùng hoặc trong phạm vi hẹp không gây mơ hồ. Chẳng hạn không thể có hai thủ đô ở một nước nên nói “Thủ đô” mặc nhiên người Việt Nam liên tưởng tới Hà Nội. Còn nói *Viện* chỉ được hiểu là “Viện Ngôn ngữ” nếu mọi người tham gia giao tiếp ở cùng cơ quan này hoặc đang tập trung nói về vấn đề nào đó liên quan tới cơ quan này. Nếu xuất hiện một viện thứ hai trở lên thì lập tức người ta phải sử dụng một lối nói đầy đủ (Vd : Viện Dân tộc học, Viện Đông Nam á...). Đây là hiện tượng sử dụng yếu tố đầu, còn sau đây là hiện tượng sử dụng yếu tố sau :

- [7] a. Công ti Dệt 8-3 → Dệt 8-3
- b. Vô tuyến truyền hình → Truyền hình
- c. Khu liên hợp hoá chất Đức Giang → Hoá chất Đức Giang
- d. Tổng công ti Hàng không Việt Nam → Hàng không Việt Nam
- e. Trường Đại học Sư phạm → Sư phạm

Ở đây, do trong hệ thống có nhiều đơn vị cùng cấp độ, cùng chức năng tồn tại (có nhiều công ti, tổng công ti, khu liên hợp ... chứ không phải chỉ có một) nên yếu tố chung (thường đứng trước) không được xem xét để cấu tạo dạng tắt, vì không có khả năng khu biệt. Muốn vậy, người ta chọn ra yếu tố làm nên đặc trưng riêng của mỗi đơn vị (dệt, may (*chỉ chức năng*), da giầy, hoá chất (*chỉ nguyên liệu SX*)...) để sử dụng tắt hoá. Cái riêng có thể là chức năng, tính chất hay một đặc thù nào đó của sự vật hiện tượng. Vì vậy, khi nói đến hiện tượng này thì lại có một vấn đề đặt ra là có những tên gọi mang nhiều chức năng hoặc các đặc thù khác nhau. Chẳng hạn :

- [8] a. Ban Khoa học Giáo dục → Ban Khoa giáo

b. Ủy ban chăm sóc thiếu niên và nhi đồng → Ủy ban thiếu niên, nhi đồng

c. Khu chế biến và xuất khẩu → Khu chế xuất

d. Tổng Công ti xuất bản và phát hành Địa hát và Băng hình → Tổng Công ti Địa hát và Băng hình

Như thế, qua phân tích ta thấy, ngoài yếu tố chính làm nên đặc trưng chung của toàn bộ tổ hợp cần phải giữ (ban, công ti, khu, uỷ ban, ...) thì người ta phải đưa thêm các yếu tố tương đương làm nên chức năng chính của tổ hợp vào dạng tắt, theo mô hình  $Ax+y$ ,  $Bx+y+z$ , ... Để ngắn gọn, người ta cũng có thể lược bỏ đi những yếu tố không cần thiết, không ảnh hưởng đến giá trị tiếp nhận. Mục tiêu của những trường hợp này là rút gọn tới mức có thể được, do cụm từ quá dài, quá công kênh, do vậy mà tính định danh không cao, gây trở ngại cho việc viết, đọc và khó nhớ, khó phục hồi khi giao tiếp.

4. Như vậy, chỉ trong phạm vi rút gọn các đơn vị ở cấp độ từ ta cũng đã thấy xuất hiện một số vấn đề có tính quy luật mà người nghiên cứu phải xem xét khi nghiên cứu dạng tắt.

4.1. Trước hết, là việc lựa chọn các thành tố thích hợp để tham gia dạng tắt một cách hợp lí nhất. Yếu tố ngữ nghĩa là rất quan trọng vì chính nó quyết định giá trị khu biệt của mỗi đơn vị.

4.2. Để tham gia dạng tắt, không thể không phân tích mối quan hệ trong nội bộ bản thân mỗi đơn vị cơ sở. Đó là "bộ xương" để có căn cứ rút gọn hợp lí và từ đó hình thành nên cấu trúc đơn vị tắt.

4.3. Các dạng tắt thường phải tuân thủ yêu cầu ngắn gọn, chặt chẽ về kết hợp, tuân thủ các quy luật hài âm hài thanh, có tính thẩm mỹ, không gây khó chịu đối với người nghe và người đọc. Các yếu tố này có giá trị quyết định làm nên tính định danh của các đơn vị tắt và tạo tiền đề để nó có tính khả thi và được chấp nhận trong giao tiếp.

## THU MỤC THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Châu *Các bình diện của từ và từ tiếng Việt*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1986.

2. Mai Xuân Huy *Đặc điểm hình thái và ngữ nghĩa của các tên tắt xuất nhập khẩu Việt Nam*, Ngôn ngữ, s. 3, 1990.

3. Nhiều tác giả *Sách tra cứu chữ viết tắt nước ngoài và Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990.

4. Nguyễn Thiện Nam *Hiện tượng tình lược chủ ngữ trong tiếng Nhật đối với lối giao thoa trong tiếng Việt của người Nhật Bản*, Trong “Ngữ học Trẻ ‘97”, Hội Ngôn ngữ học VN, Hà Nội, 1997.

5. Nguyễn Kim Thản *Vấn đề nói tắt trong tiếng Việt*, Trong “Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt”, t. 1, NXB Khoa học, Hà Nội, 1963.

6. Phạm Văn Tình *Về khái niệm tình lược*, Ngôn ngữ, s. 9, 1999.

7. Ju. D. Apresjan *Leksicheskaja semantika*, Moskva, 1974.

8. Trần Ngọc Thêm *Bàn về khái niệm “tắt tở”*, Báo cáo KH, 1981.

# PHỤ LỤC

---

## HIỆN TRẠNG NÓI TẮT, VIẾT TẮT TRONG GIAO TIẾP

HUỲNH CÔNG TÍN

(TS, Trường Đại học Cần Thơ)

Nói tắt, viết tắt là một nhu cầu giao tiếp trực tiếp, nhất là trong điều kiện xã hội thông tin đòi hỏi mọi việc phải được giải quyết nhanh, gọn và chính xác. Hiện trạng nói tắt, viết tắt, nếu thực hiện tốt sẽ mang lại hiệu quả tích cực cho giao tiếp: bằng một lượng ngôn từ tối thiểu mà mang lại hiệu quả thông tin tối đa. Tuy vậy, nếu vận dụng không đúng nguyên tắc, hiện trạng này cũng có thể mang đến những tiêu cực cho giao tiếp: sự hiểu nhầm, hiểu sai, gây trở ngại cho việc nắm bắt thông tin. Bài viết này, chúng tôi muốn đề cập đến hiện trạng trên ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long và một số nhận xét bước đầu.

### 1. Hiện trạng nói tắt, viết tắt

Trong khi nói, cũng như trong lúc viết, người ta thường nói tắt, viết tắt để công việc giao tiếp được thực hiện nhanh hơn. Không thể phủ nhận thực tế này trong cuộc sống, bởi xét cho cùng nó vẫn là một yêu cầu bức thiết và chính đáng. Điềm qua hiện trạng này như sau:

#### 1.1. Nói tắt

Nói thường là giao tiếp không chính thức mang đặc trưng gia đình, làng xóm, có tính thân mật, diễn ra trực tiếp tại chỗ có mặt cả hai người nói và nghe. Bởi đó, sự hiểu lầm có thể được hoá giải ngay tại chỗ, nhưng có thể có những tác hại tâm lý về sau nếu nói tắt không thích hợp. Thường nói tắt phải kèm theo một điều kiện là ở cả hai người giao tiếp đều phải có chung một tiền giả định, một hiểu biết chung về một khía cạnh nào đó, nói cách khác, đó là

một hiểu ngầm trước với nhau một số hiểu biết nhất định. Có các trường hợp nói tắt:

Trong thực tế, khi đặt tên khó tránh được hiện tượng trùng lặp tên người, nhất là những tên phổ biến. Bởi đó, trong trường hợp này cần phân định giữa những người trùng tên, người ta hay kèm theo một từ hoặc một nhóm từ để định tính cho đối tượng ấy. Có mấy cách định tính phổ biến:

a. Dùng họ để phân định: Thảo Huỳnh, Thảo Lê, Thảo Ngô, Thảo Phạm, Thảo Trần..., Thắng Bùi, Thắng Đào, Thắng Nguyễn...; hoặc khi trùng họ thì dùng chữ lót để phân định: Thắng Đại, Thắng Đức, Thắng Q, Thắng Chính... Trong giao tiếp nói, thay vì nói tên người có họ và, chữ lót, người ta nói tắt họ, hoặc nói cả chữ lót sau ngay tên.

b. Dùng chức vụ để phân định: "Khoa tôi có nhiều ông Tuấn lắm, ông muốn hỏi Tuấn nào: Tuấn trưởng bộ môn, Tuấn giáo viên?"... Trong giao tiếp nói, thay vì nói tên người và chức vụ của họ ở một cơ quan, đơn vị cụ thể, người ta nói tắt chức vụ ngay sau tên.

c. Dùng tên một người thân trong gia đình như vợ, chồng hoặc cha, mẹ (hạn hữu), để phân định: "Anh muốn gặp Hương nào: Hương Ân, hay Hương Bằng?". Thì ra, hai ông Ân, Bằng đều có vợ tên Hương. Trong giao tiếp nói, thay vì nói tên người và người đó có chồng hoặc vợ tên gì đó, người ta nói tắt tên người thân kèm với tên người đó.

d. Dùng quê quán để phân định: Lộc Đồng Tháp, Lộc Nghệ Tĩnh. Trong giao tiếp nói, thay vì nói tên người và người đó có quê quán là tỉnh, thành phố nào đó, người ta nói tắt tên địa danh kèm với tên người đó.

đ. Trong nhà trường, cơ quan, người ta còn dùng tên môn học hoặc công việc mà người đó dạy hoặc phụ trách để phân định, như: Bình toán hay Bình địa, Vũ địa hay Vũ hành chính; Hiếu tài vụ, Hiếu hành chính, Hiếu quân sự, hay Hiếu thiết bị... Trong giao tiếp nói, thay vì nói tên người và môn học hoặc công việc mà người đó dạy hoặc phụ trách, người ta nói tắt tên môn học hoặc công việc với tên người đó.

e. Dùng một đặc điểm ngoại hình, tuổi tác, để phân định như: Minh lớn, Minh nhỏ; Sáng lùn, Sáng cao... Trong giao tiếp nói, thay vì nói tên người và người đó có đặc điểm nhân dạng như thế nào, người ta nói tắt tên đặc điểm nhân dạng kèm ngay với tên người đó.

g. Dùng một đặc điểm thuộc thói quen, tính cách của một người để phân định. Trong trường hợp này, giữa hai đối tượng giao tiếp phải có thêm một điều kiện là sự thân mật, gần gũi (để tránh hiểu lầm, nghi ngại nhau), chẳng hạn: Tân đạo tử, Mạnh kẹo dứa, Năm nổ, Thiết ậm ừ, Thanh bùng nhùng... Trong giao tiếp nói, thay vì nói tên người và người đó có thói quen, tính cách ra sao, người ta nói tắt đặc điểm kèm ngay với tên người đó.

- Để chỉ các địa điểm, người ta cũng có những cách nói tắt quen thuộc. Có một số lối nói tắt phổ biến:

a. Có những địa danh phổ biến trong nước, ai ở vùng đồng bằng sông Cửu Long cũng hiểu, thì khi nói, người nói nói tắt địa danh hoặc đơn vị nhưng người nghe vẫn nhận biết, chẳng hạn: đi thành phố (dĩ nhiên đây là thành phố Hồ Chí Minh, hay Sài Gòn vì cuộc giao tiếp đang diễn ra ở đồng bằng sông Cửu Long, chứ không phải ở đồng bằng sông Hồng).

b. Có những địa danh, đơn vị hành chính phổ biến, nổi tiếng về một khía cạnh nào đó trong vùng thì khi nhắc tới người ta nói tắt địa danh, hoặc đơn vị hành chính của nó. Chẳng hạn: mắm Phú Quốc, gái Nha Môn, hạc Tam Nông, nem Lai Vung, rượu Gò Đen, rượu Xuân Thạnh, rượu Phú Lễ, sữa Lò Rèn...

c. Có những địa danh gắn liền với những hoạt động lễ hội phổ biến thường năm thì khi nhắc tới nơi ấy người nói cũng nói tắt địa danh, chẳng hạn: đi Vía Bà (Châu Đốc), thăm mộ Cụ Phó bảng (Cao Lãnh), thăm Lăng Mạc Cửu (Hà Tiên), du lịch núi Cấm (Tri Tôn), tham quan Hòn phụ tử (Hà Tiên), thăm nhà mồ (Ba Chúc)...

Có những địa điểm khá phổ biến, trở nên quen thuộc ở địa bàn của hai đối tượng giao tiếp, thì người nói chỉ cần nói tên gọi là đủ. Chẳng hạn, ai có lần ăn tiệc chỉ cần nói: đi Ninh Kiều, đến Ngọc Mai... là đủ hiểu: nơi ấy là nhà hàng, quán cơm, hay hiệu ăn bình dân.

### **2.1.2. Viết tắt**

Viết lại là giao tiếp chính thức, mang tính xã hội cao, có tính chuẩn mực. Vì là giao tiếp thường hiện diện trên văn bản, nên giữa người viết và người đọc phần lớn là không tương mặt nhau, và cũng không có điều kiện trực tiếp đối thoại khi cần, nên đòi hỏi thông tin chính xác có phần nghiêm ngặt hơn nhiều. Điều đó, cũng không có nghĩa là không được viết tắt. Trong thực tế có những dạng viết tắt phổ biến:

a. Thường tên cơ quan, đơn vị, tổ chức địa phương được viết tắt bằng cách viết hoa chữ cái mở đầu cho các chữ của tên cơ quan, tổ chức, đơn vị và địa danh của địa phương ấy: "Hội đồng Nhân dân tỉnh Cần Thơ (HĐND tỉnh CT), Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời (ủy ban nhân dân huyện TVT), Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Sóc Trăng (UBMTTQ tỉnh ST), Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên (TAND TP.LX)... "Thường trên văn bản, viết tắt chỉ xuất hiện trong phần nội dung, ít xuất hiện ở phần tiêu đề, tiêu tựa.

b. Đa số tên biểu tượng (logo) của các cơ quan đài phát thanh truyền hình địa phương tỉnh được viết tắt từ tên chức năng "truyền hình" và tên địa danh của tỉnh: "Đài Truyền hình tỉnh An Giang (THAG), Đài Truyền hình tỉnh Cần Thơ (THCT), Đài Truyền hình tỉnh Đồng Tháp (THĐT), Đài Truyền hình tỉnh Kiên Giang (THKG), Đài Truyền hình tỉnh Long An (THLA), Đài Truyền hình tỉnh Trà Vinh (THTV), Đài Truyền hình tỉnh Vĩnh Long (THVL)...

c. Tên biểu tượng (Logo) của cơ quan đài truyền hình Việt Nam khu vực



Cần Thơ gọi là Đài Truyền hình Cần Thơ thì được viết tắt từ tên địa danh "Cần Thơ" (CT), kết hợp với từ vay mượn biểu thị chức năng của đài "Ti-vi" (TV) được đặt theo trật tự cú pháp ấn - Âu (CTTV) và lược bỏ đi một chữ "T", mà thành (CTV). ở một khía cạnh khác, chữ "T" được viết một nhưng ngâm đọc hai lần.

d. Phần lớn tên biểu tượng của các cơ quan xuất nhập khẩu tỉnh cũng được viết tắt bằng cách viết một hoặc hai chữ cái mở đầu cho tên địa danh kết hợp với cách viết tắt của hai từ tiếng Anh: "im" (import: nhập khẩu), "ex" (export: xuất khẩu). Tất cả các chữ viết tắt được kết liền nhau. Chữ cái đầu mang tên địa danh, được viết hoa. Chẳng hạn: Xuất nhập khẩu An Giang (Agimex), Xuất nhập khẩu Bến Tre (Betrimex), Công ty thương nghiệp Cà Mau (Camex), Xuất nhập khẩu Cần Thơ (Cathimex), Xuất nhập khẩu Đồng Tháp (Dothimex), Xuất nhập khẩu Kiên Giang (Kigimex), Xuất nhập khẩu Minh Hải (Mihaimex)... Riêng xuất nhập khẩu Cửu Long thì địa danh Cửu Long được thay bằng một từ tiếng Anh quen thuộc "Mekong" bỏ chữ cái "g" ở cuối mà thành "Mekonimex".

d. Một số cơ quan, đề án chỉ có tên viết tắt lấy chữ cái mở đầu từ những từ tương đương của tiếng Anh kết hợp với tên địa danh viết tắt, như: Công ty Hội chợ triển lãm quốc tế tỉnh Cần Thơ (Cantho International Exhibition Fair Company) (EFC), Đại học Cần Thơ (Can Tho University) (CTU), Công ty Dược & Kinh doanh xuất nhập khẩu Minh Hải (Agr(o)-Pharmacy import export) (Agropharimex), Công ty giày Cần Thơ (Can Tho Footwear Company) (CFC), Công ty xuất khẩu thực phẩm nông nghiệp tỉnh Long An (Long An Food Company) (LAFOCO), Ngân hàng phát triển nhà ở đồng bằng sông Cửu Long (Mekong House Bank) (MHB), Nhà máy đông lạnh xuất khẩu Cần Thơ (Cantho Factory Export) (Cafatex), Nông trường Sông Hậu (Song Hau Farm) (Sohafa), Viện nghiên cứu cây ăn quả miền nam (đồng bằng sông Cửu Long) Long Định Tiên Giang (Song Cửu Long Farm Research Institute) (SOFRI), Xí nghiệp rau quả đông lạnh Tiên Giang (Tien Giang Vegetable factory (Vegtigi))...

e. Các thương hiệu cũng thường được viết tắt dựa trên những chữ cái mở đầu từ những từ tương đương của tiếng Anh, như: Nước uống tinh khiết Cần Thơ (Cantho Pure Water) (Capuwa), hoặc tên của hai đơn vị: Công ty liên doanh tắm lợp tập đoàn Post Hàn Quốc và Việt Nam (PostVina).

g. Có một thương hiệu vừa có nghĩa tiếng Pháp, vừa có nghĩa tiếng Việt. Xét ở bình diện tiếng Việt, nó là một hình thức viết tắt. Đó là nước uống "La Vie". Từ "la vie" có nghĩa "đời sống, cuộc sống", nhưng từ này xét ở khía cạnh từ ngữ tiếng Việt, thì đó là tên viết tắt của La (Long An) Vie (VietNam).

## **2. Nhận xét hiện trạng nói tắt, viết tắt**

**2.1.** Những trường hợp nói tắt đã nêu nhìn chung vẫn mang lại cho người nghe những thông tin cần thiết đầy đủ để có thể hiểu được nội dung giao tiếp. Tuy vậy, có một số trường hợp nói tắt có thể tạo nghĩa "nước đôi",

mà nghĩa phát sinh thường có sắc thái khôi hài, châm chọc, đôi khi có hàm ý không trong sáng, như ở một số trường hợp:

a. Việc dùng họ, hoặc chữ lót để phân định đối tượng có thể tạo một số tình huống nghĩa không trong sáng, như Thăng Bù (hàm nghĩa tục), Thăng Đức (phát âm thành "đứt"), Thăng Đại (hàm nghĩa "đại"), Thăng Q. (phát âm thành "cu")...

b. Việc dùng tên môn học để phân định đối tượng cũng có thể tạo một số tình huống hài hước, tục tĩu, thô tục, thiếu nghiêm túc, như: Thầy Bình (dạy môn Địa thành "bình địa", Thầy Vũ (dạy môn Địa thành "vũ địa" (nói lái), Thầy H. dạy môn cây đu đủ thành "H. đu đủ", Thầy S. dạy môn Chăn nuôi heo thành "S.heo", Thầy Th. dạy môn Chăn nuôi trâu bò thành "Th. trâu", Thầy X. dạy môn Thụ tinh nhân tạo thành "X. thụ tinh"...

c. Việc dùng một đặc điểm ngoại hình, hoặc một đặc điểm thói quen, tính cách cũng có thể làm phương hại tới cá nhân người khác ở một số trường hợp.

d. Việc nói tắt ở một số tình huống có liên quan tới việc xác định vị trí, cũng có thể gây những sự hiểu lầm, ngộ nhận một nghĩa không trong sáng, như: đi Ninh Kiều, đi bãi cát (Cần Thơ), đi ngã ba chiều tím (Vĩnh Long), đi vườn nhãn (Bạc Liêu), đi sân bay (Trà Vinh)...

**2.2.** Những trường hợp viết tắt đã nêu nhìn chung mang lại cho người nghe những thông tin ngắn gọn cần thiết, đủ để có thể hiểu được nội dung giao tiếp. Có điều, ở một số trường hợp viết tắt cũng cần lưu ý:

a. Tên cơ quan, đơn vị, tổ chức chỉ có thể viết tắt khi đó là tên những cơ quan, đơn vị, tổ chức có tính phổ biến được dùng nhiều lần trong văn bản, và được chú thích sau lần viết nguyên dạng để tránh sự hiểu lầm hoặc gây khó hiểu. Với tên những cơ quan, đơn vị, tổ chức ít phổ biến hơn thì việc viết tắt có thể gây khó nhớ, khó hiểu, mặc dù người viết đã có ghi nguyên dạng lần đầu, bên cạnh dạng chú thích tắt. Trong trường hợp văn bản quá dài thiết nghĩ nên chẳng là viết nguyên dạng ở đầu mỗi chương khi cụm từ đó xuất hiện lại để tránh cho người đọc khó trong việc lần tìm nguyên dạng khi chỉ viết có một lần ở đầu văn bản.

b. Với các logo, do thường được xuất hiện nên không có vấn đề trở ngại trong việc thông tin, nhưng điều kiện cần lưu ý là tiếng ta có chữ viết thì không việc gì chỉ cứ chú ý tới chữ ngoại thay cho chữ Quốc ngữ. Còn nói rằng, để tiện giao tiếp mà lạm dụng chữ Anh, chữ Pháp thì không đúng với yêu cầu giữ gìn bản sắc của tiếng Việt.

c. Phần lớn các công ty xuất nhập khẩu đều có chữ viết tắt "imex" ghép với tên địa danh, nhưng biểu hiện có đuôi "imex" theo tôi là không cần thiết. Không nhất thiết phải để "imex" là xuất nhập khẩu tốt, mà cái chính là chất lượng sản phẩm, nội dung kinh doanh. Vì vậy, nên để nội dung kinh doanh kèm theo tên địa danh, còn sự kết hợp trước sau của hai thành tố này sau cho rõ và tiện đọc không gây hiểu lầm, hài hước là được. Còn nếu đó là cơ quan

của chính quyền địa phương thì có nên chăng việc để lẫn lộn tiếng nước ngoài vào đây?

d. Một số cơ quan, đề án không có liên quan gì đến nước ngoài, nên ý định gọi là để dễ cho người nước ngoài đọc có cần chăng? Theo tôi không nên viết tắt từ chữ tiếng nước ngoài làm gì mà nên viết tắt từ chữ Quốc ngữ; và lại, việc viết tắt thì đã là dễ đọc rồi. Mặt khác, nếu cần sao không dùng hai hình thức viết tắt song song mà lại chỉ dùng hình thức viết tắt từ tiếng nước ngoài, điều đó có phải là xem nhẹ chữ ta không?

đ. Một số thương hiệu cần sự phổ biến và tính cạnh tranh thì việc dùng tiếng nước ngoài như tiếng Anh là cần. Nhưng chọn, đặt thế nào cho nó phù hợp đó là vấn đề. Có nhiều thương hiệu mà người nước ngoài có xem cũng phải ngòai giở từ điển thì nói gì tới người Việt Nam và tính phổ biến. Và như vậy, thì làm sao mà dễ nhớ cho được.

e. Ít có được thương hiệu viết tắt mang nhiều ý nghĩa như thương hiệu "La Vie". Tuy vậy, có lưu tâm tới những hình thức viết tắt, mới có thể tìm ra được những kết hợp tốt như thế.

3. Nhìn chung, việc nói và viết tắt là cần thiết trong đời sống hiện nay. Có điều, việc thể hiện nó phải tránh sự hiểu lầm, khó hiểu, tính tự ti và hiện tượng sính ngoại trong việc sử dụng ngôn ngữ. Có như vậy, hiện trạng nói và viết tắt mới góp phần giải quyết tốt yêu cầu của thông tin; đồng thời, duy trì được sự trong sáng của Tiếng Việt, tiếng nói mà ngàn đời cha ông ta đã trân trọng và gìn giữ.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Chuẩn hoá chính tả và thuật ngữ*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 1984.

2. *Một số vấn đề ngôn ngữ học Việt Nam*, Nhà xuất bản Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1981.

3. *Ngôn ngữ học*, tập II, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1986.

4. *Nói và viết đúng tiếng Việt*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1967.

# MỘT SỐ KIỂU NÓI RÚT GỌN XÉT Ở CẤP ĐỘ TỪ NGỮ

HỒ XUÂN TUYÊN

(Bạc Liêu)

1. Trong giao tiếp, người ta thường hướng tới một cách nói giản tiện, tiết kiệm nhất mà vẫn bảo đảm đủ ý, thậm chí còn đạt hiệu quả cao trong giao tiếp. Điều này có thể nhận thấy không chỉ ở những kiểu câu tỉnh lược, ở các dạng câu có sử dụng phép thế, ở cách viết tắt, mà còn có cả ở cách rút bớt âm tố trong tiếng, rút bớt từ tố trong từ, rút bớt từ trong cụm từ, trong cách ghép từ tố để tạo từ mới. Ngoài mục đích giảm thời gian và lượng âm thanh trong phát ngôn, giảm lượng chữ trong văn bản viết, cách nói rút gọn còn có mục đích biểu cảm trong giao tiếp, thể hiện sắc thái địa phương trong các tác phẩm văn học.

2. Ở bài viết này chúng tôi sẽ kể ra một số kiểu nói rút gọn ở cấp độ từ ngữ trong tiếng Việt. Đây là những kiểu rút gọn có liên quan nhiều đến việc xác định nguồn gốc của từ, đến cấu tạo từ.

2.1. Những năm gần đây do xu thế giao lưu, hội nhập, chúng ta đã thấy xuất hiện một số từ ngữ có hình thức không giống ngôn ngữ đơn lập, không biến hình, mà mô phỏng theo ngôn ngữ biến hình để đặt tên cho một số công ti, xí nghiệp liên doanh với nước ngoài, nhãn hiệu hàng hoá... Chúng tôi tạm gọi là hiện tượng "lạ hoá" hay "Ấn Âu hoá" từ ngữ Việt. Đó là cách giản lược âm tố trong từ tiếng Việt rồi kết hợp với yếu tố trong một từ thuộc ngôn ngữ gốc Ấn - Âu để cho ra một từ mới. Ví dụ, *Vinamil* (sữa Việt Nam), *Mihamex* (Công ti xuất nhập khẩu Minh Hải), ...; hoặc ghép và rút gọn các từ thuần Việt mô phỏng theo kiểu *Casovina* (cao su Việt Nam), *Bivina* (bia Việt Nam), v.v...

2.2. Kiểu thứ hai là ghép hai ba từ lại và lược bớt âm tiết ở mỗi từ. Có thể chia cách này thành hai dạng. Dạng thứ nhất gồm những từ không có từ tố giống nhau về mặt hình thức, lấy mỗi từ một yếu tố đại diện và ghép chúng lại: Ví dụ, *khiếu kiện* (*khiếu tố* và *kiện cáo* hay *kiện tụng*): "Trước mặt tôi là một thầy giáo gầy gò, mười năm rồi ông vẫn miệt mài mang đơn đi khiếu kiện hết Đà Nẵng cho đến Quảng Nam". (Báo Giáo dục & Thời đại số 105 - 31/8/2002).

Có một loạt trường hợp nằm trong dạng này như: *bàn thảo* (bàn bạc và thảo luận), *Hà Nam Ninh* (Nam Hà, Nam Định, Ninh Bình), *Nghệ Tĩnh* (Nghệ An và Hà Tĩnh), *thiếu nhi* (từ thiếu niên và nhi đồng), *công nông binh* (công nhân, nông dân, binh lính), *thu chi* (thu và chi), *Đảng Đoàn* (Đảng và Đoàn), *Đoàn Đội* (Đoàn và Đội), *Ban khoa giáo* (Ban khoa học và giáo dục), *chăm bồi* (chăm sóc và bồi dưỡng) v.v... Riêng trường hợp *chăm bồi*, chúng tôi thấy chúng được sử dụng nhiều ở một số văn bản thuộc các tổ chức Đảng hoặc Đoàn cấp cơ sở. Ví dụ: "*Chi đoàn lớp 12 A đã giới thiệu và chăm bồi đọc 2 đối tượng Đảng*". "*Chăm bồi*" xuất hiện khoảng vài chục năm gần đây nhưng nghe chừng vẫn còn lạ tai lắm. Mô hình cấu tạo của dạng thứ hai này có thể khái quát như sau:  $AB + CD = AC$ . Từ thứ nhất AB có cấu tạo bằng hai từ tố A và B; từ thứ hai CD có cấu tạo bằng hai từ tố C và D, kết hợp lại, ta có từ thứ ba là AC. Đây là hình thức cấu tạo xuất hiện khá nhiều trong tiếng Việt.

Dạng thứ hai của kiểu này là những từ có chung một từ tố (hình thức cấu tạo giống nhau), được lược bỏ đi một. Ví dụ, *khám chữa bệnh* (*khám* và *chữa bệnh*): "*ở phòng khám chữa bệnh sản phụ khoa thuộc phường Yên Hoà (Cầu Đuống, Hà Nội), tôi được chứng kiến thêm bao cảnh ngộ đau lòng*" (Tạp chí *Giáo dục & Thời đại* số 35-1/9/2002).

Tương tự, *thanh kiểm tra* (*thanh tra* và *kiểm tra*), *phối kết hợp* (*phối hợp* và *kết hợp*), *thu phát sóng* (*thu sóng* và *phát sóng*), *thiếu đói* (*thiếu* và *đói*) v.v... Trường hợp *thiếu đói*, theo trật tự kết hợp thì nghĩa của nó là *ít đói, không đói*, là *no*. Nhưng thực ra nghĩa được sử dụng lại không phải như vậy. Ở đây "*thiếu đói*" được nói gọn từ *thiếu ăn* và *đói ăn*. Sự kết hợp cho gọn này hình như chưa được cộng đồng chấp nhận, nên nghe vẫn còn gượng, chưa thuận lắm. Chắc phải chờ thêm thời gian nữa chăng? Đây là một cách rút gọn để tạo một từ mới với nghĩa tổng hợp nghĩa từ các từ ban đầu. Mô hình có thể tóm tắt như sau:  $AC + BC = ABC$ . Từ thứ nhất là AC có hai từ tố tạo nên là A và C; từ thứ hai là BC có hai từ tố là B và C, ta sẽ có từ mới ABC.

2.3. Kiểu thứ ba là kiểu rút gọn từ tố trong từ. Hiện tượng này cũng thấy xuất hiện nhiều trong phát ngôn của người Việt. Từ có hai từ tố lược bớt đi một, chỉ còn lại một, nhưng giá trị biểu đạt tương đương. Ví dụ: *vả* rút ra từ *vả lại*: "*Ngộ để anh ấy lên bờ, rồi mình mấy xây xước chẳng hạn, thì quan nào cho chôn? Vả chết đuối, sao nằm trên bờ được.*" (*Thịt người chết* - Nguyễn Công Hoan).

Ở Nam Bộ cũng có những cách nói rút gọn thú vị như trên. Các từ *ông nội*, *bà nội* người ta chỉ cần dùng *nội* chung cho cả hai từ vẫn được. Ví dụ, *bà nội* nói với cháu: "*Lại đây với nội nào!*". Từ *ông ngoại*, *bà ngoại* cũng được sử dụng tương tự. Chẳng hạn, người mẹ nói với con: "*Con ở nhà với ngoại để mẹ đi làm nhé!*". Từ *bao nhiêu* chỉ cần dùng một tiếng *nhiều* là đủ. Chẳng hạn, có thể hỏi một chủ tiệm vàng: "*Giá vàng hôm nay nhiều có*".

2.4. Kiểu thứ tư là kiểu đảo đối âm, thanh, chuyển cụm từ thành từ: Ta thấy kiểu này xuất hiện trong khẩu ngữ vùng Bắc Bộ với từ "**phỏng**". Ví dụ: "*Thiếu những mười tám thằng kia à? Tuần đâu, đến tận nhà chúng nó, lòi cổ chúng nó ra đây. Chứ đã hẹn đi lại còn chuẩn phỏng!*" (Tinh thần thể dục - Nguyễn Công Hoan). "**Phỏng**" có nghĩa là "phải không", hay là *phải không* được rút gọn thành *phỏng*.

Ở Nam Bộ cũng có cách rút gọn độc đáo kiểu như thế, cũng mang tính khẩu ngữ và đậm màu sắc địa phương. Từ *ảnh* được rút gọn từ cụm từ *anh ấy*. Chẳng hạn, "*Buổi chiều thứ nhất, tôi và ảnh gặp nhau ở nhà vệ sinh, ảnh bảo tôi để ảnh nhận hết về phần mình để giảm tổn thất cho bên ta*". (Báo Công an thành phố Hồ Chí Minh, số 1-9/9/2002). Theo "*Từ điển phương ngữ Nam Bộ*" do Nguyễn Văn Ái chủ biên thì các từ: *hôm* là từ đã được rút gọn của cụm từ *hôm ấy*, *bả* là *bà ấy*, *ông* là *ông ấy*, *cổ* là *cô ấy*, *nằm* là *nằm ấy*, *chỉ* là *chị ấy*, *trên* là *trên ấy*, *bên* là *bên ấy*, *trong* là *trong ấy*, *ngoài* là *ngoài ấy*, v.v... Chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy chúng có chung một dạng cấu tạo. Những cụm từ trên thường có hai âm tiết, khi chưa rút gọn, ở âm tiết thứ nhất mang thanh huyền (ˊ) hoặc thanh không dấu, phân vần và phụ âm đầu của âm tiết này khi rút gọn sẽ vẫn được giữ nguyên, nhưng thanh điệu nguyên gốc của nó thì biến mất và thay vào đó là thanh hỏi (ˋ); âm tiết thứ hai ("*ấy*") cũng được lược bỏ. Nếu âm tiết thứ nhất ta kí hiệu là X<sup>(ˊ hoặc ˋ)</sup> thì ta có thể tóm tắt như sau: X<sup>(ˊ hoặc ˋ)</sup> + "*ấy*" = X<sup>(ˋ)</sup>.

2.5. Một kiểu rút gọn nữa là lược bỏ bớt âm tiết trong cụm từ để tạo từ nhưng không có hiện tượng đảo đối âm thanh như trên: Ví dụ, "*nhà để xe*" thành "*nhà xe*", *đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam* thành "*đảng viên*", (Nó học) *Trường đại học Bách khoa thành (Nó học) Bách khoa...*", *Việt Minh: Hội nghị chủ trương thành lập Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh) bao gồm các tổ chức quân chúng lấy tên là hội cứu quốc...*" (*Lịch sử 12*, tập 2 - trang 53),

3. Rút gọn ngoài mục đích giản tiện trong phát ngôn, mà rút gọn còn là một cách tạo các đơn vị từ vựng mới như đã nói ở trên. Việc tạo từ ngữ mới tuy nhiên cũng còn những trường hợp chưa được cộng đồng chấp nhận. Nó đang còn "trên đường ổn định". Rút gọn là hiện tượng phổ biến của mọi ngôn ngữ không chỉ có ở tiếng Việt. Trong tiếng Việt, đặc biệt là ở Nam Bộ có nhiều kiểu rút gọn khá độc đáo cần phải được tiếp tục nghiên cứu.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO VÀ TRÍCH DẪN

1. Một thầy giáo mời năm đi kiện - Bùi Ngọc Long. Báo Giáo dục & Thời đại số 105 - 31/8/2002.

2. Lịch sử 12, tập 2 - NXB Giáo dục, 2000.

3. *Từ điển phương ngữ Nam Bộ* - Nguyễn Văn Ái chủ biên, NXB Tp Hồ Chí Minh, 1994.
4. *Văn học 11*, tập 1 - NXB Giáo dục, 1998.
5. *Tổng tập Văn học Việt Nam*, tập 29A - NXB KHXH, Hà Nội - 1989.
6. *Về khái niệm tỉnh lược* - Phạm Văn Tình. Tạp chí *Ngôn ngữ* số 9/1999.
7. *Những người đàn bà không có niềm vui* - Bạch Dương. Tạp chí *Giáo dục & Thời đại*, số 35-1/9/2002.
8. *Anh Trỗi trong kí ức* - Nguyễn Hữu. Báo *Công an thành phố Hồ Chí Minh*, số 1-9/9/2002.

## VIẾT TẮT TIẾNG VIỆT: TÌNH TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

LÊ HOÀI THAO

(Hải Dương)

Hình thức viết tắt hiện nay đã trở nên thông dụng và phổ biến nhất là trên lĩnh vực báo chí. Phải công nhận rằng trong chừng mực và giới hạn nào đấy, chữ viết tắt được xem là một biện pháp cần thiết. Nó vừa ngắn, gọn, vừa tiết kiệm giấy mực, thì giờ, công sức, vừa khỏi phải nhắc lại cả tổ hợp từ hay cụm từ dài dằng dặc. Nhưng do sự cấu tạo rắc rối và phức tạp của từ tiếng Việt nên khi viết tắt đã nảy sinh nhiều ý kiến và phương thức khác nhau. Từ trước đến nay, do chưa có quy ước chung nên mạnh ai ...hoặc theo nhau mà viết:

A – Với nguyên âm: An toàn lao động được viết tắt là ATLD

Cửa hàng ăn uống được viết tắt là CHAU

B – Với phụ âm, có 3 trường hợp:

1 – Phụ âm đơn: Việt Nam được viết tắt là VN

Cộng hoà được viết tắt là CH

Xã hội được viết tắt là XH

2 – Phụ âm kép: Chính phủ được viết tắt là CP

Ngoại ngữ được viết tắt là NN

Ngư nghiệp được viết tắt là NN

3 – Phụ âm đơn và phụ âm kép:

Nông nghiệp được viết tắt là NN

Nước ngoài được viết tắt là NN

Nhà nước được viết tắt là NN

Từ những thí dụ trên, ta thấy có điều hợp lí và cả những điều chưa hợp lí. Bởi khi viết tắt, người ta chỉ căn cứ và lấy chữ cái đứng đầu từ đại diện. Đối với nguyên âm và phụ âm đơn thì chẳng có gì phải bàn cãi. Nhưng đối với những phụ âm được cấu tạo bởi 2 hay 3 thành tố thì có vẻ chưa ổn. Vì chúng bị đơn giản tới mức tối đa. Thí dụ:



“chủ nghĩa xã hội”: tổ hợp từ này được viết tắt là CNXH. “xã” và “hội” chỉ có 2 phụ âm đơn là X và H. Còn “chủ nghĩa” lại được cấu tạo bởi 2 cặp phụ âm CH và NGH. Nhưng khi chúng được viết tắt, ta chỉ thấy 2 chữ cái đứng đầu từ là C- và N-. Như vậy, ta đã làm một việc trái khoáy là tách hai cặp phụ âm này thành hai thành phần riêng rẽ: CH thành C và H, NGH thành N và GH. Vô hình chung ở đây -H và -GH cũng được coi như là những ...nguyên âm (!). Do vậy, tổ hợp “chủ nghĩa” được cấu tạo như sau: C + Hủ = Chủ, N + Ghĩa = Nghĩa.

“Thủ tướng” lại được viết theo hai cách: hoặc TT, hoặc TTg, cũng có khi là Ttg.

“Trung ương” lại có tới 3 cách viết: khi thì TU, khi thì TŨ, khi thì TW.

Viết tắt là một nhu cầu đòi hỏi trong việc thể hiện một số từ ngữ trên mặt giấy nhất là trong lĩnh vực báo chí và trong một số văn bản hành chính. Nhưng viết tắt trong trường hợp nào, viết như thế nào, viết liền nhau hay cách nhau một khoảng nhất định, có cần đặt chấm lửng bên cạnh hay không, phụ âm kép viết ra sao, viết thế nào cho đúng với nguyên tắc chính tả, kí tự bằng chữ in thường hay chữ in hoa?

#### Đôi điều kiến nghị

I – Dù thế nào đi nữa, khi viết tắt không có cách nào khác, bắt buộc ta phải lấy chữ cái đứng đầu mỗi từ, đầu chúng là nguyên âm hay phụ âm, đặt chúng lại sát nhau, liên tiếp theo trật tự của cặp từ, tổ hợp từ hay cụm từ. Trước khi viết, phải viết đầy đủ những từ cần viết tắt, rồi mới mở, đóng ngoặc (...) những chữ viết tắt. Trong thực tế, có không ít những tờ báo đã không làm được yêu cầu này. Xin dẫn ra đây mấy trường hợp làm thí dụ:

“Cam là CẢQ nhiệt đới...” (nông nghiệp Việt Nam, số Xuân 2002)

“Kinh nghiệp đảm bảo CLVSATTP” (Giáo dục và Thời đại, chủ nhật, số 6, ngày 11/12/2001)

“Qua nắm tình hình, Đội CBL & BBHC – phòng CSKT...” (An ninh Thủ đô, số 724, ngày 28/12/01)

Người đọc không thể nào “luận” ra được những chữ cái trên được viết tắt từ những từ hoàn chỉnh nào.

II - Đối với những từ bắt đầu bằng nguyên âm hay phụ âm đơn thì đơn giản và dễ dàng. Các từ được cấu tạo bằng nhiều thành tố phụ âm ở cả đầu từ và cuối từ nên viết đầy đủ các thành tố tạo nên cặp phụ âm – phụ âm kép - đứng đầu từ: không cần viết những phụ âm đứng cuối từ. Thí dụ:

1. Nguyên âm, phụ âm đơn: An toàn lao động = A.T.L.Đ.

Sinh đẻ có kế hoạch – S.Đ.C.K.H.

2. Phụ âm nhiều thành tố: Chính phủ = Ch.ph.

Thủ tướng = Th.t.

Trung ương = Tr.ư.

Riêng cặp “trung ương” không viết T.U. hay T.W. bởi 2 lẽ:

-U không có “quyên” thay thế cho Ʊ. Vì Ʊ là chữ cái khác U. Nó có trong bảng chữ cái tiếng Việt, đứng ở hàng thứ 26, bình đẳng như những chữ cái khác. Không ai có thể bác bỏ hay phé truất vị trí của nó.

-W cũng không tương ứng với Ʊ. Trong bảng chữ cái tiếng Việt (theo sách giáo khoa lớp 1, bậc Tiểu học, do Bộ Giáo dục và Đào tạo ấn hành năm 1995) không có chữ W. Nó chỉ có trong bảng Alphabet một số ngữ như Latin, Anh, Pháp, Đức,...Nếu trong tiếng Việt được chấp nhận thì W mang danh tính gì và “liệt” vào loại nguyên âm, bán nguyên âm hay phụ âm, chức năng của nó ra sao?

Gần đây, trong Từ điển tiếng Việt, các soạn giả đã đưa W vào bảng chữ cái, xếp nó đứng ở hàng thứ 20 (cùng với F ở hàng thứ 10, J ở hàng thứ 14 và Z ở hàng thứ 33) với các tên gọi: vê đúp, vê đôi, vê kép. Nhưng nó chỉ được dùng để ghi vào các từ vay mượn của tiếng nước ngoài – thường là các thuật ngữ khoa học, kĩ thuật như: watt, wolfram,... hay tên riêng nước ngoài như các doanh nhân Đức: Wagner (đại nhạc sư), Wilhelm (nhà Vật lí học), Wilhelm Pick (lãnh tụ Cộng sản),...Trong mấy trường hợp trên, W được dùng như V của tiếng Việt. Với tiếng Anh, W được dùng như một bán nguyên âm (semi-voyelle): Washington, Wall, Well. Như vậy rõ ràng là ta không thể coi chữ W, Ʊ trong tiếng Việt được. Vì Ʊ của tiếng Việt rất linh hoạt. Nó có thể đứng:

- Độc lập: ừ! (đồng ý)
- Đầu từ: ươm (hạt), ướp (hoa)
- Cuối từ: hư từ, lừ đừ,...

III – Khi sử dụng lối viết tắt nên viết cách rời và có dấu chấm lặng bên cạnh để thể hiện chúng là những chữ cái được viết tắt của một từ hoàn chỉnh nào đó. Thí dụ:

- Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam viết tắt là: C.H.X.H.Ch.Ngh.V.N.
- Hội Ngôn ngữ học Việt Nam viết tắt là: H.Ng.Ng.H.V.N.
- Toà án nhân dân viết tắt là: T.A.N.D.

Không nên viết tắt một số cặp từ kiểu phân số như: P/v, T/h, T/m, ... thay cho “phóng viên”, “thực hiện”, “thay mặt”...

Gần đây, đã có nơi, có tờ báo, biểu ngữ viết: cảnh sát giao thông = C.S.G.T; Đại học Quốc gia = Đ.H.Q.G hoặc Th.s hay Trang (sách) = tr...Nhưng không có chấm lặng ở cuối cùng (?)

Trong tiếng Việt còn có hai trường hợp Qu- và Gi-. Dạng này hơi “đặc biệt”: -u và -i không thể tách rời chủ thể của nó. Chẳng hạn như cặp từ Quốc

gia. Cứ theo như lí giải ở trên thì khi viết tắt, ta cũng cần phải viết là: Qu- và Gi-. Nhưng vì -u và -i đều là nguyên âm nên có thể chỉ viết là Q. và G. cũng được.

IV – Các tổ hợp từ hay cụm từ có từ 3 thành tố trở lên hãy thực hiện lối viết tắt. Khi chỉ là một cặp từ có hai thành tố trở xuống thì nên viết đầy đủ cả từ nhằm đảm bảo tính nghiêm túc, tránh tình trạng tủn mủn, vụn vặt, nhầm chán. Mỗi khi cầm tờ báo trên tay, thấy tràn lan những chữ viết tắt người đọc cảm thấy ngán ngẩm, không muốn đọc nữa.

V – Chỉ nên viết tắt đối với các chức danh, học hàm hay học vị của người nào đó (chẳng hạn: Giáo sư, Tiến sĩ khoa học – Chủ tịch Hội Ngôn ngữ học Việt Nam Nguyễn Quang Hồng), tiêu ngữ, tên các đoàn thể, tổ chức xã hội, cơ quan, doanh nghiệp, chương trình hành động có tính rộng rãi, lâu dài (kế hoạch hoá gia đình, tiêm chủng mở rộng, điện khí hoá nông thôn, công nghiệp hoá - hiện đại hoá, ...), sau những số công văn, nghị định, chỉ thị, nghị quyết, các loại bằng khen thưởng, hoặc những căn bệnh xã hội mà nhiều người đã biết cũng không cần phải viết đầy đủ cả từ như HIV – AIDS (không viết theo kiểu như đã thường viết HIV/AIDS vì giai đoạn đầu là nhiễm HIV, sau phát thành bệnh AIDS là tiếp theo). Có những trường hợp khi viết không nên phân cấp, cấp được ưu ái viết hoa, cấp lại viết thường. Chẳng hạn:

- Tiến sĩ được viết hoa cả hai chữ là T.S.
- Thạc sĩ lại được viết là Th.s.
- Cử nhân cũng được viết như tiến sĩ là viết hoa cả 2 chữ C.N. (!)

Tình trạng này, phải chăng khi viết, người ta thiếu chú trọng? Đúng ra, chỉ cần viết hoa chữ đầu là đủ: T.s; Th.s; C.nh;...

### Kết luận

Tuy nhiên, do sự cấu tạo rắc rối, phức tạp (nhưng rất khéo, rất hay của từ ngữ tiếng Việt) và thói quen lâu nay đã viết, người đọc đã chấp nhận và cảm thụ được thì ...để cho ngắn gọn, đơn giản, chúng tôi cũng đồng ý với lối viết tắt đang thịnh hành. Nhưng nên thêm chấm “lặng” sau mỗi chữ cái đại diện, không cần phải viết cả phụ âm đứng cuối từ, không dùng W hay U thay cho U, loại bỏ lối viết khi chỉ có hai từ trở xuống và kiểu viết theo lối phân số.

Có lẽ không có cách nào khác là lấy chữ cái in hoa để kí tự, dẫu không phải trường hợp nào cũng hợp lí. Bởi vì không ít trường hợp chúng không nằm trong diện ưu ái này và trái với nguyên tắc chính tả: không phải là danh từ riêng cũng không được viết hoa trong khi chúng lại đứng ở giữa dòng!

## NÓI TẮT NHU CẦU VÀ HỆ QUẢ

LÊ XUÂN MẬU

(Hà Nội)

1. Nói tắt trong cấp độ từ ngữ là hiện tượng khá phổ biến. Chúng tôi quan niệm nói tắt trong việc dùng từ là rút gọn một vài thành tố trong một tổ hợp từ ngữ.

Có những hình thức nói tắt sau: (1)

a, Từ song tiết thành đơn tiết: AB → A (B)

se sẻ → sẻ

buổi trưa → trưa

tú tài → tú

Tiếp Khắc → Tiếp

le le → le

mười rằm → rằm

tri huyện → huyện

Nhật Bản → Nhật

(từ 3 âm tiết thành đơn tiết có ít, chủ yếu là tên các nước phiên qua Hán Việt: Nga la tư, Anh cát lợi...)

b, Từ đa tiết đẳng lập thành song tiết (đa tiết):

ACBC → ABC: xuất nhập khẩu, y bác sĩ

ABCD → AC: tuyên (truyền) huấn (luyện)

ACBC → AB: Nông hoá (học)

c, Từ đa tiết chính phụ thành song tiết: ABCD → AB

Tổ chức hôn lễ → tổ chức

cá nhân chủ nghĩa → cá nhân

Trong những hình thức nói tắt của GS Nguyễn Kim Thản nêu ra, chúng tôi không coi các hình thức đọc chữ tắt như ATK, CQ ... là nói tắt. Xin được bàn thêm về cách đọc chữ tắt sau.

2. Nói tắt là một nhu cầu trong nói năng của tất cả các ngôn ngữ. Nói tắt diễn ra trong cả việc mượn từ. Bài này không đề cập đến việc nói tắt mượn

theo cách nói tắt ở từ gốc (như bình vận...). Và để đỡ rối, xin không nói tới các hình thức nói tắt từ mượn của các ngôn ngữ khác ngoài Hán Việt.

a, Trước hết, nói tắt thoả mãn nhu cầu tiết kiệm trong giao tiếp, trong tạo từ và sử dụng từ của cộng đồng.

Trong nói năng, việc bỏ bớt các yếu tố (âm tiết) không cần thiết là một nhu cầu tự nhiên. Và sẽ rất hợp lí khi ngữ cảnh cho phép. Vì vậy sẽ khó chấp nhận khi phê phán hình thức nói tắt kiểu:

- y bác sĩ, tâm sinh lí, trưởng phòng ban
- Cao - xà - lá, xuống (bến xe) Trạm Xăng
- Phê tự phê

Những hình thức đó đáp ứng trước hết nhu cầu của cộng đồng (hẹp) sử dụng ngôn từ đó. Với những điều giả định đã có trong cộng đồng này, việc nói tắt đó là hiểu được, là hoàn toàn hợp lí, không dùng mới là vô lí! Còn chuyện mở rộng là chuyện khác, phụ thuộc vào nhiều yếu tố (mức độ tác động tới toàn dân của từ này, những quy luật ngôn ngữ tác động vào nó).

Với việc tạo từ cũng vậy thôi. Nhu cầu tạo từ nói tắt cũng xuất phát từ một cộng đồng nhỏ rồi mở ra toàn dân trong những điều kiện cho phép. Cứ nhìn vào các từ “ghép” kiểu nói tắt như Tuyên huấn, Khoa giáo, phê tự phê... là có thể rõ điều đó. Cộng đồng đã chấp nhận “phê tự phê” cho thấy lời kêu ban đầu vì sự nói tắt “phê bình → phê” là quá khắt khe.

Đến đây một vấn đề đặt ra: vì sao không thể nói “phát biểu → phát”? Và nói chung nhiều lối nói tắt khác đã không được chấp nhận vì lí do gì? Vấn đề điều kiện của nói tắt là một vấn đề lí thú.

Đúng như GS Nguyễn Kim Thản nói, quy luật tiết kiệm không phải là tất cả. Hiện tượng ngôn ngữ nói tắt còn chịu tác động của nhiều quy luật khác, yêu cầu khác như:

- Biệt loại nghĩa: không thể nói tắt chuẩn chuẩn thành “chuôn”, đồng đồng thành “đồng” hoặc “dong”... Cũng không thể nói phát biểu thành “phát”. Chữ “thoát lí” cũng dần không được dùng vì nó không còn đơn nghĩa.

- Văn hoá thẩm mĩ: Chữ phát còn không thể chấp nhận vì sự thô thiển, tục nũa của đồng âm. Cũng vì lí do này mà dù nói tắt “tỉnh uỷ”, “huyện uỷ” vẫn không ai nói tắt xã uỷ! Hầu tước nói tắt cũng không được cũng vì lẽ đó (và có khá nhiều phụ ngữ của nó).

Ngược lại vì yêu cầu kinh tế, mĩ cảm mà không thể tách “tâm lí, sinh lí” trong một ngữ cảnh này: “Các đồng chí (sinh viên thực tập sư phạm) cần đi sâu tìm hiểu tâm lí, sinh lí của các em học sinh”.

Nói về nhu cầu nói tắt, ngoài nhu cầu “tiết kiệm” cần thêm một nhu cầu khác. Đó là nhu cầu tu từ, kiểu dụng nhã ngữ, ngoa ngữ. Đây là nhu cầu tránh (hoặc cố ý) dùng trong những trường hợp từ chính gợi buồn hoặc

vui...(Đi) bệnh viện nói là (đi) Viện là một nhà ngữ. Lão dính (lú) vào vụ Năm Cam. Kỳ này lão lố (vốn) nặng! Nó thắng lớn...là những nói tắt tu từ

3. Hệ quả của nói tắt cũng là điều rất đáng quan tâm.

Trước hết là tính sinh động của ngôn ngữ giao tiếp. Cùng với sự tiết kiệm, tính ngắn gọn của ngôn ngữ giao tiếp thể hiện rõ. Bản thân sự ngắn gọn tiết kiệm đã đáp ứng được nhịp sống hiện đại, đáp ứng quan hệ thân mật trong giao tiếp. Ngoài ra những dạng nói tắt có giá trị tu từ còn làm cho ngôn ngữ giao tiếp tăng thêm tính biểu cảm. Đặc biệt là những hình thức nói tắt sử dụng trong các nhóm xã hội (tuổi trẻ, học sinh...) càng thể hiện giá trị này.

Một hệ quả quan trọng khác là giá trị tạo từ của nó. Nhờ nói tắt ta đã có thể làm cho một số từ tố Hán Việt “lách” qua hàng rào từ thuần Việt để vào tiếng Việt bổ sung cho vốn từ Việt (2). Từ “thổ” nhờ hình thức nói tắt “thổ cư” (đất ở) đã vào tiếng Việt trong khi tiếng Việt đã có “đất” (= thổ). Cũng như vậy có các từ “thâm”, “trọng”... Từ “vô tư” rút gọn “vô tư lự” là một thí dụ khác. (3) Ngay như “tang thương” với nghĩa mới cũng là từ mượn vào qua sự nói tắt “tang hải thương điền”. Cũng bằng hình thức nói tắt và Việt hoá cách tạo từ mà ta có nhiều từ mới: kích cầu (kích thích nhu cầu), hội thảo (nghiên thảo hội)...

4. Cuối cùng xin nói thêm về hình thức đọc chữ tắt.

Trước hết là các chữ tắt Việt Nam. Những “an toàn khu” (đọc Atêca), cơ quan (đọc là Xê ca)...Đây không phải là nói tắt như đã nêu ở đầu bài. Tuy nhiên từ chỗ đọc chữ tắt (vài âm tiết) người ta có cách “nói tắt” thật sự. Đó là trường hợp Bí mật → B.M (bê em mờ) → “Bem”. Và bọn nguy thời kháng chiến chống Pháp cũng gọi Việt Minh là “Vem” (V.M = vem thêm dấu nặng).

Còn hiện nay việc đọc các chữ tắt nước ngoài rất cần có sự hướng dẫn của các cơ quan có trách nhiệm. Cách đọc “Vitamin O”, I đô, Ai đô...và một dãy “đốp bơ liu” nữa. Rất nên có sự thống nhất trong các cơ quan thông tin đại chúng.

Là người sử dụng ngôn ngữ, có quan tâm chút ít đến những vấn đề lí luận, xin được góp vài ý nhỏ vào vấn đề có nhiều lí thú này xin không có lời “kết luận” nào cuối bài viết.

## CHÚ THÍCH

- (1) Xem bài “Vấn đề nói tắt trong tiếng Việt”
- (2) “Mẹo giải nghĩa từ Hán Việt” – GS Phan Ngọc
- (3) “Xin bình phẩm vô tư” (“Tia sáng” số 2/2001)

# ĐỐI CHIẾU MỘT SỐ CÁCH VIẾT TẮT TRONG TIẾNG NGA VÀ TIẾNG VIỆT - ĐÔI ĐIỀU SUY NGHĨ

PHẠM THUẬN THÀNH

(Bắc Ninh)

Đi bộ từ A đến B, ngoài việc đi trên con đường chính làm sẵn dựa theo trình độ thuận lợi, người ta luôn tìm những con đường ngắn hơn để đi, đó là đi tắt. Trong ngôn ngữ cũng có hiện tượng nói tắt, viết tắt như vậy, và nó phổ biến ở mọi ngôn ngữ. Người ta dùng những kí hiệu ngôn ngữ mới, đơn giản để thay thế cho một từ, hoặc một cụm từ. Viết tắt là do thói quen của riêng mỗi người, tức là những kí hiệu ngôn ngữ ước định do cá nhân đặt ra. Nhưng với điều kiện văn bản là để thông tin thì những kí hiệu cá nhân này sẽ gây khó khăn cho cá thể khác tiếp nhận thông tin. Lượng thông tin ngày một lớn theo đà phát triển vũ bão của các phương tiện thông tin thì số lượng chữ viết tắt cũng ngày một lớn dần, lại có nhiều chuyên ngành khác nhau làm cho người tiếp nhận thông tin càng khó khăn hơn.

Trên thế giới, có lẽ chỉ có Trung Quốc là chú ý đặc biệt tới việc hệ thống hoá chữ viết tắt. Họ có một cơ quan nhà nước chuyên môn để nghiên cứu, cải tiến và thống nhất chữ viết tắt. Chữ tắt giảm đáng kể số nét viết vì có khi họ chỉ dùng một nét phỏng dạng chữ gồm rất nhiều nét, sao cho chữ tắt không trùng với chữ đã có (khác âm, khác nghĩa). Như vậy, với những chữ đã thống nhất viết tắt, ở Trung Quốc có hai dạng chữ được sử dụng song song, và được ghi vào từ điển. Hiệu quả chữ viết tắt rất lớn. Ví dụ chữ lễ:

Lễ (cổ): 禮 gồm 17 nét

Lễ (tắt): 礼 gồm 5 nét

Ở nước ta do không có sự thống nhất viết tắt của nhà nước nên chữ viết tắt vẫn còn là quy ước cá nhân, nhưng một số chữ do tần số sử dụng nhiều nên vẫn rất quen thuộc với mọi người, như: HTX = hợp tác xã; XHCN = xã hội chủ nghĩa; UBND = uỷ ban nhân dân. Thậm chí một số chữ viết tắt trở thành từ mới, mà người sử dụng có khi quên hẳn từ đầy đủ của nó, như từ Việt Minh (Việt Nam cách mạng đồng minh hội). Quá trình giao lưu ngôn ngữ, nhiều từ viết tắt tiếng nước ngoài cũng trở thành quen thuộc với mọi người, và do ưu thế sử dụng nó cũng trở thành từ mới của tiếng Việt như: CCCP (Liên Xô), tiếng Việt (ti - vi, vô tuyến truyền hình),... Do viết tắt đang

còn là quy ước cá nhân nên người ta viết tắt theo mọi ngôn ngữ, cách đọc chữ viết tắt cũng tha hồ tùy tiện, đúng là một mớ hỗn độn dở ngớ dở ta, dở tây dở tàu. Nhu cầu thống nhất nhà nước chữ viết tắt, cách đọc chữ viết tắt nhằm tăng hiệu quả thông tin với mọi người đang là vấn đề cấp thiết hiện nay.

Tiếng Nga đã có thời chiếm ưu thế ở ta. Hiện tượng viết tắt trong tiếng Nga khá hiệu quả vì chúng đều có tần số sử dụng cao. Quan sát cách viết tắt trong tiếng Nga và tiếng Việt, ta thấy có nhiều nét giống nhau, nhưng tại sao hiệu quả của tiếng Việt lại thấp hơn? Xin đối chiếu một số dạng viết tắt:

1 – Viết tắt bằng chữ cái đầu

Nga: СССР, СРВ, 3, АК...

Việt: HTX, XHVN, UBND,...

2 – Viết tắt bằng vần đầu chữ đầu và chữ cái đầu:

Nga: КАМАЗ

3 – Viết tắt bằng vần đầu:

Nga: КОМКОМОЛ

Việt: FAFIM, XUNHASABA, TOCONTAP

4 – Viết tắt bằng một hoặc vài âm cơ bản:

Nga: Аексаигр – Саса:

Việt: Việt Nam cách mạng đồng minh hội – Việt Minh

Việt Nam Quốc dân đảng – Việt Quốc

Việt Nam cách mạng đảng – Việt cách

TV – ti vi (từ tiếng Anh)

5 – Viết tắt theo kí hiệu:

Nga:

Việt: B – C – K – Tên các chiến trường (đánh Mĩ)

A, b, c, d, e, f – tên các cấp phiên chế quân đội

Về cách đọc chữ viết tắt thì người Nga coi chữ viết tắt là một từ và đọc trực tiếp, còn người Việt thì có khi đọc theo chính âm, có khi cũng đọc trực tiếp, còn người Việt thì có khi đọc theo chính âm, có khi cũng đọc trực tiếp. Với những chữ viết tắt ngoại nhập thì có rất nhiều cách đọc. Ví dụ:

TV: ti vi, tê vê, tờ, vờ, vô tuyến truyền hình...

СССР: xê xê xê pê, cờ cờ cờ pờ, Liên Xô, thậm chí còn là “các chú cú phá”, “cô chú cú phá”...

Do đọc trực tiếp chữ tắt nên trong tiếng Nga, chữ tắt thành từ mới, được nghi vào từ điển và vẫn mang đầy đủ nghĩa của từ, cụm từ nó thể hiện. Trong



tiếng Việt những chữ viết tắt đọc được thì dễ được chấp nhận và cũng thành từ mới, đến mức người ta quên cả âm đọc đầy đủ của cụm từ đầy đủ. Như: ti vi, Việt Minh, ết (bệnh), ra tô...

Hiện nay ở ta đang có “phong trào” viết tắt chữ Đài phát thanh truyền hình tỉnh đưa thành biểu trưng nhưng gặp “sự cố” vì chữ cái tên tỉnh trùng nhau: Hà Nội, Hà Tây, Hà Nam, Hà Tĩnh...và vẫn không có âm vần để đọc, thành ra chữ viết tắt thì gọn mà âm đọc lại không gọn.

Ví dụ: Đài phát thanh truyền hình Hà Tây – HTV (hát tê vê)

Nếu vận dụng cách viết tắt bằng vần đầu và chữ cái đầu, thì chữ viết tắt tuy vẫn “hơi dài” nhưng âm đọc ngắn, và đọc được nên hẳn dễ chấp nhận hơn mà lại tránh được sự trùng nhau:

Ví dụ:

- Đài phát thanh truyền hình Hưng yên (7 âm), viết tắt thành: HYT (hết) 3 chữ cái, 1 âm đọc (T là chữ cái đầu chữ tắt TV, hay Television).

- Đài phát thanh truyền hình Hà Tây (7 âm) viết tắt thành: HàTrung tâm Ngôn ngữ và Văn hoá vùng đồng bằng sông Cửu Long (ha tát): 5 chữ cái, 2 âm đọc

- Đài phát thanh truyền hình Hà Nội viết tắt thành HANOT (ha nốt)...

Với những chữ viết tắt có nguồn gốc nước ngoài thì cần có cách đọc trực tiếp thống nhất, coi nó là một từ Việt mới.

Ví dụ chữ WTO nên đọc là Uy tô

Không nên đọc là “vê kép tê ô” hay “đúp bờ liu tê ô”, không còn gì là “tắt” nữa.

Hãy học chữ EIDS có âm đọc “ết” ngắn gọn đã nhanh chóng phổ biến, rõ ràng tiếng Việt có thêm từ mới, đó là bệnh ết. Chữ viết tắt nước ngoài đã bị Việt hoá thật thú vị.

Nhưng phần lớn chữ viết tắt vẫn là cách dùng chữ cái đầu, do đó chỉ viết tắt cụm từ có tần số sử dụng cao, nhưng phải có chú thích lần đầu. Đây chỉ là viết tắt thuần tuý vì vẫn phải đọc đầy đủ. Như UBND = Ủy ban nhân dân.

Cần tránh cách viết tắt dùng thành phần chính của cụm từ, tạo thành từ mới có nghĩa không mong muốn. Như từ: “vấn đề tai nạn” và “vấn đề tệ nạn” viết thành “vấn nạn” thì “vấn” sẽ có nghĩa “hỏi thăm” chứ không thể ép người đọc người nghe phải hiểu ra “vấn đề” được. Tất nhiên, đây là kí hiệu cá nhân là quyền người Việt, nhưng không được phép phổ biến.

Tóm lại: Viết tắt là nhu cầu thực tế sử dụng ngôn ngữ cá nhân. Để viết tắt là nhu cầu thực tế sử dụng ngôn ngữ cá nhân. Để viết tắt có chức năng thông tin cần có sự thống nhất nhà nước hệ thống kí hiệu viết tắt theo hướng từ loại hoá. Cũng nên thận trọng khi dùng chữ viết tắt, kéo một văn bản toàn chữ viết tắt thì ...trời hiểu.